



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2013

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2013



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
INFORMATION AND COMMUNICATIONS PUBLISHING HOUSE

MỤC LỤC

Vị thế, chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	iii
Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	v
Lời tựa của Thống đốc	vii
Các Vụ, Cục, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	ix
■ Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam	1
1. Tổng quan kinh tế thế giới	1
1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới	1
1.2. Điều hành chính sách tiền tệ của một số quốc gia	3
2. Kinh tế Việt Nam	3
2.1. Tăng trưởng kinh tế	4
2.2. Lao động, thu nhập	6
2.3. Diễn biến lạm phát	7
2.4. Thu chi ngân sách Nhà nước	8
2.5. Cán cân thanh toán	9
2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ	10
2.7. Hoạt động của các tổ chức tín dụng	18
■ Phần II - Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	21
1. Điều hành chính sách tiền tệ	21
2. Quản lý ngoại hối	24
3. Ổn định tài chính	27
4. Công tác pháp chế	32
5. Công tác phát hành kho quỹ	33
6. Công nghệ ngân hàng và hoạt động thanh toán	35
7. Hoạt động thông tin tín dụng	37
8. Công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin	40
■ Phần III - Quản trị nội bộ	41
1. Hoạt động kiểm toán nội bộ	41
2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng	41
3. Công tác nghiên cứu khoa học	44
4. Công tác thống kê	45
5. Công nghệ thông tin	45
■ Phần IV - Hợp tác quốc tế	47
1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế	47
2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế	48
3. Quan hệ hợp tác song phương	51
■ Phụ lục	53

VỊ THẾ CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Trụ sở chính, 49 Lý Thái Tổ, Hà Nội, Việt Nam

□ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, là Ngân hàng trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.

Tóm lược Điều 2, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Chính sách tiền tệ quốc gia là các quyết định về tiền tệ ở tầm quốc gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm quyết định mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền biểu hiện bằng chỉ tiêu lạm phát, quyết định sử dụng các công cụ và biện pháp để thực hiện mục tiêu đề ra.

Khoản 1, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm được thể hiện thông qua việc quyết định chỉ số giá tiêu dùng và giám sát việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Khoản 2, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Chính phủ trình Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm. Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc sử dụng các công cụ và biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia theo quy định của Chính phủ.

Khoản 4, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

**BAN LÃNH ĐẠO
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**



Ông Nguyễn Văn Bình
Tổng đốc



Ông Nguyễn Đồng Tiến
Phó Tổng đốc



Ông Đặng Thanh Bình
Phó Tổng đốc



Ông Nguyễn Toàn Thắng
Phó Tổng đốc



Ông Lê Minh Hưng
Phó Tổng đốc



Ông Đào Minh Tú
Phó Tổng đốc



Ông Nguyễn Phước Thanh
Phó Tổng đốc



Thống đốc
Nguyễn Văn Bình

Lời tựa của Thống đốc

Năm 2013 đánh dấu hơn một nửa chặng đường của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015. Nửa chặng đường qua đi đã ghi nhận những kết quả khả quan về điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ trong điều kiện kinh tế thế giới biến động phức tạp, trong đó có sự đóng góp hết sức tích cực của ngành Ngân hàng. Chịu tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008, suy thoái kinh tế thế giới 2009 và sau đó là khủng hoảng nợ công châu Âu, kinh tế thế giới diễn ra ảm đạm từ năm 2011. Năm 2013, những tín hiệu tích cực từ các nền kinh tế phát triển đã nhen nhóm hi vọng về sự hồi phục của kinh tế thế giới, nhưng rủi ro mới lại xuất hiện từ sự chững lại của các nền kinh tế mới nổi. Thị trường tài chính toàn cầu cũng diễn biến phức tạp dưới ảnh hưởng của khủng hoảng nợ công châu Âu, tỷ giá các đồng tiền biến động khó lường. Làn sóng nói lỏng tiền tệ hỗ trợ tăng trưởng kinh tế lan rộng trên toàn thế giới, trong đó các ngân hàng trung ương (NHTW) lớn liên tục thực hiện các giải pháp chính sách tiền tệ phi truyền thống để phục hồi các hoạt động kinh tế. Ở trong nước, sau những bất ổn kinh tế vĩ mô giai đoạn 2008-2010 với lạm phát tăng cao và biến động, cán cân thanh toán thâm hụt, thị trường tiền tệ ngoại hối căng thẳng, hệ thống ngân hàng đứng trước nguy cơ đổ vỡ, từ giữa năm 2011, Đảng, Quốc hội và Chính phủ đã đề ra mục tiêu xuyên suốt trong trung dài hạn là kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội đi đôi với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, thể hiện tại Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020 tại Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2015.

Bám sát chủ trương đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã xác định và kiên trì, nhất quán theo đuổi mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, đồng thời đảm bảo an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD). Vai trò chỉ đạo, dẫn dắt định hướng thị trường của NHNN đã được củng cố và nâng lên, thể hiện rõ nhất trên các mặt lãi suất, tín dụng và tỷ giá. Nhờ đó, điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong năm 2013 tiếp tục khẳng định vai trò then chốt trong điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ.

Thứ nhất, các công cụ chính sách tiền tệ được điều hành một cách đồng bộ, linh hoạt, chủ động nhằm giảm mặt bằng lãi suất, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh theo chủ trương của Chính phủ, đồng thời linh hoạt điều hành các kênh cung ứng tiền để kiểm soát tiền tệ ở mức hợp lý nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Thứ hai, tín dụng được kiểm soát theo chỉ tiêu định hướng từ đầu năm và theo phương châm mở rộng tín dụng đi đôi với an toàn hoạt động tín dụng. Nhiều giải pháp tín dụng, lãi suất, cơ cấu lại thời hạn trả nợ... được NHNN chỉ đạo các TCTD tích cực thực hiện qua đó hỗ trợ khách hàng vay vốn tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với thị trường ngoại hối được nâng cao. NHNN đã kết hợp nhuần nhuyễn các biện pháp về ngoại hối, tiền tệ nhằm bảo đảm vị thế đồng Việt Nam, ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối. Các giải pháp sắp xếp và đổi mới căn bản thị trường vàng cũng được NHNN triển khai từng bước nhằm thiết lập trật tự trên thị trường, tăng nguồn cung vàng và kiên quyết loại bỏ các rủi ro liên quan đến vàng, qua đó đã giúp ngăn chặn tình trạng đầu cơ, làm giá trên thị trường vàng gây bất ổn kinh tế xã hội.

Thứ tư, công tác thanh tra, giám sát tiếp tục được chú trọng, tăng cường theo hướng đổi mới về phương thức tổ chức thực hiện để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng. Đồng thời, NHNN triển khai đồng bộ, quyết liệt Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015 và xử lý nợ xấu một cách căn bản, bền vững bằng nhiều giải pháp trong đó có sự ra đời của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC).

Thứ năm, NHNN tiếp tục cải tiến, đẩy mạnh hiệu quả thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế trên cơ sở phát triển công nghệ ngân hàng và hoạt động thanh toán, hiện đại

hóa công nghệ ngân hàng; thực hiện phát hành tiền mặt đảm bảo đúng kế hoạch, đẩy mạnh công tác an toàn kho quỹ thông qua áp dụng kỹ thuật công nghệ thông tin tiên tiến, tiếp tục phối hợp tốt với các cơ quan liên quan trong công tác đấu tranh phòng, chống tiền giả.

Thứ sáu, để phục vụ tốt cho điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng, NHNN tiếp tục tăng cường năng lực thống kê, nghiên cứu khoa học. Công tác thống kê đã gắn bó chặt chẽ hơn với việc tăng cường hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu thống kê, trao đổi dữ liệu. Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học được đẩy mạnh bám sát yêu cầu chuyên môn, nhiệm vụ về xây dựng và thực thi chính sách của NHTW.

Thứ bảy, đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông được xác định là giải pháp quan trọng để nâng cao tính minh bạch trong điều hành của NHNN, góp phần củng cố lòng tin của người dân vào các chủ trương, giải pháp của Chính phủ và NHNN. NHNN tăng cường tính chủ động trong truyền thông, đa dạng hóa phương thức truyền thông và gia tăng hàm lượng thông tin công bố. Các thông tin về điều hành chính sách và hoạt động ngân hàng được cung cấp thường xuyên và có hệ thống đến thị trường, được dư luận trong nước và quốc tế đánh giá cao.

Thứ tám, bên cạnh việc triển khai các nhiệm vụ về chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng, NHNN tiếp tục củng cố các quan hệ hợp tác quốc tế song phương và đa phương trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, góp phần tích cực vào quá trình hội nhập chung của toàn nền kinh tế và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Nhờ sự đổi mới trong điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng, NHNN đã và đang thực hiện có hiệu quả những mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đã đặt ra. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát đã được kiểm soát theo mục tiêu đề ra, cả năm 2013 đạt 6,04%, là năm thứ hai liên tiếp lạm phát được duy trì dưới 7% và cũng là thời kỳ dài nhất có lạm phát ổn định kể từ năm 2008. Kỳ vọng lạm phát đã giảm so với trước đây, người dân tin tưởng hơn vào quyết tâm đạt được mục tiêu kiểm soát lạm phát của NHNN. Cán cân thanh toán thặng dư ổn định, dự trữ ngoại hối Nhà nước tăng lên mức kỷ lục, giúp nâng cao khả năng điều tiết thị trường ngoại hối và vị thế quốc tế của NHTW. Thị trường nội tệ và ngoại tệ ổn định và vận hành thông suốt. Mặt bằng lãi suất đã liên tục giảm nhưng lòng tin vào tiền đồng vẫn được củng cố, doanh nghiệp được vay vốn ngân hàng với lãi suất thấp chỉ tương đương các năm 2005-2006, tạo điều kiện thuận lợi hơn để thực hiện các phương án sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Tín dụng tăng phù hợp với mục tiêu đề ra và với sức cầu của nền kinh tế. Cơ cấu tín dụng chuyển dịch hợp lý, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất thực, nhất là nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, phù hợp với xu hướng đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế. Thị trường ngoại hối tiếp tục ổn định sau những năm thường xuyên biến động. Hoạt động mua bán ngoại tệ trên thị trường tự do thu hẹp, tình trạng đô-la hóa, vàng hóa giảm. Hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng, bảo đảm sự an toàn, ổn định của hệ thống ngày càng được nâng cao. Trong quá trình cơ cấu lại, các ngân hàng yếu kém đang từng bước phục hồi và hoạt động ổn định hơn dưới sự giám sát, chỉ đạo của NHNN. Tài sản của Nhà nước và quyền lợi của người gửi tiền được bảo đảm, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Nợ xấu được xử lý bước đầu, góp phần tích cực vào công cuộc tái cơ cấu.

Năm 2014 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đòi hỏi phải có bước chuyển biến mạnh mẽ, vững chắc để tạo đà cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015. Những khó khăn, thách thức đặt ra cho toàn hệ thống ngân hàng trong thời gian tới còn rất lớn, song với những thành quả của năm 2013 cùng với sự ủng hộ, đồng thuận, chia sẻ của các ngành, các cấp và nhân dân cả nước, ngành Ngân hàng có cơ sở để vững tin hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị đã được Đảng, Nhà nước giao phó, góp phần đạt được các mục tiêu quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



NGUYỄN VĂN BÌNH

CÁC VỤ, CỤC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tham mưu, giúp Thống đốc quyết định việc sử dụng công cụ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, bao gồm tái cấp vốn, lãi suất, tỷ giá hối đoái, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở và các công cụ, biện pháp khác.

Vụ Chính sách tiền tệ

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngoại hối, hoạt động ngoại hối và hoạt động kinh doanh vàng theo quy định của pháp luật.

Vụ Quản lý ngoại hối

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực thanh toán trong nền kinh tế quốc dân theo quy định của pháp luật.

Vụ Thanh toán

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tín dụng ngân hàng đối với các ngành kinh tế theo quy định của pháp luật.

*Vụ Tín dụng
các ngành kinh tế*

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác dự báo, thống kê theo quy định của pháp luật.

Vụ Dự báo, thống kê

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hợp tác và hội nhập quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vụ Hợp tác quốc tế

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ hoạt động của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.

Vụ Kiểm toán nội bộ

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối.

Vụ Pháp chế

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác tài chính, kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản của Ngân hàng Nhà nước; quản lý nhà nước về kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản của ngành Ngân hàng và quản lý, giám sát về tài chính của chủ sở hữu đối với các công ty trực thuộc Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vụ Tài chính - Kế toán

Tham mưu cho Thống đốc, Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước thực hiện công tác tổ chức, biên chế; quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; chế độ tiền lương và các chế độ khác thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vụ Tổ chức cán bộ

Vụ Thi đua - khen thưởng	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
Vụ Ổn định tiền tệ - tài chính	Tham mưu, giúp Thống đốc trong hoạt động phân tích, đánh giá, thực thi chính sách an toàn vĩ mô của hệ thống tài chính và biện pháp phòng ngừa rủi ro có tính hệ thống của hệ thống tài chính.
Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Đơn vị tương đương Tổng cục, trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quản lý nhà nước đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, phòng, chống rửa tiền, bảo hiểm tiền gửi; tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
Văn phòng	Tham mưu, giúp Thống đốc trong công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động ngân hàng; thực hiện công tác cải cách hành chính của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện công tác Quốc hội; quản lý hoạt động thông tin, tuyên truyền, báo chí, văn thư, lưu trữ của ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật; quản lý và vận hành Trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện công tác hành chính, lễ tân, văn thư, lưu trữ tại Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước.
Cục Công nghệ tin học	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực công nghệ thông tin trong phạm vi toàn ngành Ngân hàng và triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin trong Ngân hàng Nhà nước.
Cục Phát hành và kho quỹ	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng Ngân hàng Trung ương về lĩnh vực phát hành và kho quỹ theo quy định của pháp luật.
Cục Quản trị	Giúp Thống đốc quản trị, phục vụ hậu cần tại Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước về: quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, bảo vệ, an ninh, trật tự an toàn cơ quan, chăm lo đời sống, sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện các nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương.

Sở Giao dịch

Thực hiện nhiệm vụ đại diện theo sự ủy quyền của Thống đốc.

*Văn phòng đại diện tại
thành phố Hồ Chí Minh*

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn và thực hiện một số nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương theo ủy quyền của Thống đốc.

*Các chi nhánh tại tỉnh,
thành phố trực thuộc
Trung ương*

CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ ĐƠN VỊ DO THỐNG ĐỐC QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP

Nghiên cứu và xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Ngân hàng; tổ chức nghiên cứu, triển khai và quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ngành Ngân hàng phục vụ yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và theo quy định của pháp luật.

*Viện Chiến lược
ngân hàng*

Là tổ chức sự nghiệp công lập, thực hiện chức năng đăng ký tín dụng Quốc gia; thu nhận, xử lý, lưu trữ, phân tích thông tin tín dụng; phòng ngừa hạn chế rủi ro tín dụng; chấm điểm, xếp hạng tín dụng pháp nhân và thể nhân trên lãnh thổ Việt Nam phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; cung ứng sản phẩm dịch vụ thông tin tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.

*Trung tâm Thông tin
tín dụng Quốc gia
Việt Nam*

Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn xã hội và là công cụ tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hoạt động của ngành Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.

Thời báo Ngân hàng

Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn về lý luận nghiệp vụ, khoa học và công nghệ ngân hàng; có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, hoạt động ngân hàng và những thành tựu về khoa học, công nghệ của ngành Ngân hàng và lĩnh vực liên quan theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.

Tạp chí Ngân hàng

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực ngân hàng phục vụ yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Ngân hàng Nhà nước và của ngành Ngân hàng theo quy hoạch, kế hoạch đã được Thống đốc phê duyệt.

*Trường Bồi dưỡng cán bộ
ngân hàng*

Học viện Ngân hàng

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng ở bậc trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học và các ngành nghề khác khi được cấp có thẩm quyền cho phép; tổ chức nghiên cứu khoa học và tư vấn về lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng.

***Trường Đại học Ngân hàng
thành phố Hồ Chí Minh***

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng ở bậc cao đẳng, đại học, sau đại học và các ngành nghề khác khi được cấp có thẩm quyền cho phép; tổ chức nghiên cứu khoa học và tư vấn về lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng.

Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam

1. Tổng quan kinh tế thế giới

1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới

Tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2013 giảm xuống 3,2% so với mức 3,5% của năm 2012¹ nhưng xu hướng hồi phục tại khối các nước phát triển rõ nét hơn, phản ánh tác dụng của các gói kích thích kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng nợ công đã lắng dịu. Các nước mới nổi và đang phát triển có xu hướng chững ở cả sức cầu trong nước và nước ngoài. Lạm phát các khu vực tiếp tục giảm thấp tạo điều kiện để các nước tiếp tục nới lỏng chính sách vĩ mô.

Kinh tế Mỹ tăng trưởng 1,9%, dù thấp hơn mức 2,8% của năm 2012 nhưng xu hướng phục hồi mạnh dần lên trong nửa cuối năm. Thị trường nhà đất hồi phục hỗ trợ đầu tư tư nhân và tiêu dùng cá nhân, lòng tin người tiêu dùng cải thiện tích cực. Chi tiêu chính phủ giảm trong điều kiện trần nợ công liên tục phải điều chỉnh tăng, góp phần giúp thâm hụt ngân sách cải thiện mạnh mẽ ở mức 7,3%GDP so với mức 9,7%GDP năm 2012. Thâm hụt thương mại thấp nhất từ năm 2009. Tỷ lệ thất nghiệp liên tục giảm từ mức 7,8% cuối năm 2012 xuống 6,7% cuối năm 2013. Tuy nhiên, đầu tư tư nhân vào tài sản cố định phi nhà đất vẫn tăng chậm cho thấy quá trình phục hồi kinh tế còn ở phía trước. Lạm phát giảm từ 1,7% năm 2012 xuống 1,5% năm 2013.

Kinh tế khu vực đồng Euro từ giữa năm 2013 bắt đầu “thoát đáy” từ cuộc suy thoái dài nhất trong lịch sử khối dù còn nhiều khó khăn; nguy cơ tan vỡ khối được đẩy lùi. Tăng trưởng GDP là -0,4%, cải thiện hơn mức -0,7% của năm 2012 nhưng không đồng đều, tăng trưởng tập trung chủ yếu tại một số nền kinh tế lớn như Đức, Pháp tương ứng là 0,5% và 0,3% trong khi một số nước như Hy Lạp, Tây Ban Nha, Italy, Bồ Đào Nha có nguy cơ

“

Kinh tế thế giới năm 2013 tăng trưởng thấp hơn năm 2012 nhưng xu hướng hồi phục tại khối các nước phát triển rõ nét hơn nhờ tác dụng của các gói kích thích kinh tế. Lạm phát giảm trên các khu vực.

¹ Báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới tháng 7/2014 của Quỹ Tiền tệ quốc tế.

giảm phát. Tỷ lệ thất nghiệp cuối năm 2013 ở mức 11,8% sau khi duy trì kỷ lục 12% liên tục trong 7 tháng tính đến tháng 9/2013. Thâm hụt ngân sách trung bình toàn khối đã giảm về mức 3,0%GDP so với mức 3,7%GDP năm 2012 chủ yếu do nhiều chính phủ cắt giảm chi tiêu ngân sách, tuy nhiên một số nước cá biệt như Hy Lạp, Ireland, Tây Ban Nha vẫn thâm hụt ngân sách cao. Sự phục hồi kinh tế cũng diễn ra tại một số nước châu Âu khác như Anh, Thụy Điển. Lạm phát toàn khối giảm từ 2,2% năm 2012 xuống 0,8% năm 2013.

Kinh tế Nhật Bản tăng trưởng 1,5%, cao hơn mức 1,4% của năm 2012 nhờ chính sách cải tổ Abenomics đem lại kỳ vọng tích cực cho nền kinh tế. Đầu tư của các doanh nghiệp phục hồi khi lợi nhuận cải thiện, tiêu dùng cá nhân cải thiện khá mạnh trong nửa đầu năm, xuất khẩu phục hồi cao hơn dự kiến nhờ chính sách đồng Yên yếu và cầu nước ngoài gia tăng. Niềm tin kinh doanh tăng liên tục. Tuy nhiên, sự cải thiện có xu hướng chậm dần trong nửa cuối năm do tâm lý lo ngại về chính sách tăng thuế tiêu dùng trong năm 2014. Lạm phát lần đầu tăng dương ở mức 1,6% kể từ năm 2008. Thâm hụt ngân sách 8,4%GDP, giảm không đáng kể so với mức 8,7%GDP của năm 2012 và nợ công cao 227,2%GDP.

Các nước mới nổi và đang phát triển có xu hướng tăng trưởng chậm lại do xuất khẩu tăng thấp, tiêu dùng nội địa thấp và đầu tư hạn chế, cùng với xu hướng đảo chiều dòng vốn khi Fed đưa ra tín hiệu thu hẹp QE3. Tăng trưởng năm 2013 của khu vực ở mức 4,7%, thấp hơn mức 5,1% của năm 2012. Trong khối BRICS, Trung Quốc tăng 7,7%, cao hơn mục tiêu nhưng chỉ tương đương mức năm 2012; Brazil tăng trưởng 2,5% cao hơn năm trước, riêng Nga tăng trưởng 1,3% giảm mạnh so với mức 3,4% của năm 2012. Tại nhóm các nước thuộc khối ASEAN-5, Việt Nam tăng trưởng ở mức 5,4%, cao hơn so với mức 5,3% của năm 2012; các nước còn lại gồm Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Philippines đều tăng thấp hơn năm 2012. Lạm phát trung bình của khu vực tăng nhẹ lên 4,4% so với mức 3,9% năm 2012.



1.2. Điều hành chính sách tiền tệ của một số quốc gia

Chính sách tiền tệ nói lỏng mạnh tay tiếp tục được hầu hết các NHTW thực hiện. Mặc dù những tháng cuối năm tình hình kinh tế có dấu hiệu cải thiện nhưng việc thu hẹp chính sách tiền tệ nói lỏng của hầu hết các NHTW vẫn còn rất thận trọng. Tuy nhiên, một số nước mới nổi và đang phát triển buộc phải điều chỉnh tăng lãi suất để đối phó với xu hướng đảo chiều dòng vốn.

Đối với các nước phát triển, các NHTW như Fed, BOJ, BOE, ECB,... vẫn duy trì lãi suất thấp sát mức 0% và tăng cường bơm tiền ra nền kinh tế, trong đó ECB đã 2 lần điều chỉnh hạ lãi suất từ 0,75% xuống 0,5%-0,25%. Fed tiếp tục chương trình nói lỏng định lượng lần 3 (QE3), mở rộng quy mô gói kích thích thêm 45 tỷ USD trái phiếu kho bạc Mỹ mỗi tháng bắt đầu từ tháng 01/2013, nâng tổng chương trình mua tài sản mỗi tháng lên 85 tỷ USD. NHTW Australia cũng 2 lần điều chỉnh giảm lãi suất.

Đối với các mới nổi và đang phát triển, đa số NHTW các nước như Hàn Quốc, Thái Lan, Hungary, Ba Lan đều điều chỉnh giảm lãi suất nhằm đối phó với tăng trưởng kinh tế suy giảm. Riêng Ấn Độ, Indonesia, Brazil là những nước điều chỉnh tăng lãi suất để đối phó với xu hướng đảo chiều dòng vốn do thông tin Fed sẽ sớm cắt giảm chương trình kích thích kinh tế từ năm 2014.

2. Kinh tế Việt Nam

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn tăng chậm, kinh tế Việt Nam giữ được sự ổn định và hồi phục nhẹ so với năm 2012. Lạm phát tiếp tục được kiểm chế, cán cân thanh toán thặng dư, thị trường tài chính tiền tệ ổn định, lãi suất giảm liên tục phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ, dự trữ ngoại hối Nhà nước tiếp tục tăng. Tuy vậy, xu hướng phục hồi diễn ra chậm do sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn xuất phát từ những khó khăn nội tại trong cấu trúc kinh tế. Việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đòi hỏi không chỉ những giải pháp kích thích tổng cầu, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh mà nhất thiết phải đẩy mạnh các giải pháp tái cơ cấu nền kinh tế như đã chỉ ra tại Nghị quyết số 31/2012/QH13 ngày 08/11/2012

“

Chính sách tiền tệ nói lỏng mạnh mẽ trên toàn cầu, đi kèm với các gói kích thích kinh tế tại một số quốc gia.

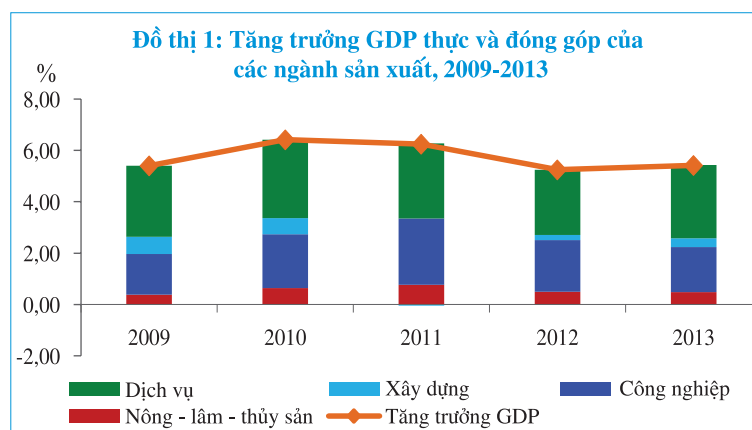
của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu.

2.1. Tăng trưởng kinh tế

“

Tăng trưởng kinh tế phục hồi nhẹ ở mức 5,4% so với mức 5,3% năm 2012.

Theo ngành kinh tế, kinh tế hồi phục nhờ sự đóng góp của Công nghiệp chế biến chế tạo, Xây dựng và Dịch vụ.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, tính toán của NHNN

Ngành Nông - lâm - thủy sản tăng trưởng 2,7%, tương đương năm 2012. Năm 2013, nông - lâm - thủy sản bị tác động khá tiêu cực bởi cầu thế giới đối với hàng nông sản Việt Nam giảm. Bên cạnh đó, giá đầu ra của sản phẩm nông nghiệp giảm mạnh trong khi chi phí nuôi trồng ở mức cao cũng khiến người nông dân bớt động lực mở rộng sản xuất.

Ngành Công nghiệp tăng trưởng 5,4% năm 2013, thấp hơn mức 6,2% năm 2012. Trong đó, công nghiệp chế biến chế tạo phục hồi khá với mức tăng trưởng 7,4%, cao hơn nhiều so với mức 5,8%. Việc Tập đoàn Điện tử Samsung chuyển hướng đầu tư mạnh vào Việt Nam cùng với việc cầu nước ngoài duy trì tốt đối với các nhóm hàng chủ lực như dệt may, giày dép,... đã đóng góp đáng kể vào sản xuất và xuất khẩu nhóm hàng này. Ngược lại, công nghiệp khai khoáng giảm 0,2% trong điều kiện cầu các



mặt hàng năng lượng trên thế giới ở mức thấp. Giá trị gia tăng ngành điện cũng chỉ tăng 8,5%, thấp hơn nhiều mức tăng 12,4% năm 2012 phần nào phản ánh các khó khăn trong sản xuất của khối doanh nghiệp nội địa.

Ngành Xây dựng tiếp tục xu hướng phục hồi từ cuối năm 2012, cả năm 2013 tăng trưởng 5,8%, gấp gần 2 lần mức tăng 3,3% của năm 2012, phản ánh tác động tích cực từ các chính sách hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ thị trường bất động sản của chính phủ như: đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư phát triển từ Ngân sách Nhà nước (NSNN), Trái phiếu Chính phủ (TPCP), ODA, thực hiện gói 30.000 tỷ đồng hỗ trợ mua nhà giá thấp... Ngoài ra, tăng trưởng khả quan của đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng đẩy mạnh hoạt động xây dựng nhà xưởng.

Ngành Dịch vụ phục hồi khá theo xu hướng của sản xuất, kinh doanh, tăng 6,6%, cao hơn nhiều so với mức tăng 5,9% của năm 2012. Một số ngành có tỷ trọng lớn và hồi phục khá mạnh gồm Dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 9,9% (2012: 7,0%); Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,9% (2012: 5,4%); Hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 2,2% (2012: 1,1%)...

Về bên cầu, tăng trưởng kinh tế hồi phục nhờ tiêu dùng và đầu tư tăng nhanh hơn. Xuất khẩu tăng khả quan chủ yếu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, nhập khẩu cũng tăng khá nhanh.

Tiêu dùng cuối cùng tăng 5,4%, cao hơn chút ít so với mức 5,1% của năm 2012, phản ánh tác động tích cực của việc kiểm chế lạm phát, nâng cao sức mua thực tế cho người tiêu dùng, nhất là trong bối cảnh tiền lương tối thiểu danh nghĩa được điều chỉnh tăng từ 16,1-18% cho khối doanh nghiệp từ 20/01/2013 và tăng gần 10% cho công chức từ 01/7/2013.

Tổng tích lũy tài sản phục hồi khá, tăng 5,5%, gấp hơn 2 lần mức tăng 2,4% của năm 2012 chủ yếu do sự đóng góp tích cực của dòng vốn FDI đối với xây dựng nhà xưởng, đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, Chính phủ đẩy mạnh giải ngân các nguồn vốn đầu tư từ NSNN, TPCP, giải ngân vốn ODA và các biện pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản.

Xuất khẩu ròng vẫn đóng góp dương vào tăng trưởng kinh tế nhưng mức đóng góp thấp hơn năm 2012 chủ yếu do nhập khẩu phục hồi. Xuất khẩu tăng 17,2%, cao hơn mức 15,7% năm 2012 nhờ sự đóng góp tích cực của khối doanh nghiệp FDI mà điển hình là tập đoàn Samsung. Bên cạnh đó, xuất khẩu vẫn khả quan (ngoại trừ nhóm hàng nông, lâm, thủy sản và khai thác) phần nào cho thấy sự cải thiện trong sức cạnh tranh của hàng Việt Nam. Xuất khẩu tăng cao khiến nhập khẩu tăng 17,3%, cao hơn nhiều so với mức tăng 9,1% năm 2012 để phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.

2.2. Lao động, thu nhập



Thất nghiệp gia tăng, thu nhập bình quân đầu người năm 2013 đạt 1.908 USD.

Thị trường lao động năm 2013 vẫn còn khó khăn do hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chưa phục hồi. Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động ước tính đến 01/01/2014 là 47,49 triệu người, tăng 409,2 nghìn người so với cùng thời điểm năm 2013, trong đó nam chiếm 53,9%; nữ chiếm 46,1%. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi năm 2013 ước tính là 2,2%, trong đó khu vực thành thị là 3,58%; khu vực nông thôn là 1,58% (số liệu của năm 2012 tương ứng là: 1,96%; 3,21%; 1,39%). Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi năm 2013 ước tính 2,77%, trong đó khu vực thành thị là 1,48%; khu vực nông thôn là 3,35% (số liệu của năm 2012 tương ứng là: 2,74%; 1,56%; 3,27%). Nhìn chung, tỷ lệ thất nghiệp có xu hướng tăng lên do sản xuất vẫn gặp khó khăn làm ảnh hưởng đến việc làm của người lao động. Số lượng lao động xuất khẩu của Việt Nam đạt khoảng 88 nghìn lao động, cao hơn mức mục tiêu 85 nghìn lao động.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2013 đạt 1.908 USD, tăng so với mức 1.749 USD của năm 2012. Tiếp tục thực hiện lộ trình Đề án cải cách tiền lương, tiền lương tối thiểu của lao động hưởng lương từ NSNN và doanh nghiệp nhà nước (DNNN) được điều chỉnh tăng từ mức 1,05 triệu đồng/tháng năm 2012 lên mức 1,15 triệu đồng/tháng từ 01/7/2013, tương đương với mức tăng 9,52%, thấp hơn so với mức 26,51% của năm 2012.

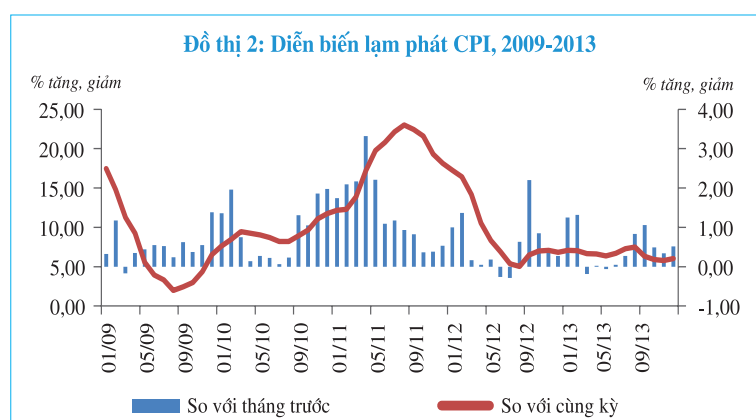
2.3. Diễn biến lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng cuối năm 2013 tăng 6,0% so với cuối năm 2012, thấp hơn chút ít so với mức tương ứng 6,8% cuối năm 2012 và là mức tăng thấp nhất trong vòng 10 năm qua; lạm phát bình quân cả năm là 6,6% giảm đáng kể so với mức tương ứng 9,3% năm 2012. Mức tăng chậm của chỉ số giá tiêu dùng thời điểm cuối năm 2013 diễn ra phổ biến ở 10/11 nhóm hàng (chỉ riêng nhóm Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,1% cao hơn mức tăng 1,0% của năm trước); còn nếu xem xét tốc độ tăng bình quân thì tất cả các nhóm hàng đều tăng thấp hơn hoặc giảm so với mức tăng của năm 2012.

Có thể thấy năm 2013 tiếp tục xuất hiện những yếu tố gây áp lực đối với lạm phát như: Chính phủ tiếp tục triển khai lộ trình cải cách tiền lương; giá nhiều mặt hàng thiết yếu do nhà nước quản lý (điện, than, xăng dầu, nước sạch, vé xe buýt) liên tục được điều chỉnh tăng; nhiều địa phương tiếp tục thực hiện điều chỉnh tăng mạnh giá dịch vụ y tế theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29/02/2012 của liên Bộ Y tế - Tài chính; giá một số mặt hàng khác như gas, trứng gà, sữa, dịch vụ viễn thông cũng có những đợt điều chỉnh tăng đột biến. Tuy nhiên, trên thực tế các yếu tố này chỉ tác động ngắn hạn tạm thời lên lạm phát tại một số thời điểm mà không gây tác động tiêu cực lên lạm phát kỳ vọng và do đó lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát.

“

Chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp hơn năm 2012 do sức ép từ cả bên cung và bên cầu đều giảm.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Đây là kết quả của nhiều tác động: (i) Giá thế giới tiếp tục xu hướng giảm khiến chỉ số giá nhập khẩu năm

2013 giảm 2,4%, trong khi năm 2012 chỉ số này giảm 0,3%; **(ii)** Kinh tế mặc dù có biểu hiện phục hồi nhưng vẫn hoạt động thấp hơn tiềm năng nên không tạo sức ép bên cầu lên lạm phát; **(iii)** Kỳ vọng lạm phát có xu hướng giảm so với năm 2012; **(iv)** Tỷ giá VND/USD được giữ ổn định giúp ổn định chi phí nhập khẩu cho doanh nghiệp và kiểm soát kỳ vọng lạm phát.

2.4. Thu chi ngân sách Nhà nước

“

Thu ngân sách nhà nước gặp khó khăn, tiến độ thu ngân sách chậm nhất trong vòng nhiều năm trong khi tiến độ chi cao hơn tiến độ thu ngân sách khiến bội chi nổi rộng, đạt 195,5 nghìn tỷ đồng, bằng 5,3%GDP và cao hơn dự toán ban đầu (4,8%GDP).

Bội chi NSNN năm 2013 ở mức 5,3%GDP, cao nhất trong 2 năm trở lại đây (2012: -4,8%GDP; 2011: -4,4%GDP) và vượt dự toán, chủ yếu là do tiến độ thu ngân sách tăng chậm nhất trong nhiều năm trong khi đó chi ngân sách tăng cao.

Tổng thu NSNN năm 2013 tăng 6,4% (đạt khoảng 22%GDP), cao hơn mức tăng 3% của cùng kỳ. Tuy nhiên tiến độ thu ngân sách năm nay được đánh giá là chậm so với cùng kỳ các năm trước và chỉ đạt 96,9% dự toán (2010: 127,5%; 2011: 121,3%; 2012: 100,4%). Đóng góp chủ yếu cho tăng thu NSNN là thu từ thuế và lệ phí ngoài thuế (thu thường xuyên), trong đó thu từ thuế chiếm hơn 90% tổng thu NSNN và viện trợ (2011: 90,8%, 2012: 92,7%; 2013: 94,7%). Đặc biệt, thu NSNN năm nay còn có thêm sự đóng góp cho các khoản thu theo Nghị quyết của Quốc hội như thu lãi dầu khí nước chủ nhà và thu cổ tức cho phần vốn nhà nước của các DNNN.

Tổng chi NSNN năm 2013 tăng 9,4% (bằng 26%GDP), ngược với mức giảm 10,8% của năm 2012² và bằng 101,5% dự toán (2012: 99,7% dự toán), trong đó, chi đầu tư phát triển tăng 3,3% (5,6%GDP) trong khi năm 2012 giảm 6,4% (6%GDP); chi thường xuyên tăng 11,3% (20,3%GDP) trong khi năm 2012 tăng 31,6% (20,2%GDP). Mức tăng chi ngân sách thấp hơn năm 2012 chủ yếu do thu ngân sách đạt cao hơn. Bên cạnh đó, chi thường xuyên năm 2013 được kiểm chế ở mức thấp hơn so với năm 2012.

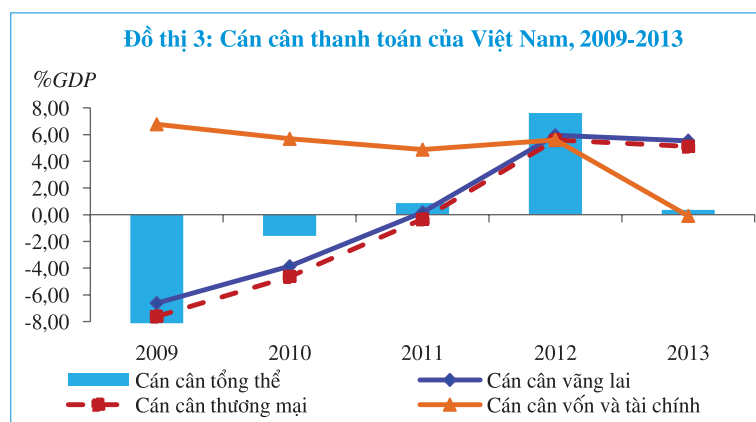
² Số liệu thống kê theo chuẩn mực quốc tế (không bao gồm chi trả nợ gốc) do Bộ Tài chính cung cấp.

2.5. Cán cân thanh toán

Cán cân thanh toán tổng thể (CCTT) năm 2013 thặng dư 557 triệu USD, trong đó cán cân vãng lai (CCVL) thặng dư kỷ lục, cán cân vốn và tài chính thâm hụt nhẹ, lỗi và sai sót tăng. Trong năm 2013, nhu cầu nắm giữ vàng và ngoại tệ tăng tại một số thời điểm do tác động tâm lý khiến NHNN phải thực hiện bình ổn thị trường vàng, ngoại tệ, ảnh hưởng nhất định đến cán cân thanh toán.

“

Cán cân thanh toán tiếp tục thặng dư 557 triệu USD thấp hơn so với một số năm gần đây.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Cán cân vãng lai thặng dư kỷ lục 9,5 tỷ USD (5,5%GDP) chủ yếu nhờ cán cân thương mại duy trì mức thặng dư cao và cán cân chuyển tiền vẫn thặng dư khá. Cán cân thương mại năm 2013 thặng dư là 8,7 tỷ USD, tương đương năm 2012. Cán cân dịch vụ thâm hụt 1,4 tỷ USD chủ yếu do chi cho dịch vụ vận tải và bảo hiểm tăng khi nhập khẩu tăng trở lại. Thâm hụt của cán cân thu nhập từ đầu tư tăng lên 7,4 tỷ USD tiếp tục xuất phát từ các nguyên nhân: thu từ đầu tư giảm nhẹ do lãi suất thế giới vẫn ở mức thấp, trong khi chi trả cổ tức của doanh nghiệp FDI tăng cao khi xuất khẩu của khu vực này tăng trưởng tốt. Cán cân chuyển tiền thặng dư 9,4 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2012. Mặc dù kinh tế thế giới còn khó khăn, thu nhập của người lao động tại nước ngoài bị ảnh hưởng, đồng thời lãi suất trong nước có xu hướng giảm mạnh từ đầu năm 2013, thị trường bất động sản và chứng khoán trầm lắng nhưng chuyển tiền một chiều của khu vực tư nhân (kiểu hối) vẫn duy trì khá vững và đóng góp đáng kể vào thặng dư cán cân vãng lai.

Cán cân vốn và tài chính thâm hụt 151 triệu USD (năm 2012 thặng dư 8,7 tỷ USD). Hạng mục vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam tiếp tục có mức thặng dư khả quan 8,9 tỷ USD, tăng 6,4% so với năm 2012 phản ánh Việt Nam vẫn là điểm đến đầu tư hấp dẫn. Các hạng mục còn lại đều có chiều hướng giảm sút so với năm 2012. Cụ thể: Vay ngắn hạn (ròng) và vay trung, dài hạn (ròng) tiếp tục thặng dư nhưng mức thặng dư thấp hơn năm 2012, tương ứng là 81 triệu USD (giảm 93,8% so với năm 2012) và 3,4 tỷ USD (giảm 21,8% so với năm 2012) trong đó xu hướng trả nợ trung dài hạn gia tăng; vốn đầu tư gián tiếp thặng dư ở mức 1,5 tỷ USD, giảm 26,2% so với năm 2012 trong điều kiện thị trường chứng khoán trầm lắng; Tiền và tiền gửi của hệ thống ngân hàng thâm hụt 2,3 tỷ USD (năm 2012 thặng dư 107 triệu USD); Tài sản của khu vực khác thâm hụt 9,7 tỷ USD (2012: thâm hụt 6,2 tỷ USD) phần nào xuất phát từ các yếu tố tâm lý trên thị trường ngoại hối. Đây cũng là nguyên nhân khiến Lỗi và sai sót -8,8 tỷ USD năm 2013.

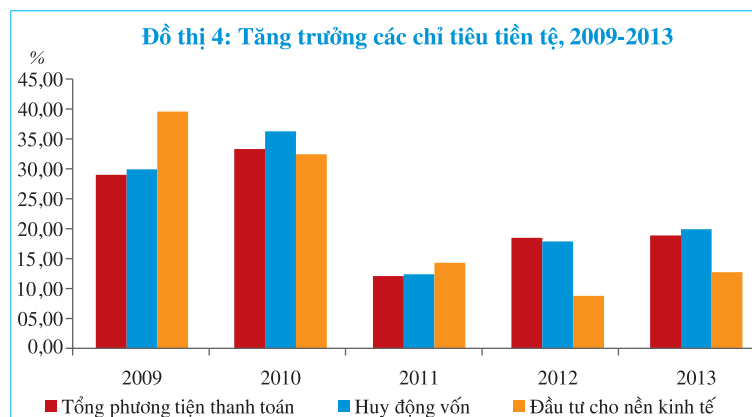
2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ

Diễn biến tiền tệ

“

Tổng phương tiện thanh toán tăng tương đương năm 2012. Huy động vốn vẫn tăng trưởng tốt. Đầu tư cho nền kinh tế phục hồi nhẹ dù vẫn thấp hơn nhiều năm trước.

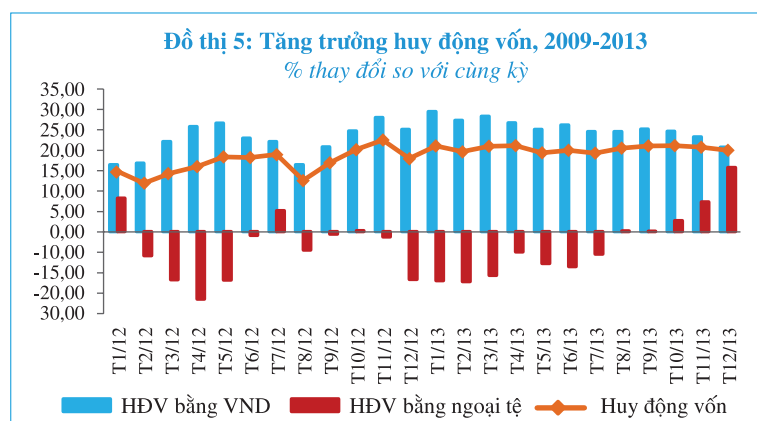
Tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng 18,9%, tương đương mức tăng 18,5% của năm 2012 và thấp hơn so với nhiều năm trước. Sự phục hồi của hoạt động đầu tư vào nền kinh tế của hệ thống ngân hàng đóng góp đáng kể làm tăng cung tiền cho nền kinh tế, trong khi đó đóng góp từ tăng tài sản có ngoại tệ ròng của NHNN và cho vay Chính phủ ròng không cao.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Huy động vốn của hệ thống ngân hàng vẫn duy trì tốt

Huy động vốn tăng 19,9% trong năm 2013, cao hơn so với mức 17,9% năm 2012 cho thấy kênh đầu tư gửi tiền tại hệ thống ngân hàng vẫn hấp dẫn. Tiền gửi ngoại tệ có xu hướng tăng trong nửa cuối năm 2013, tháng 12/2013 tăng 15,7% so với cuối năm 2012 (2012: -11,8%) do nguồn cung ngoại tệ từ thương mại, đầu tư quốc tế tăng cao, và tại một số thời điểm còn chịu tác động từ yếu tố tâm lý trên thị trường ngoại hối trong điều kiện lãi suất VND được kỳ vọng giảm. Mặc dù vậy, không có xu hướng chuyển dịch từ VND sang ngoại tệ. Huy động vốn bằng VND vẫn giữ được mức tăng cao, cho thấy lòng tin vào VND vẫn được duy trì, cụ thể huy động vốn VND tăng 20,6% so với cuối năm 2012, huy động vốn ngoại tệ tăng 15,7% (năm 2012 tăng tương ứng 25,1% và giảm 11,8%). Do huy động vốn bằng VND vẫn giữ được mức tăng cao nên tình trạng đô-la hóa trên góc độ tiền gửi vẫn được kiểm soát, tỷ trọng vốn huy động ngoại tệ trong tổng huy động vốn tiếp tục giảm nhẹ từ mức 14,6% cuối năm 2012 xuống 14,1% cuối năm 2013.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tỷ trọng huy động vốn của nhóm ngân hàng thương mại (NHTM) nhà nước giảm nhẹ, nhóm TCTD khác³ tăng nhẹ. Cụ thể: Huy động vốn của nhóm NHTM nhà nước (không bao gồm cả Ngân hàng Nhà Đồng bằng sông Cửu Long và Ngân hàng Chính sách xã hội) chiếm

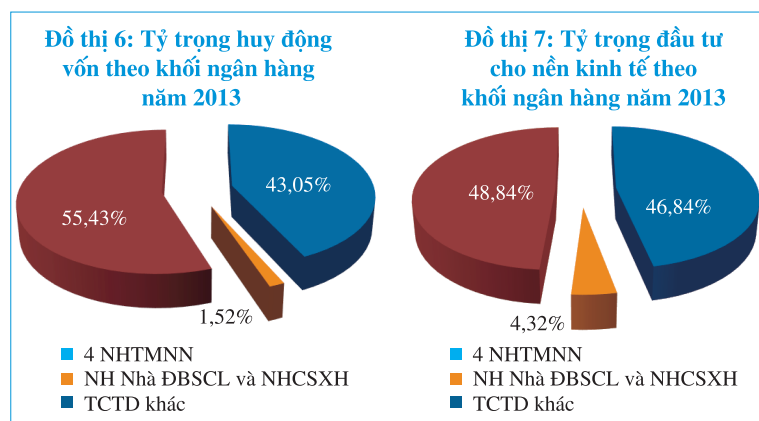
³ Gồm NHTM cổ phần, TCTD phi ngân hàng, Quỹ Tín dụng nhân dân, NHTM 100% vốn nước ngoài, NHTM liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

tỷ trọng 43,1% tổng mức huy động vốn toàn hệ thống; Ngân hàng Nhà Đồng bằng sông Cửu Long và Ngân hàng Chính sách xã hội chiếm 1,5%; nhóm các TCTD khác chiếm 55,4%.

Vốn ngân hàng đầu tư vào nền kinh tế cải thiện hơn năm 2012, cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển đổi theo hướng tập trung vào các lĩnh vực, ngành kinh tế quan trọng và lĩnh vực rủi ro thấp; cho vay Chính phủ ròng tăng thấp hơn năm 2012

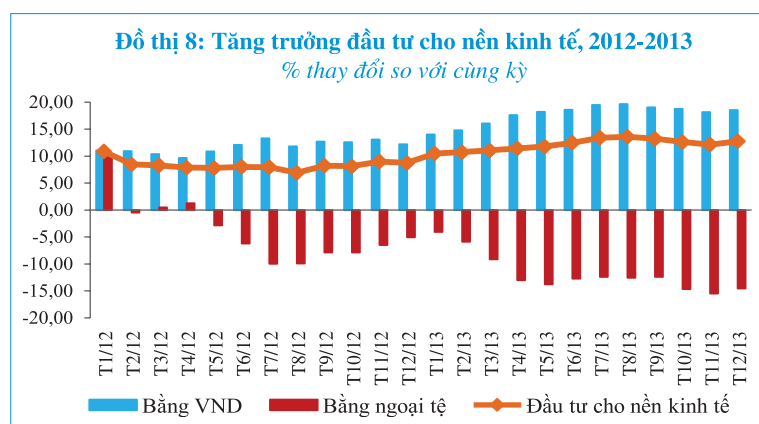
Phù hợp với xu hướng hồi phục nhẹ của nền kinh tế, đầu tư cho nền kinh tế tăng so với năm 2012; phản ánh sự nỗ lực và hiệu quả vốn tín dụng ngân hàng của NHNN trong công tác điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng, định hướng các TCTD nhằm tạo điều kiện thuận lợi giúp các doanh nghiệp và người dân tiếp cận nguồn vốn ngân hàng phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và đời sống. Năm 2013, đầu tư cho nền kinh tế tăng 12,7%, cao hơn so với mức tăng 8,75% năm 2012 và phù hợp với nhu cầu và khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế, không gây áp lực lên lạm phát. Đồng thời, các TCTD tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực rủi ro thấp như nông nghiệp, nông thôn; xuất nhập khẩu;... Tình trạng đô-la hóa trên góc độ đầu tư cũng được cải thiện rõ rệt, thể hiện ở tỷ trọng đầu tư bằng ngoại tệ trên tổng đầu tư của hệ thống ngân hàng đối với nền kinh tế giảm từ 17,5% cuối năm 2012 xuống 14,5% cuối năm 2013 phù hợp với chủ trương chuyển từ quan hệ tiền gửi-cho vay bằng ngoại tệ sang quan hệ mua-bán ngoại tệ và sự chuyển hướng từ vay ngoại tệ sang vay VND (tốc độ tăng trưởng đầu tư cho nền kinh tế bằng VND tăng từ 12,2% năm 2012 lên 18,5% năm 2013 trong khi tốc độ tăng trưởng đầu tư cho nền kinh tế bằng ngoại tệ giảm mạnh từ -4,9% năm 2012 xuống -14,5% năm 2013). *Cơ cấu đầu tư cho nền kinh tế có xu hướng tăng nhẹ đối với khối NHTM nhà nước và giảm nhẹ đối với khối TCTD khác:* Dư nợ đầu tư của nhóm các NHTM nhà nước (không bao gồm cả Ngân hàng Nhà Đồng bằng sông Cửu Long và Ngân hàng Chính sách xã hội) đến cuối năm 2013 chiếm 46,8% tổng dư nợ đầu tư toàn nền kinh tế (năm

2012: 49%); Ngân hàng Nhà đồng bằng sông Cửu Long và Ngân hàng Chính sách xã hội chiếm 4,3% (1,9%); nhóm các TCTD khác chiếm 48,8% (49,1%).



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Trong khi đầu tư vào nền kinh tế của hệ thống ngân hàng được cải thiện thì cho vay (ròng) của toàn ngành ngân hàng đối với Chính phủ tăng thấp hơn năm 2012, ở mức 24,8% so với 40,2%. Huy động vốn vẫn tăng mạnh nhưng tín dụng cải thiện chậm nên trên thực tế các TCTD tiếp tục đầu tư vào TPCP. Tuy nhiên, cho vay (ròng) đối với Chính phủ tăng chậm hơn năm 2012 chủ yếu do lượng tiền gửi của Chính phủ tại hệ thống ngân hàng tăng cao. Đầu tư cho nền kinh tế cải thiện trong khi đầu tư vào TPCP tăng thấp hơn năm 2012 dẫn đến tỷ trọng cho vay Chính phủ (chủ yếu dưới dạng đầu tư vào trái phiếu và giấy tờ có giá (GTCG) của Chính phủ) trong tổng Tài sản có của hệ thống các TCTD giảm nhẹ xuống mức 6,4% từ mức 6,9% cuối năm 2012.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

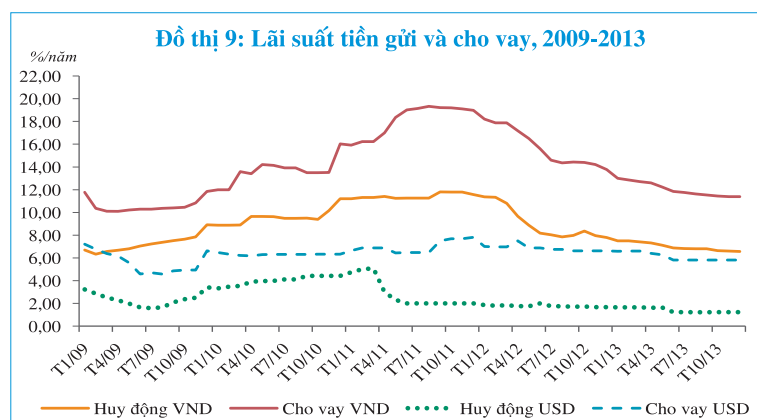
Diễn biến lãi suất

Lãi suất đồng Việt Nam

“

Mặt bằng lãi suất thị trường tiếp tục xu hướng giảm.

Ngay từ đầu năm, NHNN đã định hướng điều hành giảm lãi suất phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, đặc biệt là lạm phát và tỷ giá, góp phần tích cực hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh. Với định hướng giảm lãi suất của NHNN và trong điều kiện lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp theo mục tiêu của Chính phủ, thanh khoản dồi dào, các TCTD đã liên tục giảm lãi suất huy động và cho vay, nhất là lãi suất huy động đối với các kỳ hạn ngắn, nhiều ngân hàng áp dụng lãi suất huy động thấp hơn mức trần quy định của NHNN. Thị trường tiền tệ ổn định ngay cả khi NHNN dỡ bỏ trần lãi suất đối với kỳ hạn từ 6 tháng trở lên từ tháng 6/2013, không có hiện tượng chạy đua lãi suất hay cạnh tranh không lành mạnh giữa các TCTD như trước đây. Cụ thể, lãi suất huy động giảm khoảng 2-4%/năm, lãi suất cho vay giảm khoảng 3-5%/năm và đã về mức lãi suất của giai đoạn 2005-2006 là giai đoạn kinh tế vĩ mô ổn định. Đến cuối năm 2013, lãi suất huy động phổ biến ở mức không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng là 1-1,2%/năm, kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 5-7%/năm, kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng 6,5-7,5%/năm, kỳ hạn từ 12 tháng trở lên 7,5-9%/năm. Lãi suất cho vay ở mức thấp, chỉ bằng 50% lãi suất năm 2011. Lãi suất cho vay đối với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thông thường phổ biến là 9-11%/năm đối với cho vay ngắn hạn và 11,5-13,0%/năm đối với trung dài hạn, riêng đối với các doanh nghiệp có phương án, dự án sản xuất kinh doanh hiệu quả, lãi suất cho vay chỉ khoảng 6,5-7%/năm.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



Lãi suất đồng Đô-la Mỹ

Lãi suất USD diễn biến phù hợp với định hướng điều hành của Chính phủ và NHNN về chống đô-la hóa nền kinh tế, hạn chế tình trạng găm giữ ngoại tệ nhằm hỗ trợ ổn định tỷ giá thông qua tăng mức hấp dẫn của VND, theo đó NHNN đã điều chỉnh giảm trần lãi suất tiền gửi bằng USD của cá nhân từ 2%/năm xuống 1,25%/năm, của tổ chức từ 0,5%/năm xuống 0,25%/năm. Đến cuối năm 2013, mức lãi suất huy động USD của các TCTD bằng hoặc sát với mức lãi suất tối đa theo quy định của NHNN, phổ biến khoảng 1-1,25%/năm đối với tiền gửi của dân cư và 0,25%/năm đối với tiền gửi của tổ chức; lãi suất cho vay giảm khoảng 1-1,5%/năm so với cuối năm 2012 và phổ biến 4-6%/năm đối với cho vay ngắn hạn, 6-7%/năm đối với cho vay trung và dài hạn.

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng

Thanh khoản của tổ chức tín dụng được cải thiện nên doanh số giao dịch liên ngân hàng giảm

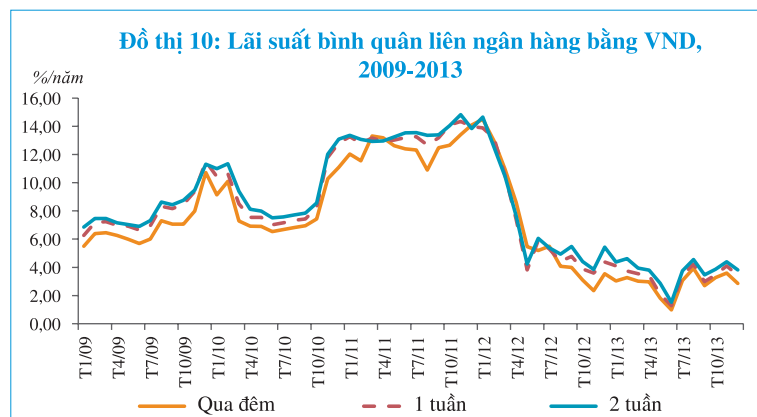
Năm 2013, tổng doanh số cho vay, gửi tiền trên thị trường liên ngân hàng bằng VND đạt 4.596 nghìn tỷ đồng, giảm 1.303 nghìn tỷ đồng (tương đương giảm 22%) so với năm 2012. Doanh số giao dịch liên ngân hàng bằng USD cũng có xu hướng giảm, với tổng doanh số cho vay, gửi tiền trên thị trường liên ngân hàng bằng USD quy đổi VND đạt 2.965 nghìn tỷ đồng, giảm 1.666 nghìn tỷ đồng (tương đương giảm 28%) so với năm 2012. Doanh số mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bằng VND đạt 28.041 tỷ đồng, giảm 55% so với năm 2012. Doanh số giao dịch giảm do thanh khoản của hệ thống các TCTD khá dồi dào và có dư thừa nên nhu cầu giao dịch trên thị trường liên ngân hàng giảm, đồng thời do các TCTD tăng cường quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng.

Xét theo kỳ hạn, các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng năm 2013 phát sinh chủ yếu ở các kỳ hạn dưới 1 tháng, trong đó tập trung nhiều vào kỳ hạn qua đêm, 1 tuần. Doanh số giao dịch qua đêm bằng VND cả năm đạt 1.776 nghìn tỷ đồng, bằng USD quy đổi VND đạt 1.647 nghìn tỷ đồng, lần lượt chiếm 39% và 56% so với tổng doanh số giao dịch cả năm.



Lãi suất liên ngân hàng ổn định ở mức thấp, quy mô giao dịch giảm do thanh khoản dồi dào.

Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục ổn định ở mức thấp



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Năm 2013, thị trường tiền tệ ổn định, nhu cầu giao dịch liên ngân hàng giảm nên nhìn chung mặt bằng lãi suất liên ngân hàng tương đối ổn định ở mức thấp. Xu hướng giảm lãi suất diễn ra khá mạnh trong 6 tháng đầu năm 2013 và tăng nhẹ trở lại trong 6 tháng cuối năm nhưng vẫn ở mức thấp. Cụ thể, lãi suất giao dịch liên ngân hàng bằng VND bình quân qua đêm giảm từ 3%/năm vào tháng 01/2013 xuống khoảng 1%/năm vào tháng 6/2013 và tăng lên mức 2,8%/năm vào cuối năm 2013, kỳ hạn 1 tuần giảm từ 4,1%/năm xuống 1,3%/năm thời điểm tháng 6/2013 và tăng lên 3,4%/năm vào cuối năm 2013.

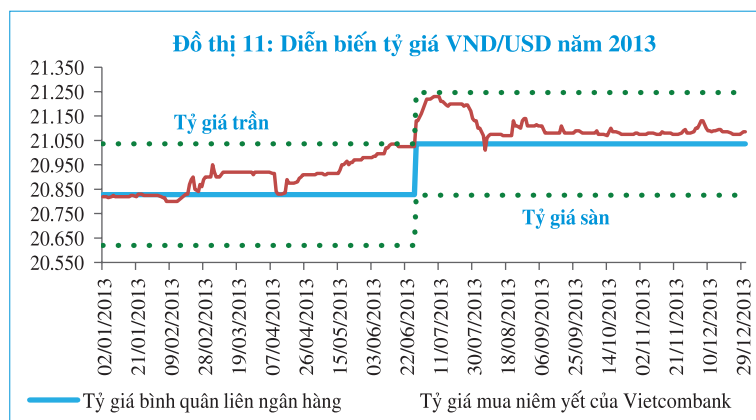
Lãi suất giao dịch liên ngân hàng bằng USD cũng khá ổn định và có xu hướng giảm dần qua các tháng, phù hợp với việc điều chỉnh giảm lãi suất trần tiền gửi bằng ngoại tệ của các TCTD đối với khách hàng. Cụ thể, lãi suất bình quân kỳ hạn qua đêm giảm từ 0,22%/năm vào tháng 01/2013 xuống còn 0,18%/năm trong tháng 12/2013, kỳ hạn 1 tuần cũng tương ứng giảm từ 0,56%/năm xuống còn 0,29%/năm.

Diễn biến thị trường ngoại hối

Trong năm 2013, tỷ giá VND/USD về cơ bản ổn định, tỷ giá bình quân liên ngân hàng tăng 1%, tỷ giá niêm yết của NHTM tăng khoảng 1,2-1,3%, nằm trong phạm vi định hướng của NHNN. Tại một số thời điểm, tỷ giá trên thị trường tăng, chủ yếu do yếu tố tâm lý, tuy nhiên sau đó đã ổn định trở lại sau khi NHNN áp dụng đồng bộ các giải pháp để bình ổn tỷ giá và thị trường ngoại tệ.

“

Thị trường ngoại hối cơ bản ổn định, thanh khoản được cải thiện.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tỷ giá ổn định là kết quả của nhiều yếu tố như: lạm phát được kiểm soát ở mức thấp đã củng cố lòng tin vào VND, nguồn cung ngoại tệ dồi dào do thặng dư cán cân thanh toán quốc tế, NHNN thực hiện chính sách truyền thông chủ động nhằm định hướng và củng cố lòng tin thị trường, đồng thời phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ nhiều giải pháp đảm bảo nâng cao vị thế VND, đặc biệt là các giải pháp về quản lý chặt chẽ tín dụng ngoại tệ, duy trì trần lãi suất huy động ngoại tệ ở mức thấp, điều tiết thanh khoản VND dư thừa trên thị trường mở, duy trì tỷ lệ dự trữ bắt buộc ở mức cao đối với tiền gửi ngoại tệ, quản lý thị trường vàng. Doanh số mua bán ngoại tệ giữa ngân hàng với khách hàng gia tăng cho thấy thị trường có tính thanh khoản cao, đáp ứng tốt các nhu cầu mua - bán ngoại tệ phục vụ các nhu cầu của nền kinh tế.

Diễn biến giá vàng

Tại thời điểm cuối năm, giá mua, bán vàng SJC phổ biến quanh mức 34,95/35,02 triệu đồng/lượng, giảm khoảng 11,6 triệu đồng/lượng so với đầu năm. Chênh lệch giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới đã thu hẹp, từ mức cao nhất 6-7 triệu đồng/lượng xuống phổ biến quanh mức 3-4 triệu đồng/lượng trong các tháng cuối năm. Có thể nói đây là năm đánh dấu các chuyển biến tích cực của thị trường vàng Việt Nam nhờ các giải pháp đồng bộ nhằm triển khai cơ chế quản lý kinh doanh vàng theo Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ. Thị trường vàng trong nước khá ổn định, trật tự trên thị trường đã được thiết lập, nhu cầu nắm giữ vàng của người dân giảm, chênh lệch giữa giá vàng trong nước và thế giới được thu hẹp, tình trạng đầu cơ, làm giá được ngăn chặn,

“

Giá vàng trong nước giảm mạnh theo xu hướng của giá vàng thế giới, chênh lệch giá vàng thế giới và trong nước thu hẹp.

không còn các “cơn sốt vàng” gây bất ổn xã hội, giảm thiểu hiện tượng thu gom ngoại tệ để nhập vàng qua đó hạn chế tác động bất lợi đến thị trường ngoại tệ, là điều kiện thuận lợi hỗ trợ cho việc ổn định tỷ giá và ổn định kinh tế vĩ mô.

Thị trường chứng khoán

“

Thị trường chứng khoán phục hồi do kinh tế vĩ mô có nhiều dấu hiệu cải thiện.

Thị trường cổ phiếu trong năm 2013 phục hồi khá mạnh do kinh tế vĩ mô có nhiều dấu hiệu cải thiện làm gia tăng kỳ vọng của thị trường. So với cuối năm 2012, chỉ số VN-Index tăng 22% lên mức 508,9 điểm, HNX-Index tăng 13% lên mức 66 điểm. Cũng nhờ sự phục hồi này quy mô thị trường được mở rộng, giá trị vốn hóa lên đến 964 nghìn tỷ đồng, bằng 26,5% GDP và tăng 26% so với cùng kỳ. Quy mô giao dịch bình quân cổ phiếu, chứng chỉ quỹ mỗi phiên đạt 1.322 tỷ đồng/phiên, tăng nhẹ 1,5% so với năm 2012. Trên thị trường sơ cấp, đấu thầu TPCP diễn ra sôi động, khối lượng và giá trị giao dịch trái phiếu trúng thầu đạt cao và nhà đầu tư chủ yếu là các NHTM.

2.7. Hoạt động của các tổ chức tín dụng

“

Các TCTD tập trung kiện toàn hoạt động quản trị điều hành, nâng cao năng lực quản lý, năng lực tài chính trong quá trình triển khai Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD. Hệ số sinh lời trong hoạt động ngân hàng cải thiện so với năm 2012, rủi ro thanh khoản giảm nhưng rủi ro tín dụng vẫn còn cao.

Tính đến cuối năm 2013, hệ thống các TCTD tại Việt Nam bao gồm 47 NHTM, 01 Ngân hàng Chính sách xã hội, 01 Ngân hàng Phát triển, 53 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 29 TCTD phi ngân hàng, 01 Ngân hàng Hợp tác xã, 1.144 Quỹ Tín dụng nhân dân (QTDND) và 02 tổ chức tài chính vi mô. Các ngân hàng chú trọng đến việc nâng cao năng lực tài chính cũng như năng lực quản trị, điều hành và các chỉ tiêu về đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng. Rủi ro thanh khoản của hệ thống tính đến cuối năm 2013 nói chung tương đối ổn định và cải thiện so với năm 2012. Tuy nhiên, rủi ro tín dụng vẫn có xu hướng gia tăng trong điều kiện kinh tế khó khăn. Khả năng sinh lời tăng so với năm 2012 nhưng cũng chỉ tương đương với 50% mức bình quân giai đoạn từ năm 2009-2011.

Tập trung kiện toàn hoạt động quản trị, điều hành của các TCTD theo Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD

Mặc dù các TCTD Việt Nam thời gian qua đã chú trọng đến việc nâng cao năng lực tài chính cũng như năng

lực quản trị, điều hành, tuy nhiên, công tác này tại một số TCTD vẫn bộc lộ nhiều yếu kém, đặc biệt là năng lực quản trị rủi ro. Đây cũng là một trong các nguyên nhân ngành ngân hàng đã phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức trong năm 2013. Do đó, NHNN đã khẩn trương chỉ đạo các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện rà soát cơ cấu tổ chức, nhân sự nhằm đảm bảo đúng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; đồng thời xác định việc tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự, nâng cao năng lực quản trị, điều hành là một nội dung quan trọng mà các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nghiêm túc thực hiện trong quá trình thực hiện Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**Biểu 1: Hệ thống các TCTD của Việt Nam
(đến 31/12/2013)**

STT	Loại hình	2012	2013
1	Ngân hàng thương mại Nhà nước	5	5
2	Ngân hàng Chính sách xã hội	1	1
3	Ngân hàng Phát triển	1	1
4	Ngân hàng thương mại cổ phần	34	33
5	Ngân hàng liên doanh	4	4
6	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	49	53
7	Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	5	5
8	TCTD phi ngân hàng	30	29
	<i>Gồm: Công ty tài chính</i>	18	17
	<i>Công ty cho thuê tài chính</i>	12	12
9	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam(*)	1	1
10	Quỹ Tín dụng nhân dân	1.132	1.144
11	Tổ chức tài chính vi mô	2	2

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(*) – Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương được chuyển đổi thành Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam từ tháng 7/2013.

Các TCTD nỗ lực cải thiện các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng. Hệ số sinh lời trong hoạt động ngân hàng của toàn hệ thống cải thiện hơn so với năm 2012

Tính đến cuối năm 2013, vốn điều lệ toàn hệ thống có xu hướng tăng nhanh dần qua các quý của năm 2013 dù tốc độ còn chậm. Tổng vốn điều lệ của toàn hệ thống là 423,9 nghìn tỷ đồng, tăng 8,12% so với cuối năm 2012.

Vốn tự có của toàn hệ thống TCTD tăng trưởng 9,61% so với năm 2012. Tổng tài sản của hệ thống tiếp tục tăng nhanh và đến cuối tháng 12/2013 đạt 5.755,8 nghìn tỷ đồng, tăng 13,17% so với cuối năm 2012. Khả năng sinh lời của tài sản có (ROA) và vốn chủ sở hữu (ROE) ước tính đến cuối năm 2013 toàn hệ thống lần lượt là 0,50% và 5,56%, cao hơn so với năm 2012 (năm 2012 lần lượt là 0,48% và 3,97%). Tuy nhiên, các chỉ số ROA và ROE năm 2013 chỉ tương đương với 50% mức bình quân giai đoạn 2009-2011.

Rủi ro tín dụng có xu hướng tăng từ năm 2012 nhưng NHNN đã đưa ra chính sách biện pháp để kiểm chế và xử lý nợ xấu

Nợ xấu có xu hướng gia tăng từ năm 2012 do ảnh hưởng từ những khó khăn chung của nền kinh tế, tình trạng sản xuất kinh doanh đình trệ, hàng tồn kho ở mức cao. Trước thực trạng đó, NHNN đã đưa ra một số chính sách, biện pháp kiểm chế và xử lý nợ xấu như yêu cầu các TCTD triển khai các giải pháp tự xử lý nợ xấu; cơ cấu lại nợ để hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận được vốn vay phục vụ sản xuất; kiểm soát chặt chẽ và tiết giảm chi phí hoạt động, tích cực trích lập dự phòng và xử lý nợ xấu bằng dự phòng rủi ro; thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng và hạn chế nợ xấu phát sinh mới; đặc biệt là việc thành lập và đưa vào hoạt động Công ty VAMC. Nợ xấu cuối năm 2013 đã giảm 1,62% so với cuối năm 2012 sau khi tăng nhanh liên tục trong giai đoạn trước.

Rủi ro thanh khoản giảm so với năm 2012

Tình hình thanh khoản của hệ thống ngân hàng đến cuối tháng 12/2013 được cải thiện đáng kể, dự trữ thanh khoản không ngừng được tăng lên. Tuy nhiên, thanh khoản của một số TCTD chưa bền vững do nợ xấu lớn, nguồn vốn huy động chủ yếu là ngắn hạn, cho vay trung, dài hạn lớn. Một số NHTM vẫn phải chấp nhận huy động với lãi suất cao hơn mặt bằng chung để giữ khách hàng. Thanh khoản của các TCTD chỉ được cải thiện bền vững khi nợ xấu được xử lý căn bản, cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn phù hợp về kỳ hạn, đặc biệt là các TCTD không mở rộng tín dụng quá mức so với nguồn vốn.

Phân II – Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013, NHNN đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 31/01/2013, theo đó đặt mục tiêu, nhiệm vụ toàn ngành ngân hàng năm 2013 là *“Điều hành chính sách tiền tệ thận trọng, linh hoạt, gắn kết chặt chẽ với chính sách tài khóa nhằm kiểm soát lạm phát thấp hơn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao hơn năm 2012, tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô; kiểm soát tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 14-16%, tín dụng tăng khoảng 12% và căn cứ vào diễn biến, tình hình thực tế điều chỉnh phù hợp; điều hành lãi suất và tỷ giá phù hợp với diễn biến tiền tệ và các cân đối vĩ mô, đặc biệt là diễn biến lạm phát; đảm bảo hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng”*.

1. Điều hành chính sách tiền tệ

Điều chỉnh lãi suất điều hành theo hướng giảm dần

Ngay từ cuối năm 2012, trên cơ sở đánh giá diễn biến của lạm phát tiếp tục được kiểm soát dù vẫn tiềm ẩn nguy cơ từ việc điều chỉnh các mặt hàng do Nhà nước quản lý, NHNN định hướng điều hành giảm lãi suất trong năm 2013 nhằm tiếp tục góp phần tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường. Cụ thể: NHNN giảm 2 lần các mức lãi suất điều hành (lãi suất tái cấp vốn giảm từ 9%/năm xuống 7%/năm, lãi suất tái chiết khấu từ 7%/năm xuống 5%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng giảm từ 10%/năm xuống 8%/năm); giảm 2 lần trần lãi suất huy động bằng VND (từ ngày 26/3/2013, trần lãi suất tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng giảm từ 8%/năm xuống 7,5%/năm; từ ngày 28/6/2013, NHNN dỡ bỏ trần lãi suất đối với kỳ hạn từ 6 tháng trở lên, đồng thời điều chỉnh giảm 0,5%/năm trần lãi suất huy động VND từ 7,5%/năm xuống 7%/năm đối với kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng, giảm trần lãi suất tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng



Chính sách tiền tệ thận trọng, linh hoạt nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng khoảng 12% và tổng phương tiện thanh toán khoảng 14-16%, hỗ trợ ổn định thị trường ngoại hối và chống đô-la hóa.

từ 2%/năm xuống 1,2%/năm); giảm 3 lần trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực chiến lược trong phát triển kinh tế từ 12%/năm xuống mức 9%/năm. Bên cạnh đó, NHNN cũng chỉ đạo các TCTD thực hiện nghiêm túc các quy định về lãi suất, tiết kiệm chi phí để áp dụng lãi suất cho vay mới ở mức hợp lý, xem xét tiếp tục điều chỉnh giảm lãi suất cho vay cũ về mức dưới 13%/năm trên cơ sở khả năng tài chính để chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp và hộ dân.

Điều hành linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở để hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD, góp phần kiểm soát lạm phát và hỗ trợ ổn định tỷ giá

Nghệp vụ thị trường mở tiếp tục được NHNN điều hành linh hoạt, thận trọng để hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD, nhất là vào dịp Tết Nguyên đán và các thời điểm nhu cầu thanh khoản của các TCTD tăng cao; đồng thời, điều tiết lượng vốn khả dụng bằng VND dư thừa của các TCTD thông qua phát hành tín phiếu NHNN, góp phần ổn định thị trường tiền tệ, kiểm soát lạm phát và hỗ trợ ổn định tỷ giá, phù hợp với mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ.

Chào mua giấy tờ có giá

NHNN thực hiện chào mua GTCG hàng ngày, chủ yếu là kỳ hạn ngắn 7 ngày (riêng dịp Tết Nguyên đán điều chỉnh lên kỳ hạn 14 ngày để tránh trùng kỳ nghỉ Tết) nhằm phát tín hiệu ổn định tâm lý thị trường và hỗ trợ một số TCTD gặp khó khăn vay vốn trên thị trường liên ngân hàng. Lãi suất chào mua được điều chỉnh giảm từ 7,0-6,5-6,0-5,5%/năm phù hợp với mặt bằng các lãi suất điều hành của NHNN và diễn biến lãi suất thị trường. Phương thức đấu thầu chủ yếu là đấu thầu khối lượng. Khối lượng chào mua GTCG được điều chỉnh phù hợp với diễn biến vốn khả dụng, diễn biến thị trường tiền tệ. Khối lượng trúng thầu bình quân khoảng 698 tỷ đồng/phần.

Bán tín phiếu NHNN

Để điều tiết vốn khả dụng của các TCTD, góp phần kiểm soát lạm phát và trung hòa lượng tiền mua ngoại tệ



tăng dự trữ ngoại hối, trong năm 2013, NHNN phát hành tín phiếu NHNN tại một số thời điểm với kỳ hạn và lãi suất thay đổi phù hợp với diễn biến thanh khoản và mục tiêu của chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ. Các kỳ hạn tín phiếu phát hành trong năm 2013 gồm: 28, 56, 91, 154 và 182 ngày. Khối lượng trúng thầu bình quân khoảng 1.583 tỷ đồng/phần; lãi suất trúng thầu các kỳ hạn có xu hướng giảm, phù hợp với diễn biến lãi suất thị trường và tình hình thanh khoản của hệ thống.

Linh hoạt sử dụng công cụ tái cấp vốn

Năm 2013, NHNN đã điều hành công cụ tái cấp vốn chủ động, phối hợp đồng bộ với các công cụ chính sách tiền tệ khác, phù hợp với diễn biến thị trường để đạt được mục tiêu kiểm soát lạm phát. Hầu hết các TCTD không có nhu cầu vay tái cấp vốn hỗ trợ thanh khoản do vốn khả dụng của toàn hệ thống tương đối dồi dào. NHNN thực hiện tái cấp vốn hỗ trợ nhà ở với 5 NHTM nhà nước theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu.

Triển khai Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, NHNN đã ban hành Thông tư số 20/2013/TT-NHNN ngày 09/9/2013 quy định về cho vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam nhằm hỗ trợ VAMC và các TCTD xử lý nợ xấu, tạo điều kiện đẩy mạnh tín dụng ra nền kinh tế. Đến cuối năm 2013, VAMC đã triển khai mua nợ xấu của các TCTD bằng trái phiếu đặc biệt nhưng do điều kiện thanh khoản tốt nên chưa phát sinh nhu cầu tái cấp vốn từ các TCTD đối với trái phiếu đặc biệt này.

Giữ ổn định tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng VND và ngoại tệ để tạo điều kiện TCTD mở rộng tín dụng an toàn, hiệu quả; thực hiện chủ trương chống đô-la hóa

Năm 2013, tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng VND là 3% áp dụng với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng và 1% áp dụng với tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Đối với tiền gửi bằng ngoại tệ, tỷ lệ dự trữ bắt buộc được duy trì cao hơn so với tiền gửi bằng

VND, ở mức 8% áp dụng với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 6% áp dụng với tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng trở lên và 1% áp dụng với tiền gửi của các TCTD ở nước ngoài.

Thực hiện linh hoạt các biện pháp tín dụng nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ thị trường nhưng vẫn đảm bảo chất lượng tín dụng và thực hiện chủ trương hạn chế tình trạng đô-la hóa

NHNN đã triển khai và tổ chức thực hiện các giải pháp về tín dụng nhằm thúc đẩy tín dụng tăng phù hợp chỉ tiêu định hướng, đồng thời đảm bảo chất lượng tín dụng và an toàn hệ thống. Ngay từ đầu năm, trên cơ sở chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng cả năm 2013 khoảng 12%, NHNN thông báo chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng tín dụng cho TCTD; trong quá trình thực hiện, NHNN xem xét điều chỉnh chỉ tiêu này đối với các TCTD có khả năng mở rộng tín dụng, đảm bảo chất lượng tín dụng và có nguồn vốn lành mạnh vững chắc trên cơ sở đề nghị của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Bên cạnh đó, NHNN triển khai quyết liệt các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quan hệ tín dụng giữa TCTD với khách hàng như: tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ; xem xét cơ cấu lại các khoản vay trên cơ sở đánh giá các biện pháp khắc phục khó khăn trong hoạt động sản xuất-kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng vay; xem xét miễn, giảm lãi vốn vay trên cơ sở khả năng tài chính của TCTD... Đối với tín dụng ngoại tệ, NHNN tiếp tục kiểm soát chặt chẽ hoạt động cho vay ngoại tệ theo quy định tại Thông tư số 37/2012/TT-NHNN ngày 28/12/2012 quy định cho vay ngoại tệ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú, phù hợp với chủ trương của Chính phủ về hạn chế đô-la hóa trong nền kinh tế.

2. Quản lý ngoại hối

Điều hành tỷ giá và thị trường ngoại hối theo hướng ổn định

Để đảm bảo ổn định tỷ giá VND/USD, năm 2013 NHNN đã phối hợp đồng bộ nhiều giải pháp. *Thứ nhất,*



chính sách truyền thông về tỷ giá đã được NHNN sử dụng một cách chủ động, tích cực nhằm ổn định kỳ vọng thị trường. Theo đó, NHNN thực hiện định hướng thị trường thông qua các kênh truyền thông đa dạng ngay từ đầu năm và trong những thời điểm thị trường ngoại hối có xáo trộn do yếu tố tâm lý. *Thứ hai*, song song với việc can thiệp mua/bán ngoại tệ để cân bằng cung cầu trên thị trường ngoại hối, ngày 28/6/2013, NHNN điều chỉnh tăng 1% tỷ giá bình quân liên ngân hàng và giữ nguyên biên độ tỷ giá +/-1% để tỷ giá phản ánh sát hơn diễn biến cung cầu trên thị trường. Việc điều chỉnh này hoàn toàn nằm trong mức định hướng mà NHNN đã đưa ra từ đầu năm. *Thứ ba*, NHNN đã phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện quản lý hoạt động kinh doanh và mua bán ngoại tệ và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, qua đó đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định về quản lý ngoại hối, giảm tình trạng đô-la hóa. *Thứ tư*, điều hành tỷ giá được phối hợp chặt chẽ với điều hành các công cụ và biện pháp khác của chính sách tiền tệ như lãi suất, quy định về tín dụng ngoại tệ, nghiệp vụ thị trường mở, dự trữ bắt buộc và các biện pháp quản lý thị trường vàng theo hướng nâng cao vị thế, củng cố lòng tin vào VND.

Quản lý thị trường vàng đã có nhiều chuyển biến tích cực

Năm 2013 là một năm đánh dấu các chuyển biến tích cực của thị trường vàng Việt Nam. Trên cơ sở khuôn khổ pháp lý mới về quản lý thị trường vàng mà nòng cốt là Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ, NHNN tiếp tục quyết liệt triển khai các giải pháp đồng bộ nhằm khắc phục triệt để các bất cập của thị trường vàng giai đoạn trước, bao gồm: *(i)* NHNN tiếp tục triển khai các biện pháp đồng bộ nhằm tổ chức, sắp xếp lại một cách căn bản thị trường vàng, thiết lập một mạng lưới mua, bán vàng miếng mới, có tổ chức, có quản lý; *(ii)* Tổ chức sản xuất vàng miếng SJC nhằm đáp ứng nhu cầu vàng miếng cho thị trường; *(iii)* NHNN đã triển khai can thiệp bình ổn thị trường vàng nhằm tăng cung vàng miếng cho thị trường thông qua hình thức đấu thầu bán vàng miếng giúp thu hẹp sự mất cân đối về cung cầu; *(iv)* Kiên quyết



Điều hành tỷ giá theo tín hiệu thị trường, đảm bảo vị thế đồng tiền Việt Nam; thực hiện các giải pháp đồng bộ để cải thiện cán cân thanh toán quốc tế, tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước; hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động ngoại hối phù hợp với xu hướng hội nhập.

chấm dứt hoạt động huy động và cho vay vốn bằng vàng của các TCTD theo đúng lộ trình vào cuối tháng 6/2013. Các giải pháp đồng bộ trên đây đã góp phần quan trọng ổn định thị trường ngoại hối nói riêng và kinh tế vĩ mô nói chung.

Quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước để bảo đảm an toàn, thanh khoản và sinh lời

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, công tác quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước tiếp tục đảm bảo nguyên tắc an toàn, thanh khoản và sinh lời. Việc kinh tế vĩ mô ổn định, NHNN điều hành thị trường ngoại hối và tỷ giá phù hợp với tình hình cung cầu ngoại tệ trên thị trường, hạn chế tình trạng đô-la hóa, vàng hóa, kiểm soát nhập siêu khiến quy mô dự trữ ngoại hối ổn định góp phần nâng cao niềm tin của thị trường đối với các giải pháp điều hành của NHNN.

Quản lý giao dịch vãng lai và sử dụng ngoại tệ hợp lý

Công tác quản lý các giao dịch vãng lai tiếp tục được thực hiện theo hướng tự do hoá phù hợp với các cam kết quốc tế, đồng thời vẫn tiếp tục triển khai các biện pháp hạn chế sử dụng ngoại tệ trong nước nhằm thực hiện mục tiêu xóa bỏ tình trạng đô-la hóa trên lãnh thổ Việt Nam. Chính sách thu hút kiều hối tiếp tục thực hiện theo hướng thông thoáng và phù hợp với xu thế hội nhập, do đó tuy kinh tế trong nước và kinh tế thế giới nói chung vẫn còn gặp nhiều khó khăn nhưng dòng kiều hối về Việt Nam vẫn ổn định, tác động tích cực tới cán cân thanh toán và góp phần tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước. Đồng thời, công tác kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động ngoại hối tiếp tục được triển khai thường xuyên để kịp thời phát hiện các vi phạm.

Đặc biệt, NHNN đã có bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối. NHNN đã phối hợp với các bộ, ngành xây dựng Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh ngoại hối và được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 18/3/2013; ban hành Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013



hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam nhằm góp phần hạn chế tình trạng đô-la hóa; đồng thời đơn giản hóa thủ tục chấp thuận hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt của các ngân hàng được phép.

Quản lý các giao dịch vốn để đảm bảo sự lành mạnh của cán cân thanh toán quốc tế

NHNN tiếp tục thực hiện chính sách quản lý các giao dịch vốn thận trọng, trên cơ sở giám sát chặt chẽ luồng vốn vào, ra, phân tích cơ cấu luồng vốn, tác động của nó đến nền kinh tế và hệ thống tài chính để nghiên cứu, xây dựng chính sách quản lý phù hợp, góp phần hạn chế những tác động bất lợi của dòng vốn đầu tư, đặc biệt là các dòng vốn ngắn hạn nước ngoài. NHNN đã ban hành quy định hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (Thông tư số 36/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013), hướng dẫn đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú (Thông tư số 37/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013).

3. Ổn định tài chính

3.1. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng

Năm 2013, NHNN tiếp tục triển khai tích cực công tác thanh tra, giám sát song song với thực hiện triển khai tái cơ cấu hệ thống TCTD theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 01/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Với nhiều đổi mới, hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng đã có những kết quả tích cực trong việc tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, đảm bảo an toàn hệ thống, đảm bảo kỷ cương, kỷ luật trong lĩnh vực ngân hàng và hỗ trợ việc hoạch định, điều hành chính sách tiền tệ.

Công tác thanh tra, giám sát

NHNN đã thực hiện thanh tra toàn diện pháp nhân TCTD; kết hợp thanh tra chấp hành pháp luật với thanh tra, giám sát rủi ro trong hoạt động của đối tượng thanh tra, giám sát ngân hàng; chỉ đạo thống nhất hoạt động thanh tra, giám sát trong toàn hệ thống. Nội dung

“

Hoạt động thanh tra tập trung vào nhiệm vụ quan trọng là triển khai Đề án tái cơ cấu các TCTD; bên cạnh đó tiếp tục thanh tra các vấn đề trọng yếu như các hoạt động cấp tín dụng, lãi suất, tỷ lệ đảm bảo an toàn, quản trị điều hành; thực hiện giám sát từ xa nhằm phát hiện, cảnh báo sớm rủi ro; phòng chống rửa tiền.

thanh tra, giám sát tập trung vào các vấn đề trọng yếu, nổi cộm của các TCTD như chất lượng tín dụng, cấp tín dụng cho cổ đông lớn và người có liên quan, sở hữu cổ phần, cổ phiếu, hoạt động liên ngân hàng, uỷ thác, đầu tư tài chính, việc chấp hành tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của các TCTD, tình hình cấp tín dụng theo hạn mức quy định, khả năng thanh khoản... Qua thanh tra, giám sát đã đánh giá, cảnh báo sớm về thực trạng tài chính, quản trị điều hành, chất lượng tín dụng, tình hình nợ xấu, xử lý nợ xấu và tái cơ cấu của các TCTD. NHNN đã xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống chỉ tiêu giám sát tài chính theo chuẩn mực quốc tế; ứng dụng mô hình đo lường, giám sát rủi ro, đồng thời phối hợp sử dụng các thông tin, dữ liệu từ hoạt động thông tin tín dụng phục vụ công tác thanh tra, giám sát. Những phát hiện và kiến nghị của thanh tra, giám sát góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện các quy định, chính sách quản lý đối với lĩnh vực ngân hàng theo hướng thúc đẩy an toàn và hỗ trợ trực tiếp cho quá trình cơ cấu lại hệ thống các TCTD.

Công tác quản lý cấp phép

Công tác quản lý, cấp phép thành lập mới các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện, mở chi nhánh, phòng giao dịch của TCTD được thực hiện thận trọng và gắn với mục tiêu tái cơ cấu hệ thống TCTD, đồng thời tạo điều kiện phát triển dịch vụ ngân hàng ở các khu vực ngoài các trung tâm đô thị. Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch của TCTD được thành lập mới đã giảm đáng kể so với thời kỳ trước khi thực hiện tái cơ cấu. Việc mở công ty con, chi nhánh của các TCTD Việt Nam ở nước ngoài cũng được xem xét thận trọng và gắn với tăng cường các biện pháp giám sát, bảo đảm an toàn hoạt động.

Tình hình triển khai Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015

Năm 2013, NHNN tiếp tục triển khai quyết liệt, khẩn trương Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015” và đã đạt được một số kết quả quan trọng: (i) Đối với 09 NHTM cổ phần yếu kém



xác định từ năm 2012, NHNN đã trình Thủ tướng Chính phủ 8 phương án cơ cấu lại, trong đó, 03 ngân hàng đã được hợp nhất với nhau, 01 ngân hàng đã được hợp nhất với 01 TCTD khác, 01 ngân hàng đã được sáp nhập vào ngân hàng khác, 03 ngân hàng đã được chấp thuận phương án tự cơ cấu lại, 01 TCTD còn lại đang trình Thủ tướng Chính phủ theo phương án cơ cấu có sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài. Trong năm 2013, NHNN tiếp tục đánh giá và đã xác định thêm một số TCTD yếu kém và yêu cầu các TCTD này xây dựng Phương án cơ cấu lại trình NHNN phê duyệt; **(ii)** Đối với các TCTD bình thường, NHNN đã nhận 35/38 phương án tái cơ cấu và đã phê duyệt 26/32 phương án, đang chỉ đạo hoàn thiện 06 phương án còn lại. Các TCTD có Phương án tái cơ cấu được phê duyệt đã và đang triển khai thực hiện các nội dung, giải pháp đề xuất. Theo đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến về Đề án cơ cấu lại gắn với thực hiện các kiến nghị xử lý sau thanh tra. Các NHTM cổ phần Ngoại thương Việt Nam, NHTM cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam cũng đã được NHNN báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến chỉ đạo; **(iii)** Đối với các TCTD nước ngoài, NHNN tạo điều kiện và khuyến khích các TCTD nước ngoài góp vốn, mua cổ phần của các TCTD Việt Nam, đặc biệt là các TCTD yếu kém để cơ cấu lại các TCTD. NHNN đã dự thảo trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại các TCTD cổ phần Việt Nam, trong đó có thể xem xét cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu ở mức hợp lý vốn điều lệ của các NHTM cổ phần yếu kém. Cùng với đó, NHNN tích cực chỉ đạo cơ cấu lại 03 ngân hàng liên doanh thuộc diện yếu kém hoặc vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trong đó có 02 ngân hàng dự kiến có sự thoái vốn của đối tác Việt Nam. Ngoài ra, NHNN cũng tiến hành triển khai việc rút giấy phép, đóng cửa một số chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động không có hiệu quả hoặc không còn nhu cầu hoạt động tại Việt Nam hay chuyển đổi hình thức tổ chức, chuyển giao tài sản, công nợ sang đơn vị trực thuộc của cùng ngân hàng mẹ hoạt động ở Việt Nam; **(iv)** Đối

với QTDND trung ương và hệ thống QTDND, NHNN đã tiến hành rà soát, đánh giá những kết quả đạt được, tồn tại, nguyên nhân và đề xuất biện pháp tiếp tục hoàn thiện mô hình QTDND, thực hiện tái cơ cấu và phát triển QTDND, đưa ra định hướng, giải pháp hoàn thiện mô hình TCTD là hợp tác xã đến năm 2020.

Tính từ thời điểm bắt đầu thực hiện Đề án 254 đến cuối năm 2013, số lượng các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã giảm dần, đặc biệt là các TCTD yếu kém. Số lượng TCTD giảm đi là 06 (gồm 04 NHTM cổ phần và 02 TCTD phi ngân hàng qua sáp nhập, giải thể), 02 chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi giấy phép, 03 chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được chuyển đổi hình thức. Hiện NHNN đang xử lý việc chuyển giao tài sản công nợ của 04 chi nhánh ngân hàng nước ngoài sang ngân hàng 100% vốn nước ngoài của cùng một ngân hàng mẹ tại Việt Nam. Hệ thống các TCTD được đảm bảo an toàn và trong tầm kiểm soát của NHNN; nguy cơ gây đổ vỡ, mất an toàn hệ thống đã được đẩy lùi; hiệu quả quản lý nhà nước và kỷ cương trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng được củng cố; tài sản của Nhà nước và tiền gửi của nhân dân được an toàn, kể cả tại các TCTD yếu kém; niềm tin của nhân dân đối với hệ thống ngân hàng được củng cố và nâng cao.

Công tác phòng, chống rửa tiền

Với vai trò là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo phòng, chống rửa tiền, NHNN đã tích cực, chủ động phối hợp với các đơn vị, bộ, ngành có liên quan thực hiện các nội dung trong Kế hoạch hành động mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết với Lực lượng đặc nhiệm tài chính (FATF) để từng bước đưa Việt Nam ra khỏi Quy trình rà soát của Nhóm xem xét các vấn đề về hợp tác quốc tế (ICRG) thuộc FATF. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục thu thập, xử lý và chuyển giao thông tin liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố và tội phạm khác liên quan đến tội rửa tiền cho cơ quan điều tra có thẩm quyền, các cơ quan tố tụng, xét xử trong và ngoài nước. Để hỗ trợ việc thu thập, phân tích thông tin, NHNN đã ký Bản ghi nhớ



trao đổi thông tin về rửa tiền và tài trợ khủng bố với một số tổ chức trong và ngoài nước như Bộ Công an, các Cơ quan phòng, chống rửa tiền của Hàn Quốc, Thái Lan và Nhật Bản.

Năm 2013, NHNN trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành các văn bản quy phạm pháp luật gồm: Quyết định số 20/2013/QĐ-TTg ngày 18/4/2013 quy định mức giá trị của giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo và Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền; phối hợp với Bộ Công an xây dựng, trình các cấp thông qua Luật Phòng, chống khủng bố và Nghị định hướng dẫn Luật Phòng, chống khủng bố trong đó có vấn đề chống tài trợ khủng bố nhằm từng bước hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.

3.2. Triển khai chương trình đánh giá khu vực tài chính

Với vai trò là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo Quốc gia về Chương trình đánh giá khu vực tài chính (FSAP), NHNN tiếp tục chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành hữu quan triển khai FSAP theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể, NHNN đã phối hợp với WB/IMF và các bộ, ngành hữu quan hoàn thành giai đoạn đánh giá chính thức và hoàn thành về cơ bản giai đoạn rà soát kết quả đánh giá và thông qua báo cáo của FSAP. Các đánh giá của FSAP nhìn chung đã phản ánh được hiện trạng cũng như chỉ ra những điểm yếu và nguy cơ rủi ro mà khu vực tài chính của Việt Nam đã, đang và sẽ phải đối mặt để từ đó đề xuất các khuyến nghị nhằm từng bước khắc phục các điểm yếu đó. FSAP ghi nhận sự đóng góp tích cực của hệ thống tài chính vào tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn vừa qua; cơ sở hạ tầng có nhiều bước tiến lớn; hệ thống thanh toán phát triển nhanh chóng... tuy nhiên cũng phát hiện những vấn đề tích tụ trong hệ thống tài chính Việt Nam. Trên cơ sở đó, FSAP đề xuất chiến lược nhằm thiết kế và triển khai chương trình cải cách tài chính cho Việt Nam với các mục tiêu, biện pháp, cách thức xử lý phù hợp với định hướng cải



NHNN tiếp tục chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành triển khai FSAP, hoàn thành cơ bản giai đoạn đánh giá chính thức, rà soát kết quả đánh giá và thông qua báo cáo của FSAP.

cách của Chính phủ hiện nay, trong đó có vấn đề xử lý nợ xấu và đảm bảo hiệu quả của các luồng tài chính mới. Bên cạnh đó, FSAP cũng đã đưa ra một loạt các khuyến nghị kỹ thuật trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cho các bộ, ngành có liên quan, tập trung vào các trụ cột chính là: **(i)** Tăng cường khuôn khổ quản lý và giám sát tài chính; **(ii)** Xây dựng, phát triển khuôn khổ pháp lý về ổn định tài chính và các cơ quan chịu trách nhiệm về ổn định tài chính, tăng cường sự phối hợp liên ngành, sử dụng nhiều hơn các biện pháp thị trường; **(iii)** Nâng cấp cơ sở hạ tầng tài chính; **(iv)** Mở rộng tiếp cận tài chính; **(v)** củng cố khuôn khổ xử lý ngân hàng và quản lý khủng hoảng. Việc triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp của Chính phủ và khuyến nghị của FSAP sẽ góp phần lành mạnh hóa một bước quan trọng về tài chính và hoạt động của các TCTD Việt Nam.

4. Công tác pháp chế

Công tác xây dựng pháp luật



Công tác xây dựng và thực thi pháp luật tiếp tục được đẩy mạnh nhằm hoàn thiện hệ thống pháp lý cho hoạt động tiền tệ - ngân hàng, phù hợp xu thế hội nhập, triển khai tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, chống đô-la hóa, tăng cường hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ.

Năm 2013, NHNN đã hoàn thiện dự án Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 18/3/2013. Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối có hiệu lực từ ngày 01/01/2014 khắc phục những tồn tại của quy định hiện hành, tạo khuôn khổ pháp lý hoàn thiện hơn điều chỉnh hoạt động ngoại hối của tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu quản lý của cơ quan nhà nước, đảm bảo phù hợp với lộ trình hội nhập, tự do hóa giao dịch vốn. Bên cạnh đó, NHNN đã trình Chính phủ ban hành 06 Nghị định, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 06 Quyết định, xây dựng và ban hành 40 Thông tư, tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như điều hành lãi suất, tỷ giá, điều chỉnh hoạt động kinh doanh vàng, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, triển khai thực hiện Đề án “Xử lý nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng” và Đề án “Thành lập Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam”, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm tiền gửi, Luật Phòng, chống rửa tiền và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối.



Tăng cường thực thi pháp luật ngân hàng

Nhằm tăng cường công tác thực thi pháp luật về ngân hàng, năm 2013, NHNN đã tập trung triển khai các nhiệm vụ sau: **(i)** Triển khai tích cực công tác kiểm tra văn bản; **(ii)** Tổ chức công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong và ngoài ngành, tập trung chủ yếu vào nhiệm vụ phổ biến Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối; các Nghị định, Quyết định trong lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng, các Thông tư của NHNN; **(iii)** Tiến hành rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật (QPPL); tính đến ngày 31/12/2013, NHNN đã công bố hết hiệu lực thi hành toàn bộ hoặc một phần hơn 500 văn bản QPPL, loại bỏ 267 văn bản QPPL không còn phù hợp với thực tiễn, không còn được áp dụng và đã hết hiệu lực ra khỏi hệ thống các văn bản QPPL của ngành ngân hàng; **(iv)** Tăng cường công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, hoàn thành báo cáo đánh giá Chỉ số về hiệu quả hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật (MEI) năm 2012 của NHNN và đề xuất giải pháp cải thiện MEI của NHNN trong các năm tới; **(v)** Ngoài ra, NHNN đã tích cực thực hiện rà soát pháp luật ngân hàng của Việt Nam so với các cam kết điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia (WTO, các cam kết của Việt Nam trong ASEAN), góp phần minh bạch hóa chính sách, thúc đẩy tính tuân thủ theo các nguyên tắc thị trường và các cam kết quốc tế nhằm tạo một môi trường hoạt động kinh doanh ngày càng bình đẳng, thông thoáng và thuận lợi cho các TCTD hoạt động tại Việt Nam.

5. Công tác phát hành kho quỹ

Về hoạt động phát hành và điều hòa tiền mặt

Trong năm 2013, trên cơ sở xây dựng kế hoạch in tiền, theo dõi sát tiến độ thực hiện kế hoạch in tiền và hoàn thiện việc ứng dụng tin học hóa trong công tác phát hành kho quỹ, NHNN đã tổ chức điều hòa linh hoạt lượng tiền mặt hiện có đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế, đảm bảo yêu cầu dự trữ tiền mặt trong hệ thống NHNN phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Đặc biệt, trong dịp Tết Nguyên đán năm 2013, khi áp lực thu, chi tiền mặt tăng cao, NHNN đã chủ động

“

NHNN chủ động điều hòa linh hoạt lượng tiền mặt lưu thông để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.

thành lập Tổ công tác xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến cung ứng và điều hòa tiền mặt một cách hiệu quả. Đồng thời, NHNN đã đưa ra được những giải pháp hiệu quả trong việc nâng cao uy tín, bảo vệ hình ảnh đồng tiền Việt Nam bằng việc phối hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền việc sử dụng đúng mục đích tiền mệnh giá nhỏ trong lưu thông, đặc biệt là trong hoạt động văn hóa, lễ hội, tín ngưỡng.

Ngoài ra, NHNN đã tập trung hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn làm cơ sở cho các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước thực hiện tốt công tác tuyển chọn, phân loại tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông. Đồng thời, NHNN đã tổ chức các nghiệp vụ nhằm tuyển chọn, phân loại, tiêu hủy tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Công tác an toàn kho quỹ

Nhờ những nỗ lực trong việc tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn của NHNN thông qua việc ban hành các quy định liên quan đến công tác tiền tệ, kho quỹ, cơ chế quản lý tiền mặt; xây dựng mới các quy định và xử lý các vướng mắc liên quan đến việc giao nhận, đóng gói, bảo quản, vận chuyển vàng thuộc dự trữ NHNN; cảnh báo, chỉ đạo kịp thời trong toàn ngành để rút kinh nghiệm các vấn đề có liên quan đến nguy cơ mất an toàn kho quỹ; công tác an toàn trong bảo quản, giao nhận, vận chuyển, tài sản quý, giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng năm 2013 được duy trì tốt và đảm bảo an toàn tuyệt đối. Bên cạnh đó, áp lực bảo quản tiền trong hệ thống NHNN từng bước được giảm xuống do trong năm qua, NHNN đã tiếp tục xử lý, tháo gỡ các vấn đề liên quan đến xây dựng, sửa chữa các kho tiền và kho tiền trung chuyển của NHNN.

Công tác đấu tranh phòng, chống tiền giả

NHNN triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu tiền giả làm nền móng cho việc hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về tiền giả trong tương lai; tổ chức nghiên cứu, cập nhật thông tin về sự phát triển, ứng dụng vật liệu in, đúc tiền, các yếu tố bảo an trên đồng tiền Việt Nam nhằm đẩy mạnh công tác đấu tranh, phòng chống tiền giả. Đồng thời, NHNN tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn nghiệp

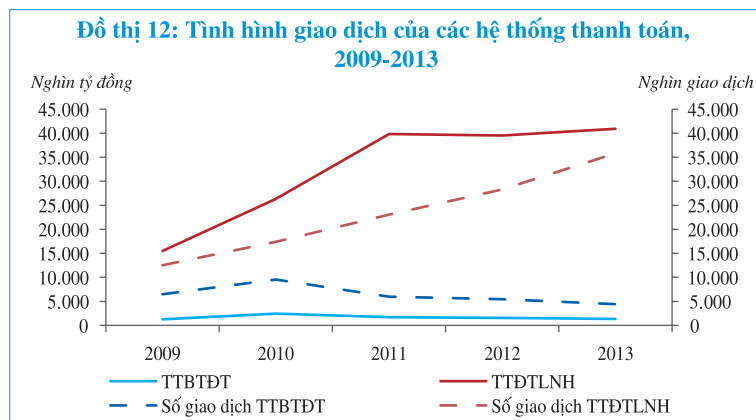
vụ nhận biết tiền thật/giả cho cán bộ làm công tác tiền tệ, kho quỹ; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân kiểm tra, phân biệt tiền thật/giả; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan trong công tác đấu tranh, phòng chống tiền giả.

Với các loại tiền giả mới xuất hiện, NHNN đã kịp thời nghiên cứu, phân tích bằng công nghệ hiện đại để đưa ra các thông tin cảnh báo, giúp cho hệ thống ngân hàng Kho bạc Nhà nước trong việc tiếp nhận và xử lý thông tin về tiền giả.

6. Công nghệ ngân hàng và hoạt động thanh toán

Hiện đại hóa hệ thống thanh toán

Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH) của NHNN đến cuối năm 2013 đã được kết nối với 463 đơn vị thành viên, trong đó có 66 đơn vị thuộc NHNN, 397 đơn vị thành viên trực tiếp thuộc 94 TCTD. Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống TTĐTLNH trong năm 2013 đạt 40.920 nghìn tỷ đồng, với 35,8 triệu giao dịch (tăng tương ứng 3,59% và 26,46% so với năm 2012). Kho bạc Nhà nước hiện đã có 3 đơn vị thí điểm tham gia Hệ thống TTĐTLNH.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

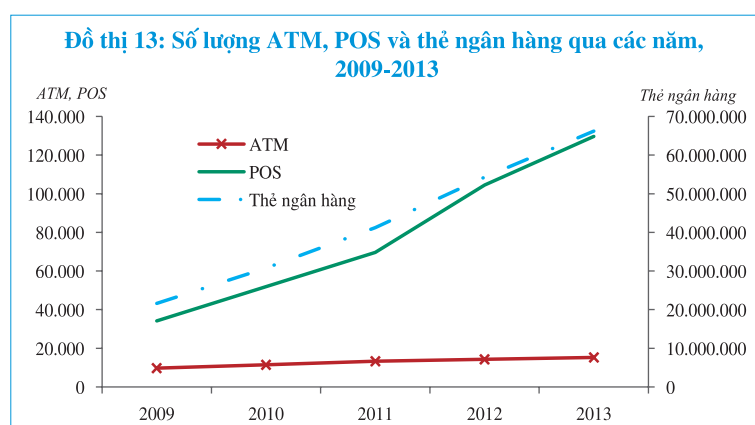
Hệ thống thanh toán bù trừ điện tử (TTBTĐT) được triển khai tại 58/63 tỉnh, thành phố, với tổng số hơn 900 thành viên. Khối lượng giao dịch TTBTĐT đạt 1.344 nghìn tỷ đồng với xấp xỉ 4,41 triệu giao dịch (giảm tương ứng 8,4% và 7,1% so với năm 2012).

NHNN tiếp tục tập trung chỉ đạo triển khai các nội dung thuộc Đề án xây dựng Trung tâm chuyển mạch thể

“

Hệ thống thanh toán điện tử tiếp tục được hiện đại hóa, hoạt động ổn định, an toàn, phục vụ tốt nhu cầu thanh toán trong nền kinh tế, góp phần đẩy nhanh tốc độ thanh toán.

thống nhất đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, triển khai Đề án xây dựng Trung tâm chuyển mạch thẻ thống nhất. Đồng thời, NHNN tiếp tục chỉ đạo, xử lý kết nối liên thông hệ thống POS và phát triển thanh toán thẻ qua POS; xây dựng Kế hoạch tổng thể phát triển thanh toán thẻ qua POS giai đoạn 2014-2015 và đôn đốc, xử lý các vấn đề liên quan đến phát triển mạng lưới POS hiện có. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động thanh toán thẻ tiếp tục được các NHTM đầu tư, phát triển; đến cuối năm 2013, trên 15.200 ATMs và trên 129.600 POS/EDC được lắp đặt (tăng lần lượt 7% và 24% so với cuối năm 2012).



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Sự phát triển các phương tiện và dịch vụ thanh toán mới, hiện đại

Các phương tiện và dịch vụ thanh toán mới, hiện đại tiếp tục được phát triển, đa dạng hóa với nhiều sản phẩm an toàn, tiện lợi và tiện ích như: Thẻ ngân hàng, Mobile Banking, Internet Banking, SMS Banking, Ví điện tử,... phù hợp với xu thế thanh toán của các nước trong khu vực và trên thế giới, gia tăng lợi ích và sự thuận tiện cho người tiêu dùng, nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ và cả ngân hàng, bước đầu làm thay đổi nhận thức và thói quen thanh toán bằng tiền mặt trong dân cư. Đến cuối năm 2013, số lượng phát hành thẻ ngân hàng đạt trên 66 triệu thẻ (tăng 22% so với cuối năm 2012); số lượng và giá trị giao dịch thẻ năm 2013 tăng tương ứng 25% và 43% so với năm 2012. Số lượng và giá trị giao dịch của các dịch vụ thanh toán điện tử, nhất là thanh toán qua internet năm 2013 tăng cao tương ứng 83% và 42% so với năm 2012 thể hiện tiềm năng, xu hướng trong phát



triển dịch vụ ngân hàng hiện đại. Số lượng Ví điện tử đã phát hành đạt hơn 1,84 triệu, số lượng giao dịch đạt 45,3 triệu giao dịch với giá trị 23.350 tỷ đồng. Việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ NSNN tiếp tục từng bước được mở rộng triển khai, đã có trên 56.850 đơn vị hưởng lương từ NSNN (chiếm trên 65%) thực hiện trả lương với khoảng 1,9 triệu cán bộ công chức nhận lương qua tài khoản.

Công tác quản lý hoạt động thanh toán và giám sát các hệ thống thanh toán

Cùng với Nghị định số 101/2012/NĐ-CP quy định về thanh toán không dùng tiền mặt có hiệu lực từ ngày 26/3/2013, năm 2013 Chính phủ cũng ban hành Nghị định số 222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013, có hiệu lực từ ngày 01/3/2014 về thanh toán bằng tiền mặt nhằm tăng cường quản lý thanh toán bằng tiền mặt, giảm sử dụng tiền mặt trong các giao dịch thanh toán. Bên cạnh đó, NHNN đã ban hành Thông tư số 26/2013/TT-NHNN ngày 05/12/2013 ban hành Biểu phí dịch vụ thanh toán qua NHNN, điều chỉnh giảm mức phí dịch vụ thanh toán liên ngân hàng nhằm tác động tới mức phí dịch vụ thanh toán của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

NHNN tiếp tục phối hợp với Bộ Công an trong việc phòng chống tội phạm, đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán; tham gia xây dựng các quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực sử dụng công nghệ cao nhằm hoàn thiện hơn cơ sở pháp lý về phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong lĩnh vực thanh toán. NHNN đã chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp quyết liệt, thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở NHNN chi nhánh, các NHTM tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động, rà soát, bổ sung các quy trình, quy định cần thiết trong lắp đặt, sử dụng ATM; phát hiện, xử lý kịp thời những sự cố phát sinh.

7. Hoạt động thông tin tín dụng

Năm 2013, kho dữ liệu của Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia (CIC) đã được nâng cao về chất lượng, mở rộng và đa dạng về các chỉ tiêu thông tin sau khi triển khai thực hiện Thông tư số 03/2013/TT-NHNN và bổ sung thêm thông tin dữ liệu từ Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Tính đến cuối

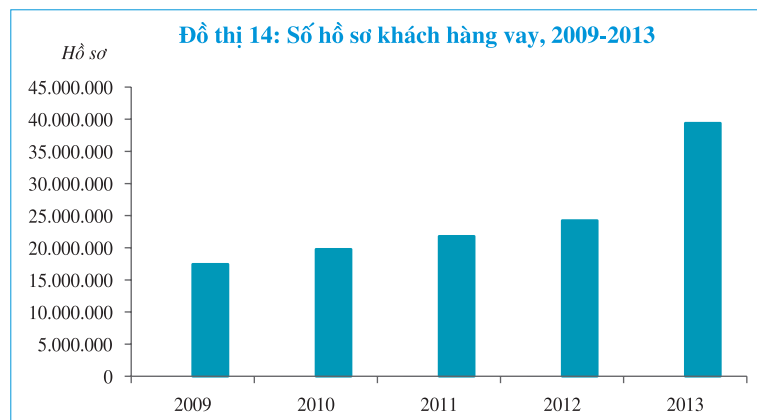
“

Hoạt động của
Trung tâm thông
tin tín dụng quốc

gia ngày càng hiệu quả, góp phần minh bạch hóa thông tin và góp phần ngăn ngừa rủi ro cho hoạt động ngân hàng.

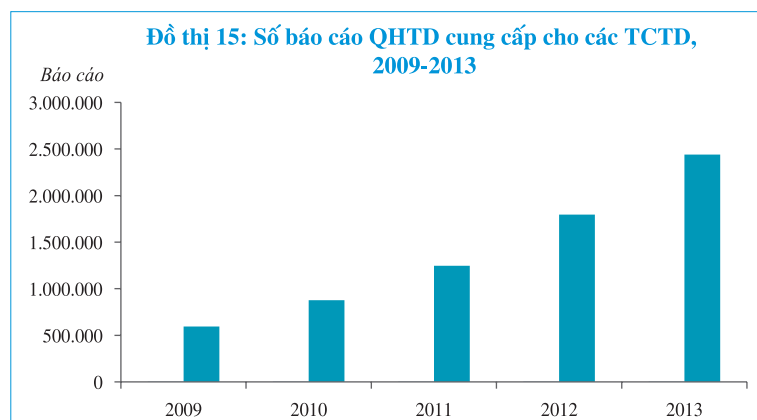
năm 2013, kho dữ liệu của CIC đã lưu trữ trên 39 triệu hồ sơ khách hàng vay vốn, bao gồm: Thông tin định danh khách hàng vay, thông tin lịch sử quan hệ tín dụng, kết quả phân loại nợ, kỳ hạn thanh toán, tài sản bảo đảm, thông tin thẻ tín dụng, báo cáo tài chính của khách hàng vay... được cập nhật định kỳ và lưu trữ trong 5 năm.

Hoạt động cung cấp thông tin của Trung tâm thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Nhiệm vụ trọng tâm của CIC năm 2013 là hỗ trợ NHNN và các cơ quan quản lý nhà nước khác trong việc giám sát tình hình thông tin tín dụng, quản trị rủi ro và đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng. CIC đã phát triển hệ thống các sản phẩm theo yêu cầu dành riêng cho các đơn vị thuộc NHNN để phục vụ công tác quản lý, thanh tra, giám sát như báo cáo khách hàng vay có nợ xấu, báo cáo tổng hợp về tập đoàn, tổng công ty nhà nước, báo cáo tổng hợp theo vùng, miền, ngành nghề, báo cáo tổng hợp dư nợ các cổ đông của các TCTD, báo cáo thông tin về tình hình nguồn vốn của các doanh nghiệp bất động sản có dư nợ lớn,...



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



Đối với các TCTD và các đơn vị hỏi tin khác, CIC không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm, phát triển và đa dạng hoá các sản phẩm mới. Ngoài những sản phẩm truyền thống, CIC còn cung cấp thông tin theo lô phù hợp với yêu cầu riêng của từng đơn vị hỏi tin và có chính sách giảm giá sản phẩm cho các đơn vị hỏi tin. Đặc biệt, cùng với việc triển khai dự án FSMIMS, CIC đã đầu tư, cải tiến hệ thống máy móc, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin; góp phần nâng cao chất lượng quy trình cung cấp thông tin, tỉ lệ tự động hoá cao (tỉ lệ báo cáo tín dụng cung cấp tức thời đạt trên 84%). Kết quả, trong năm 2013, CIC đã cung cấp trên 3,4 triệu báo cáo qua hệ thống các website của CIC, tăng 66,7% so với năm 2012; cung cấp 42 sản phẩm thông tin tín dụng cho các TCTD được phân loại theo 04 nhóm: Báo cáo thông tin quan hệ tín dụng khách hàng, Báo cáo xếp hạng tín dụng, Báo cáo cảnh báo tín dụng, Báo cáo thông tin doanh nghiệp nước ngoài.

Nghiệp vụ xếp hạng tín dụng, hỗ trợ quản trị rủi ro

CIC là tổ chức đầu tiên tại Việt Nam triển khai nhiệm vụ xếp hạng tín dụng (XHTD) từ năm 2002, và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Năm 2013, CIC đã tiến hành xếp hạng được 33.064 báo cáo XHTD doanh nghiệp cho các đơn vị sử dụng. Ngoài ra, CIC cũng tiến hành thay thế, hoàn thiện quy trình, phương pháp xếp hạng mới theo 35 ngành kinh tế và theo quy mô của doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ; không ngừng học tập, trao đổi kinh nghiệm với các tổ chức, các đơn vị trong và ngoài nước.

Trong năm qua, CIC cũng đã phát triển hệ thống sản phẩm cảnh báo tín dụng, các loại sản phẩm hỗ trợ TCTD trong quản lý danh mục tín dụng, giám sát khách hàng vay hiện có của các TCTD, hỗ trợ TCTD trong công tác XHTD nội bộ. Kết quả XHTD của CIC mang tính độc lập, là nguồn tin hữu ích để các TCTD đối chiếu, tham khảo trong công tác quản trị rủi ro. Bên cạnh đó, CIC phối hợp với tập đoàn NICE GROUP giới thiệu và cung cấp gói giải pháp toàn diện cho hệ thống XHTD nội bộ của các TCTD thông qua các buổi hội thảo tại các TCTD do hai bên phối hợp tổ chức.

Biểu 2: Chỉ tiêu hoạt động thông tin tín dụng

Chỉ tiêu	2012		2013	
	Việt Nam	Đông Á và Thái Bình Dương	Việt Nam	Đông Á và Thái Bình Dương
Độ sâu của thông tin tín dụng (thang điểm từ 0-6) – Depth of credit information index	5	2	4	3
Độ phủ của cơ quan TCTD công (tỷ lệ % trên số người trưởng thành) – Public credit registry coverage (% of adults)	29,8	10,3	39,1	11,4

Nguồn: CIC, World Bank – Doing Business 2013

8. Công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin

“

Công tác truyền thông ra công chúng tiếp tục được đẩy mạnh, tăng tính chủ động, phương thức truyền thông đa dạng, gia tăng hàm lượng thông tin công bố được dư luận trong nước và quốc tế đánh giá cao.

Công tác thông tin, truyền thông của NHNN trong năm 2013 đã có bước chuyển biến mạnh mẽ theo hướng chủ động, công khai, rõ ràng, góp phần hỗ trợ cho điều hành chính sách của NHNN. Các chủ trương chính sách điều hành của NHNN đã được truyền tải kịp thời tới các đối tượng để hiểu rõ, từ đó tạo sự đồng thuận trong xã hội. Nhận thức về vai trò, ý nghĩa quan trọng của công tác truyền thông trong đội ngũ cán bộ, công chức NHNN được nâng cao.

Bằng các hình thức truyền thông đa dạng, phong phú như bài viết, trả lời phỏng vấn, phóng sự, thông cáo báo chí, hội thảo, tọa đàm,... NHNN đã cung cấp cho báo chí, công chúng, các thành viên tham gia thị trường một cách thường xuyên, có hệ thống các thông tin về điều hành chính sách của NHNN và hoạt động của hệ thống ngân hàng. Nhờ đó, hoạt động truyền thông của NHNN đã góp phần giúp các cơ quan báo chí, nhà đầu tư, người dân nắm bắt đầy đủ, hiểu đúng và có thái độ tích cực, khách quan hơn trong việc đưa tin, bình luận, về các chính sách của NHNN và hoạt động của các TCTD, từ đó củng cố lòng tin vào các chủ trương, giải pháp của Chính phủ và NHNN.

Phần III – Quản trị nội bộ

1. Hoạt động kiểm toán nội bộ

Công tác kiểm toán nội bộ được thực hiện theo hướng tập trung vào những nội dung tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt chú trọng kiểm toán tính tuân thủ và hoạt động. Công tác kiểm toán nội bộ bám sát kế hoạch và triển khai thực hiện đúng chương trình được Thống đốc phê duyệt; việc điều hành hoạt động kiểm toán nội bộ theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của NHNN, bảo đảm hoạt động an toàn, tuân thủ chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế, quy trình nghiệp vụ của NHNN.

Năm 2013, công tác kiểm toán nội bộ tiếp tục tập trung vào 06 chuyên đề, cụ thể: Kiểm toán Báo cáo tài chính tại 16 đơn vị (05 Vụ, Cục, đơn vị sự nghiệp và 11 NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố); kiểm toán tuân thủ và hoạt động tại 15 đơn vị (04 đơn vị Vụ, Cục và 11 NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố); kiểm toán 07 dự án đầu tư xây dựng; kiểm toán tin học tại 08 đơn vị; kiểm toán hoạt động kho quỹ tại 08 đơn vị, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố có quản lý kho tiền; kiểm toán dự án FSMIMS.

Hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2013 đã giúp cho các đơn vị thuộc NHNN thấy được kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, đồng thời có biện pháp chỉnh sửa đối với những tồn tại, hạn chế được phát hiện qua kiểm toán, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của NHNN và của pháp luật.

2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng

Biên chế, cơ cấu nhân sự và công tác cán bộ

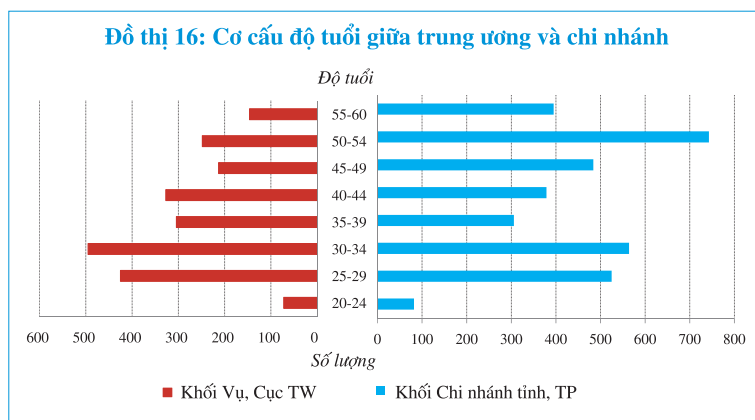
Trong năm 2013, NHNN đã lên kế hoạch rà soát biên chế của các đơn vị thuộc NHNN giai đoạn 2014-2016 trên cơ sở tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI, đồng thời bám sát chủ trương của Chính phủ về việc tinh giảm biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức. Biên chế của các đơn vị thuộc NHNN giai đoạn 2014-2016 theo chủ trương chung là không tăng, trừ một số đơn vị cá biệt được giao thêm nhiệm vụ. Cơ cấu về số lượng và độ tuổi của công chức giữa khối Vụ, Cục NHTW và chi nhánh tỉnh, thành phố như sau:

“

Năm 2013, hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ tập trung vào những nội dung tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt chú trọng kiểm toán tính tuân thủ và hoạt động, góp phần bảo đảm hoạt động an toàn của NHNN.

“

NHNN tiếp tục tăng cường số lượng và chất lượng nhân sự cho các đơn vị của NHNN; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và mục tiêu sử dụng.



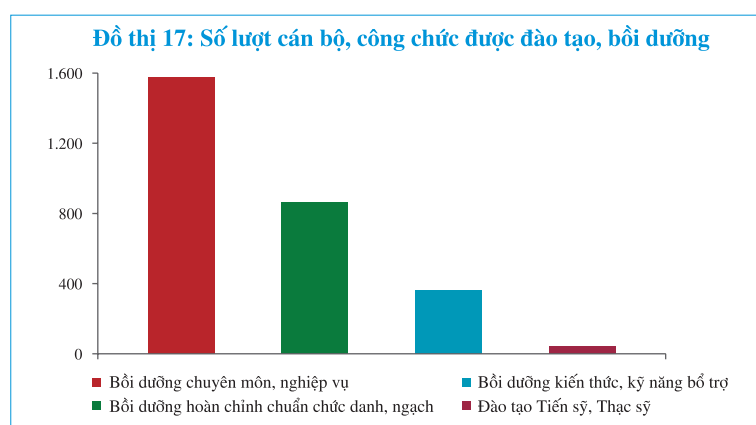
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Qua cơ cấu nêu trên, có thể thấy rằng công tác cán bộ năm 2013 tiếp tục được quan tâm với mục tiêu xây dựng được đội ngũ cán bộ trẻ, được đào tạo bài bản, có năng lực chuyên môn sâu cho khối hoạch định, thực thi chính sách và giám sát hoạt động ngân hàng tại các Vụ, Cục. Đồng thời, Thống đốc NHNN cho bổ sung một số cán bộ có trình độ chuyên môn tốt, kinh nghiệm thực tiễn tại các TCTD (nhất là các TCTD nhà nước) nhằm tăng cường năng lực hoạch định, thực thi có hiệu quả chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Đây cũng là việc tăng cường cho công tác luân chuyển cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống NHNN. Bên cạnh đó, việc bố trí, sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng như cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc NHNN đã bám sát chức năng, nhiệm vụ được giao và sơ đồ vị trí việc làm của từng đơn vị nhằm hướng tới sự chuyên nghiệp của từng vị trí, từng đơn vị.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

Công tác đào tạo, bồi dưỡng bám sát mục tiêu xây dựng đội ngũ, cán bộ công chức NHNN chuyên nghiệp, có đủ năng lực xây dựng và thực thi chính sách của NHTW theo nguyên tắc thị trường dựa trên cơ sở công nghệ tiên tiến, theo các thông lệ, chuẩn mực quốc tế, thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Năm 2013, có 2.841 lượt cán bộ, công chức, viên chức của NHNN được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng; các khóa đào tạo sau đại học trong và ngoài nước; các khóa bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ như hoạch định,

thực thi chính sách tiền tệ, thanh tra giám sát, kế toán, kiểm toán, quản trị nhân sự; các khóa đào tạo kỹ năng mềm; chương trình bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý cấp Vụ và cấp Phòng của NHNN, hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh và nhiều lĩnh vực khác. Chất lượng đào tạo tiếp tục được nâng cao, đáp ứng mục tiêu phát triển năng lực và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ công chức trong toàn hệ thống. Đặc biệt, NHNN đã hợp tác, tranh thủ các nguồn hỗ trợ quốc tế cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng thông qua các chương trình, dự án phối hợp với IMF, SEACEN, ADB, WB, JICA (Nhật Bản), GIZ (Đức), SECO (Thụy Sĩ), ASDiV (Úc), NHTW các nước Đức, Singapore, Thụy Điển... nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn của các đơn vị.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện phát triển đội ngũ cán bộ giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, có tâm huyết với ngành, ngay từ đầu năm 2004, NHNN đã xây dựng và triển khai Đề án đào tạo nhóm cán bộ có trình độ cao, chuyên môn sâu trong các lĩnh vực chuyên môn của NHNN. Trên cơ sở kết quả, kinh nghiệm thu được, năm 2013, NHNN tiếp tục xây dựng và triển khai Đề án Đào tạo và phát triển đội ngũ chuyên gia nòng cốt nhằm mục tiêu xây dựng nhóm cán bộ có chuyên môn sâu, có khả năng nghiên cứu, đề xuất, xử lý, phản biện các vấn đề phức tạp của ngành, liên ngành tại các đơn vị thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chính của NHNN. Đây cũng sẽ là nguồn cán bộ cho đội ngũ giảng viên kiêm chức nhằm triển khai các kế hoạch đào tạo nội bộ của NHNN.



Hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ ngành ngân hàng luôn bám sát các mục tiêu và nhiệm vụ đang đặt ra cho ngành và đã có những bước chuyển biến tích cực đóng góp đáng kể vào nghiên cứu lý luận, điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động quản lý vĩ mô của NHNN.

3. Công tác nghiên cứu khoa học

Năm 2013, NHNN đã triển khai thực hiện 34 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học cấp ngành trên các lĩnh vực như nghiên cứu các phương pháp ước lượng độ lệch sản lượng nhằm hỗ trợ công tác điều hành chính sách tiền tệ; xây dựng và ứng dụng mô hình cảnh báo sớm về căng thẳng tiền tệ, thanh khoản trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam; phát triển các mô hình dự báo lạm phát tại NHNN; các chủ đề nghiên cứu để nâng cao năng lực quản trị hoạt động NHTM như xử lý tài sản đảm bảo trong hoạt động tín dụng của các TCTD, vấn đề nợ không có khả năng thu hồi của các NHTM...; các chủ đề nhằm phát triển nguồn lực, dịch vụ và hạ tầng công nghệ ngân hàng. Kết quả nghiên cứu của một số đề tài, dự án nghiệm thu trong năm 2012 và 2013 đã được áp dụng vào việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, đồng thời là tài liệu tham khảo cũng như cơ sở đề xuất, tham mưu cho lãnh đạo NHNN trong công tác hoạch định chính sách, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của ngành. Điển hình một số đề tài đã được tham khảo, vận dụng vào thực tiễn như đề tài về “Xu hướng quốc tế hóa đồng nhân dân tệ của Trung Quốc và những khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam”; đề tài “Tín dụng bất động sản và bong bóng bất động sản: Thực trạng và giải pháp”; đề tài “Lãi suất cơ bản tại Việt Nam – Những vướng mắc trong thực hiện và biện pháp xử lý”. Năm 2013, NHNN cũng đã triển khai 06 đề tài cấp cơ sở, trong đó Viện Chiến lược ngân hàng thực hiện 05 đề tài, Trường bồi dưỡng cán bộ ngân hàng thực hiện 01 đề tài. Sau khi nghiệm thu các đề tài/dự án đều được triển khai ứng dụng theo đúng lộ trình, phục vụ thiết thực cho công tác giảng dạy, công tác xây dựng chiến lược, công tác quản lý khoa học ngành ngân hàng. NHNN cũng đã phối hợp với các đơn vị tổ chức thành công 03 hội thảo khoa học cấp ngành, đặc biệt là Hội thảo “Chính sách tiền tệ lạm phát mục tiêu: Sự lựa chọn thích hợp cho Việt Nam” và Hội thảo “Giải pháp tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, giám sát an toàn hoạt động ngân hàng”; tổ chức 03 buổi tọa đàm và 04 buổi thuyết trình khoa học về các vấn đề thời sự nổi lên trong lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, ngân hàng. Các tham luận của các hội thảo, tọa đàm đã góp phần làm rõ thêm quan điểm, cơ sở lý luận và giải pháp để xử lý những vấn đề lớn và bức xúc trong thực tiễn hoạt động của ngành ngân hàng, được nhiều chuyên gia kinh

tế trong và ngoài nước đánh giá cao, thu hút được sự chú ý của các tổ chức thông tin – truyền thông.

4. Công tác thống kê

Năm 2013, NHNN tiếp tục thực hiện hiệu quả Thông tư số 21/2010/TT-NHNN quy định báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị thuộc NHNN và các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đảm bảo đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu thống kê tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng, đáp ứng công tác chỉ đạo, điều hành và giám sát hoạt động các TCTD của NHNN. Bên cạnh đó, với mục tiêu tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về thống kê tiền tệ, ngày 13/12/2013, NHNN đã ban hành Thông tư số 31/2013/TT-NHNN quy định báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị thuộc NHNN và các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thay thế Thông tư số 21/2010/TT-NHNN, nhằm củng cố và tăng cường công tác quản lý, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện báo cáo thống kê của TCTD, ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong công tác thống kê, góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng báo cáo thống kê. NHNN đã triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính trong nước và quốc tế. Đồng thời, thu thập thông tin về xu hướng kinh doanh và kỳ vọng lạm phát của các TCTD thông qua các cuộc điều tra xu hướng kinh doanh theo định kỳ quý và kỳ vọng lạm phát của các TCTD theo định kỳ tháng. Kết quả trên đã góp phần phục vụ cho công tác phân tích, dự báo, hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ của NHNN. Bên cạnh đó, NHNN cũng đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tin học vào công tác thống kê nhằm đáp ứng nhanh chóng, kịp thời việc khai thác, lưu trữ và chia sẻ thông tin trong nội bộ NHNN.

5. Công nghệ thông tin

Tăng cường quản lý nhà nước về công nghệ thông tin

Nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) an toàn và hiệu quả, trong năm 2013, NHNN đã ban hành một số văn bản quy phạm, từng bước hoàn chỉnh khung pháp lý cho hoạt động CNTT của NHNN và các TCTD như: Quyết định số 2752/QĐ-NHNN ngày 27/11/2013 về Kế hoạch ứng

“

Công tác thống kê của NHNN tiếp tục được hoàn thiện và phát triển, phục vụ tốt hơn cho công tác chỉ đạo điều hành.

“

Mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin đi đôi với nâng cao chất lượng, phát triển các dịch vụ tiện ích ngân hàng điện tử.

dụng công nghệ thông tin ngành Ngân hàng giai đoạn 2013-2015, định hướng 2020, tập trung vào củng cố, hoàn thiện hạ tầng, áp dụng các chuẩn CNTT và các giải pháp Core Banking, quản trị nhân sự, quản trị rủi ro... theo thông lệ quốc tế; khuyến khích phát triển các sản phẩm dịch vụ Internet Banking, SMS Banking, Phone Banking, đa dạng hóa dịch vụ và thúc đẩy hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt.

Đồng thời, NHNN cũng tiến hành giám sát hoạt động CNTT thông qua tổng hợp, xử lý báo cáo nhận từ các TCTD và kiểm tra trực tiếp tại 10 TCTD, qua đó khuyến nghị, chấn chỉnh kịp thời các khiếm khuyết trong tổ chức triển khai các hoạt động CNTT của các TCTD, đảm bảo các hệ thống thông tin ngân hàng vận hành thông suốt, liên tục và an toàn.

Từng bước hiện đại hóa hạ tầng CNTT

Năm 2013, NHNN đã hoàn thành giai đoạn 1 gói thầu tư vấn quốc tế nâng cao năng lực thể chế cho các hoạt động chính của NHTW, làm cơ sở cho việc trang bị các hệ thống thông tin nghiệp vụ như: Hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking), Kho dữ liệu cho điều hành của NHNN (Data warehouse) và lõi Quản trị nguồn nhân lực nội bộ (ERP) từ nay đến hết năm 2016, cho phép NHNN chuyển sang mô hình NHTW hiện đại.

NHNN cũng đã triển khai thử nghiệm hệ thống Website NHNN trên nền tảng công nghệ mới, bổ sung các chuyên mục mới, đáp ứng số lượng lớn người truy cập, không còn xảy ra tình trạng quá tải khi số lượng truy cập tăng đột biến. Điều này góp phần chuyển tải nhanh chóng, kịp thời và chính xác các thông tin về hoạt động tiền tệ - ngân hàng, các chính sách điều hành tiền tệ của NHNN tới các TCTD, doanh nghiệp và người dân.

Hạ tầng CNTT ngân hàng năm 2013 được NHNN chú trọng đầu tư phát triển theo chiều sâu, nâng cấp mạng diện rộng (WAN), tổ chức Internet tập trung và quản lý, khai thác hiệu quả hạ tầng hiện có với định hướng tập trung hóa, ảo hóa và triển khai đồng bộ với các giải pháp an ninh, bảo mật. Năm 2013, NHNN đã triển khai áp dụng rộng rãi chữ ký số (PKI), cấp gần 5.000 chứng thư số cho các tổ chức, cá nhân của NHNN và các TCTD, tạo cơ sở trao đổi dữ liệu điện tử an toàn, là nền tảng xác thực cho các giao dịch điện tử của nội bộ NHNN và giữa NHNN với các TCTD.

Phần IV – Hợp tác quốc tế

Năm 2013, NHNN thực hiện thành công các nhiệm vụ đối ngoại theo chương trình và mục tiêu đã đề ra nhằm củng cố quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế và tăng cường huy động hỗ trợ cả về tài chính và kỹ thuật từ bên ngoài cho Việt Nam, góp phần tích cực vào các nỗ lực ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển kinh tế, thúc đẩy quá trình hội nhập và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế

Năm 2013, NHNN tiếp tục tham gia tích cực và chủ động vào các hoạt động hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế. Trong khuôn khổ ASEAN, NHNN đã tổ chức nhiều đoàn đại biểu tham gia các hội nghị cấp cao và cuộc họp cấp kỹ thuật của NHTW và Bộ Tài chính các nước ASEAN nhằm thúc đẩy hội nhập tài chính - ngân hàng trong khu vực, góp phần nâng cao vai trò và vị thế của NHNN nói riêng và Việt Nam nói chung trong cộng đồng tài chính, tiền tệ quốc tế. Đặc biệt, năm 2013 đánh dấu vai trò đồng chủ trì lần đầu tiên của Việt Nam trong Ủy ban công tác ASEAN về Tự do hóa tài khoản vốn (CAL). Trong khuôn khổ ASEAN+3, vào cuối năm 2013, Thống đốc NHNN và Bộ trưởng Tài chính Việt Nam đã đồng ký kết Thỏa thuận sửa đổi về Đa phương hóa Sáng kiến Chiềng Mai (CMIM) - cơ chế hỗ trợ cán cân thanh toán trong ngắn hạn với quy mô lên đến 240 tỷ USD. Trong khuôn khổ SEACEN, Việt Nam định kỳ tham gia các Hội nghị thường niên cấp Thống đốc và cấp Phó Thống đốc nhằm trao đổi về hợp tác đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng cũng như các vấn đề kinh tế chung trong khu vực. Trong quá trình thực thi các cam kết WTO về tự do hóa trong lĩnh vực ngân hàng, NHNN đã tiến hành sửa đổi, bổ sung và ban hành nhiều văn bản pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng; phối hợp với các bộ, ngành tổng hợp tài liệu và cung cấp thông tin phục vụ đánh giá của Ban thư ký WTO về Việt Nam, rà soát chính sách thương mại Việt Nam để đánh giá hiện trạng kinh tế vĩ mô Việt Nam sau 6 năm gia nhập WTO. Đồng thời,

“

Tích cực, chủ động hợp tác tài chính-tiền tệ trong khu vực và hội nhập kinh tế quốc tế.

thực hiện đường lối, chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước, NHNN tiếp tục thể hiện sự phối hợp chủ động trong đàm phán các hiệp định thương mại tự do trong phạm vi khu vực và với các đối tác khác như: (i) Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP); (ii) Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA); (iii) Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Khối Thương mại tự do châu Âu (EFTA); (iv) Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP); (v) Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản (AJCEP); (vi) Hiệp định thương mại dịch vụ trong khuôn khổ Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ (AIFTA); (vii) Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc; (viii) Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Hải quan (VCUFTA).

NHNN cũng thực hiện vai trò đầu mối của ngành tham gia giải quyết các vấn đề tranh chấp thương mại giữa Việt Nam với các nước đối tác; đánh giá các chính sách kinh tế của các quốc gia có tác động đến các TCTD Việt Nam. Năm 2013, ngành ngân hàng đã thành công khi giải trình về cơ chế, chính sách của ngành trong khuôn khổ vụ điều tra chống trợ cấp của Hoa Kỳ đối với sản phẩm tôm nước ấm đông lạnh của Việt Nam, góp phần đưa đến quyết định cuối cùng của Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ về việc không áp thuế chống trợ cấp đối với sản phẩm tôm Việt Nam. Việc Hoa Kỳ triển khai thực hiện Đạo luật tuân thủ thuế đối với tài khoản ở nước ngoài của công dân Mỹ (FATCA) cũng đã được NHNN đầu mối nghiên cứu, đánh giá để đề xuất hướng xử lý tại Việt Nam.

2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế

NHNN tiếp tục thực hiện tốt vai trò đại diện của Chính phủ Việt Nam tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), qua đó củng cố ngày một vững chắc quan hệ với các tổ chức này và khai thác hiệu quả hỗ trợ cho Việt Nam nói chung và NHNN nói riêng. Bên cạnh việc tích cực thực hiện các

“

Tiếp tục củng cố vững chắc quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế.



hoạt động ngoại giao với tư cách là cơ quan đại diện của chính phủ như tiếp đón, làm việc, tham dự các hội thảo, hội nghị mà các tổ chức này tổ chức, NHNN đã một mặt tích cực đàm phán các chương trình dự án, hỗ trợ kỹ thuật do các tổ chức quốc tế tài trợ phục vụ quá trình cải cách kinh tế xã hội, mặt khác tiếp tục thúc đẩy về tiến độ, hiệu quả triển khai các dự án đã ký kết. Năm 2013, các tổ chức quốc tế đã có những đánh giá tích cực về kết quả điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ Việt Nam, đồng thời đưa ra những giải pháp khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy hơn nữa quá trình cải cách kinh tế.

Đối với ADB, năm 2013, NHNN đã tích cực đàm phán 10 chương trình/dự án với tổng trị giá tương đương 995 triệu USD, trong đó vốn ADF là 425 triệu USD (cao thứ 2 trong năm 2013 về phân bổ ADF, chỉ sau Bangladesh) và vốn OCR là 530 triệu USD. Ngoài phần tài trợ của ADB, các dự án đã đàm phán còn thêm 560 triệu USD vốn đồng tài trợ của Quỹ Công nghệ sạch (CTF) và của Chính phủ Úc. Như vậy, tính từ năm 1993 tới thời điểm cuối tháng 12/2013, ADB đã phê duyệt tài trợ cho Việt Nam 145 khoản vay cho các chương trình/dự án với tổng trị giá 11,96 tỷ USD. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục triển khai và chuẩn bị xây dựng các hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực ngân hàng do ADB tài trợ, bao gồm các lĩnh vực tài chính vi mô, phát triển thị trường tiền tệ và tăng cường năng lực chính sách tiền tệ và quản lý ngoại hối cho NHNN. Trong lĩnh vực tư vấn chính sách, ADB đã công bố Chiến lược Đối tác Quốc gia (CPS) giai đoạn 2012-2015 với Việt Nam nhằm đảm bảo ADB có thể tiếp tục ủng hộ mạnh mẽ và đúng mục tiêu cho Việt Nam trong việc đạt được tầm nhìn tới 2020, trong đó có hỗ trợ cho khu vực tài chính ngân hàng.

Đối với Ngân hàng Thế giới, NHNN một mặt tiếp tục hoàn thành tốt việc quản lý các dự án và hỗ trợ kỹ thuật do WB tài trợ cho ngành ngân hàng, mặt khác tham gia đàm phán và ký kết 09 Hiệp định Tín dụng Phát triển/Hiệp định Tài trợ cho các chương trình/dự án với tổng số vốn vay lên tới 1.164 triệu USD, nâng tổng số các Hiệp định Tín dụng Phát triển/Hiệp định Tài trợ cho các

chương trình/dự án đã ký kết với WB tính đến 12/2013 là 144 Hiệp định, trị giá hơn 17 tỷ USD. Đặc biệt có thể kể tới *Chương trình Hỗ trợ Quản lý Kinh tế và Nâng cao Khả năng cạnh tranh lần thứ nhất (EMCC1)* trong đó Việt Nam đã nhận được 247 triệu USD từ nguồn vốn IDA của WB và 15 tỷ Yên từ nguồn vốn đồng tài trợ của JICA (Nhật Bản) giúp tạo nguồn vốn tài trợ cho nhiều hoạt động cải cách có ưu tiên cao trong lĩnh vực thông qua, ban hành các văn bản QPPL và chiến lược của Chính phủ. Nhiều văn bản trong đó đã góp phần hình thành nên khuôn khổ tổng thể về những cải cách trong trung hạn đối với những lĩnh vực chính sách cụ thể như: khu vực ngân hàng; DNN; quản lý nợ; quản lý thuế; chống tham nhũng... từ đó góp phần giúp Việt Nam tăng cường khả năng cạnh tranh, nắm bắt cơ hội và phát triển bền vững. NHNN cũng đã đóng vai trò quan trọng cùng các bộ, ngành vận động WB nhất trí tiếp tục duy trì nguồn vốn vay ưu đãi cho Việt Nam giai đoạn 2014-2017.

Đối với *Quỹ Tiền tệ quốc tế*, NHNN tăng cường hợp tác trên tất cả các mặt hoạt động, bao gồm thực hiện nghĩa vụ thành viên, đối thoại chính sách, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật. Năm 2013, Việt Nam đã đóng góp phần lợi nhuận được phân chia lần 2 từ việc IMF bán vàng vào Quỹ Tín thác Tăng trưởng và Giảm nghèo (PRGT) của IMF (tổng cộng gần 7 triệu USD). Trên cơ sở các đợt Tham khảo thường niên và cập nhật tình hình kinh tế của Việt Nam, IMF thường xuyên có đánh giá và khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam. NHNN và IMF liên tục đối thoại hợp tác chặt chẽ nhằm tận dụng thế mạnh tư vấn chính sách cũng như tiếng nói ủng hộ của IMF đối với Chính phủ, góp phần củng cố lòng tin thị trường đối với các giải pháp điều hành của Chính phủ. Bên cạnh đó, trong năm 2013, NHNN tiếp tục phối hợp với IMF và WB triển khai Chương trình đánh giá khu vực tài chính cho Việt Nam (FSAP), song song với việc tiếp nhận nhiều hỗ trợ kỹ thuật từ IMF trong các lĩnh vực như: tăng cường thống kê khu vực đối ngoại, xây dựng các chỉ số lành mạnh tài chính; cung cấp hoạt động đào tạo cho cán bộ NHNN; hỗ trợ xây dựng lập trình tài chính cho Việt Nam; hỗ trợ



xây dựng cách thức, cơ chế điều hành lãi suất của NHNN; tính toán lạm phát cơ bản.

Ngoài ra, NHNN đã hoàn thành tốt vai trò đại diện của Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Ngân hàng Đầu tư Quốc tế (IIB) và Ngân hàng Hợp tác Kinh tế Quốc tế (IBEC), trong bối cảnh hai ngân hàng này đang tiến hành cải cách và tăng cường hoạt động một cách mạnh mẽ. NHNN cũng tăng cường quan hệ hợp tác với Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS), tiến tới gia nhập BIS thông qua việc tích cực nghiên cứu, tham gia một số hội thảo đào tạo, chương trình hợp tác, tham gia vào các ủy ban, tổ chức đặt tại BIS. Ngoài ra, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, NHNN đã làm đầu mối tiếp xúc với Ngân hàng Phát triển Á - Âu (EDB) để thảo luận cơ hội hợp tác trong tương lai.

3. Quan hệ hợp tác song phương

NHNN tiếp tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác song phương với NHTW và cơ quan quản lý tiền tệ các nước thông qua việc ký các bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác, trao đổi các đoàn cấp cao và triển khai các hoạt động hợp tác, hỗ trợ kỹ thuật (HTKT). Năm 2013, NHNN đã đàm phán và ký Bản ghi nhớ về trao đổi thông tin thanh tra, giám sát ngân hàng với Cơ quan Giám sát và Xử lý An toàn Pháp, Bản ghi nhớ ba bên giữa NHNN, Bộ Tài chính và Cơ quan Dịch vụ Giám sát Tài chính Hàn Quốc (FSS) về việc FSS mở văn phòng đại diện tại Việt Nam, Bản ghi nhớ về Trao đổi Thông tin liên quan đến Rửa tiền với Văn phòng Chống rửa tiền Thái Lan và Đơn vị Tình báo tài chính Hàn Quốc, và đang trao đổi để đi đến ký Bản ghi nhớ chung về Tổ chức các chương trình hợp tác song phương với Ngân hàng Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. NHNN tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ đầu mối huy động, điều phối việc thực hiện các dự án và HTKT của các đối tác song phương như JICA (Nhật Bản), SECO (Thụy Sĩ), NHTW Đức, Bộ Tài chính Hoa Kỳ, NHTW Thụy Điển, Cơ quan chuyển giao công nghệ Luxembourg (ATTF) trong các lĩnh vực đào tạo nghiệp vụ NHTW. Bản thân NHNN cũng cung cấp hỗ trợ đào tạo về nhiều nội dung khác nhau trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng

“

Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với NHTW các nước, các tổ chức tài chính quốc tế khác.

với Ngân hàng Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Ngân hàng Quốc gia Campuchia.

Về tình hình triển khai các chương trình, dự án hợp tác trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, NHNN đã được Canada tài trợ thực hiện dự án hỗ trợ công tác thanh tra, giám sát ngân hàng (BRASS) giai đoạn 2012-2017. Bên cạnh đó, đáp ứng nhu cầu phục vụ việc triển khai đề án tái cơ cấu khu vực ngân hàng, NHNN đã phối hợp với Nhật Bản xây dựng dự án HTKT về tái cơ cấu ngân hàng do JICA tài trợ, dự kiến triển khai từ tháng 1/2014; tích cực tham gia khuôn khổ Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản để xử lý các vấn đề tiền tệ, ngân hàng.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC MỨC LÃI SUẤT DO NHNN CÔNG BỐ

Đơn vị: %/năm

Thời gian	Lãi suất tái cấp vốn	Lãi suất tái chiết khấu	Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng
Tháng 12/2012	9	7	10
Tháng 1/2013	9	7	10
Tháng 2/2013	9	7	10
Tháng 3/2013	8	6	9
Tháng 4/2013	8	6	9
Tháng 5/2013	7	5	8
Tháng 6/2013	7	5	8
Tháng 7/2013	7	5	8
Tháng 8/2013	7	5	8
Tháng 9/2013	7	5	8
Tháng 10/2013	7	5	8
Tháng 11/2013	7	5	8
Tháng 12/2013	7	5	8

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 2: HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ

Chào mua	Năm 2012	Năm 2013
Số phiên	299	257
Kỳ hạn (ngày)	7; 14; 21	7; 14
Số lượt thành viên	1.431	520
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	2.199	743
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	1.504	698
Lãi suất (%/năm)	7-14	5,5-7
Phương thức đấu thầu	Khối lượng; Lãi suất	Khối lượng
Chào bán	Năm 2012	Năm 2013
Số phiên	79	161
Kỳ hạn (ngày)	28, 56, 91, 182	28, 56, 91, 154, 182
Số lượt thành viên	1.003	731
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	9.162	2.753
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	2.202	1.583
Lãi suất (%/năm)	3,48-12,5	1,17-7,2
Phương thức đấu thầu	Khối lượng; Lãi suất	Lãi suất

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 3: TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC NĂM 2011-2013

Đơn vị: %

TIỀN GỬI BẢNG VND (*)		TIỀN GỬI BẢNG NGOẠI TỆ				
Thời điểm hiệu lực	Tiền gửi của khách hàng, KBNN, tiền thu được từ phát hành GTCG	Tiền gửi của khách hàng, KBNN, tiền thu được từ phát hành GTCG				
		Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng		Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên		Tiền gửi của các TCTD ở nước ngoài
		Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	NHTM nhà nước (trừ NHNo), NHTMCP đô thị, Chi nhánh nước ngoài, NH liên doanh, công ty TC	NHTM nhà nước (trừ NHNo), NHTMCP đô thị, Chi nhánh nước ngoài, NH liên doanh, công ty TC, công ty cho thuê TC	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP nông thôn, Quỹ TDNDTW, Ngân hàng hợp tác	
05/2011	3	1	6	5	4	3
06/2011	3	1	7	6	5	4
09/2011 (**)	3	1	8	7	6	5
						1

(*) Riêng các TCTD có tỷ trọng dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn từ 40% trở lên được áp dụng tỷ lệ DTBB thấp hơn theo Thông tư số 20/2010/TT-NHNN ngày 29/9/2010 của NHNN về hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ TCTD cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn.

(**) Tiền gửi của các TCTD ở nước ngoài phải tính dự trữ bắt buộc theo Thông tư số 27/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế dự trữ bắt buộc đối với các TCTD ban hành kèm theo Quyết định số 581/2003/QĐ-NHNN ngày 09/6/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 4: CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

Đơn vị: Triệu USD

	2012	2013
A. CÁN CÂN VẮNG LẠI	9.267	9.471
1. Cán cân thương mại	8.714	8.730
Xuất khẩu (FOB)	114.529	132.135
Nhập khẩu (FOB)	105.815	123.405
Nhập khẩu (CIF)	113.780	132.125
2. Dịch vụ	-1.430	-1.400
Thu	9.620	10.500
Chi	11.050	11.900
3. Chuyển tiền	8.212	9.477
Khu vực tư nhân	7.912	8.879
Khu vực Chính phủ	300	598
4. Thu nhập đầu tư	-6.229	-7.336
Thu	295	281
Chi	6.524	7.617
B. CÁN CÂN VỐN VÀ TÀI CHÍNH	8.729	-151
5. Đầu tư trực tiếp	7.168	6.944
Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam	8.368	8.900
Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài	1.200	1.956
6. Vay trung-dài hạn	4.307	3.369
Vay	7.770	8.085
Vay của Chính phủ	4.446	4.544
Vay của DN (trừ DN FDI)	3.324	3.541
Trả nợ gốc	3.463	4.716
Trả nợ của Chính phủ	881	1.219
Trả nợ của DN (FDI+DNVN)	2.582	3.497
7. Vay ngắn hạn	1.306	81
Vay	16.011	14.793
Trả nợ gốc	14.705	14.712
8. Đầu tư gián tiếp	1.990	1.465
Đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam	1.887	1.389
Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài	-103	-80
9. Tiền và tiền gửi	-6.042	-12.014
Khu vực ngân hàng	107	-2.334
Khu vực khác	-6.149	-9.680
C. LỖI VÀ SAI SÓT	-6.129	-8.763
D. CÁN CÂN TỔNG THỂ	11.867	557
E. BÙ ĐẮP	-11.867	-557
10. Thay đổi tổng dự trữ ngoại hối	-11.867	-557
Thay đổi tổng tài sản nước ngoài của NHNN trừ sử dụng vốn của IMF	-11.847	-557
Sử dụng vốn của IMF	-20	0
Vay	0	0
Trả	20	0
11. Thay đổi nợ quá hạn và gia hạn nợ	0	0
Thay đổi nợ quá hạn	0	0
Gia hạn nợ	0	0

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 5: TỶ GIÁ GIỮA ĐÔ-LA MỸ VÀ ĐỒNG VIỆT NAM

Đơn vị tính: VND/USD

Năm 2013	Tỷ giá ngày cuối tháng			Tỷ giá bình quân trong tháng		
	Tỷ giá bình quân liên ngân hàng	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank		Tỷ giá bình quân liên ngân hàng	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank	
		Mua	Bán		Mua	Bán
Tháng 1	20.828	20.825	20.865	20.828	20.823	20.864
Tháng 2	20.828	20.890	20.970	20.828	20.844	20.909
Tháng 3	20.828	20.920	20.960	20.828	20.917	20.965
Tháng 4	20.828	20.910	20.960	20.828	20.889	20.935
Tháng 5	20.828	20.980	21.030	20.828	20.940	20.996
Tháng 6	21.036	21.130	21.200	20.845	21.020	21.044
Tháng 7	21.036	21.130	21.190	21.036	21.197	21.239
Tháng 8	21.036	21.110	21.180	21.036	21.089	21.158
Tháng 9	21.036	21.080	21.140	21.036	21.090	21.155
Tháng 10	21.036	21.080	21.120	21.036	21.080	21.130
Tháng 11	21.036	21.080	21.120	21.036	21.079	21.120
Tháng 12	21.036	21.085	21.125	21.036	21.090	21.130

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 6: GIÁ VÀNG THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng/lượng

Năm 2013	Giá vàng ngày cuối tháng	Giá vàng bình quân trong tháng
Tháng 1	45,45	45,57
Tháng 2	43,20	44,84
Tháng 3	43,75	43,80
Tháng 4	42,65	42,51
Tháng 5	41,05	41,14
Tháng 6	35,65	39,55
Tháng 7	37,88	37,61
Tháng 8	38,25	37,79
Tháng 9	37,44	37,74
Tháng 10	37,10	37,26
Tháng 11	35,37	36,20
Tháng 12	34,65	35,22

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 7: CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Đơn vị: %

Năm	Thời gian	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
2008	So với tháng 12 năm trước	2,38	6,02	9,19	11,60	15,96	18,44	19,78	21,65	21,87	21,64	20,71	19,89
	So với tháng trước	2,38	3,56	2,99	2,20	3,91	2,14	1,13	1,56	0,18	-0,19	-0,76	-0,68
	So với cùng kỳ	14,11	15,67	19,39	21,42	25,20	26,80	27,04	28,32	27,90	26,72	24,22	19,89
2009	So với tháng 12 năm trước	0,32	1,49	1,32	1,68	2,12	2,68	3,22	3,47	4,11	4,49	5,07	6,52
	So với tháng trước	0,32	1,17	-0,17	0,35	0,44	0,55	0,52	0,24	0,62	0,37	0,55	1,38
	So với cùng kỳ	17,48	14,78	11,25	9,23	5,58	3,94	3,31	1,97	2,42	2,99	4,35	6,52
2010	So với tháng 12 năm trước	1,36	3,35	4,12	4,27	4,55	4,78	4,84	5,08	6,46	7,58	9,58	11,75
	So với tháng trước	1,36	1,96	0,75	0,14	0,27	0,22	0,06	0,23	1,31	1,05	1,86	1,98
	So với cùng kỳ	7,62	8,46	9,46	9,23	9,05	8,69	8,19	8,18	8,92	9,66	11,09	11,75
2011	So với tháng 12 năm trước	1,74	3,87	6,12	9,64	12,07	13,29	14,61	15,68	16,63	17,05	17,50	18,13
	So với tháng trước	1,74	2,09	2,17	3,32	2,21	1,09	1,17	0,93	0,82	0,36	0,39	0,53
	So với cùng kỳ	12,17	12,31	13,89	17,51	19,78	20,82	22,16	23,02	22,42	21,59	19,83	18,13
2012	So với tháng 12 năm trước	1,00	2,38	2,55	2,60	2,78	2,52	2,22	2,86	5,13	6,02	6,52	6,81
	So với tháng trước	1,00	1,37	0,16	0,05	0,18	-0,26	-0,29	0,63	2,20	0,85	0,47	0,27
	So với cùng kỳ	17,27	16,44	14,15	10,54	8,34	6,90	5,35	5,04	6,48	7,00	7,08	6,81
2013	So với tháng 12 năm trước	1,25	2,59	2,39	2,41	2,35	2,40	2,68	3,53	4,63	5,14	5,50	6,04
	So với tháng trước	1,25	1,32	-0,19	0,02	-0,06	0,05	0,27	0,83	1,06	0,49	0,34	0,51
	So với cùng kỳ	7,07	7,02	6,64	6,61	6,36	6,69	7,29	7,50	6,30	5,92	5,78	6,04

Nguồn: Tổng cục Thống kê

PHỤ LỤC 8: MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN TỆ, TÍN DỤNG

Chỉ tiêu	2012	QI/2013	QII/2013	QIII/2013	QIV/2013
Số dư cuối kỳ (tỷ đồng)					
1. Tổng phương tiện thanh toán	3.702.867	3.842.421	3.973.449	4.085.496	4.400.692
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	3.247.363	3.380.793	3.522.944	3.636.635	3.893.953
3. Tổng dư nợ tín dụng	3.090.902	3.127.144	3.236.789	3.081.745	3.477.982
% Tăng trưởng so với năm trước					
1. Tổng phương tiện thanh toán	18,46	3,77	7,31	10,33	18,85
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	17,87	4,11	8,49	11,99	19,91
3. Tổng dư nợ tín dụng	8,85	1,17	4,72	-0,30	12,52

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 9: TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC

Năm	GDP theo giá hiện hành (tỷ đồng)	Mức tăng trưởng* GDP (%)	GDP bình quân đầu người (nghìn đồng)
2005	914.000	7,55	11.093
2006	1.061.600	6,98	12.742
2007	1.246.800	7,13	14.804
2008	1.616.000	5,66	18.986
2009	1.809.100	5,40	21.031
2010	2.157.800	6,42	24.822
2011	2.779.900	6,24	31.647
2012	3.245.400	5,25	36.559
2013	3.584.300	5,42	39.825

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Ghi chú: * Tính theo giá so sánh năm 2010

TABLE OF CONTENTS

Status and Functions of the State Bank of Viet Nam	iii
Management Board of the State Bank of Viet Nam	v
Forewords by the Governor	vii
Departments and Administration Units of the State Bank of Viet Nam	ix
■ Part I - The World and Viet Nam's Economies	1
1. World Economy	1
1.1. World Economic Growth	1
1.2. Monetary Policy Management in some countries	3
2. Viet Nam's Economy	3
2.1. Economic Growth	4
2.2. Employment and Income	6
2.3. Inflation	6
2.4. State Budget Revenues and Expenditures	7
2.5. Balance of Payment	8
2.6. Financial and Monetary Developments	10
2.7. Credit Institution Activities	18
■ Part II - The SBV's performance	21
1. Monetary Policy Management	21
2. Foreign Exchange Management	24
3. Financial Stability	27
4. Legislation	32
5. Issue and Vault	33
6. Banking Technology and Payment Activities	35
7. Credit Information	37
8. Information Transparency and Communication	40
■ Part III - Corporate Governance	41
1. Internal Audit Operations	41
2. Human Resources and Training	41
3. Scientific Research Activities	43
4. Statistics Work	44
5. Information Technology	45
■ Part IV - International Cooperation	47
1. International Economic Integration Activities	47
2. Cooperation with International Financial and Monetary Institutions	48
3. Bilateral Cooperation	51
■ Appendix	53

STATUS AND FUNCTIONS OF THE STATE BANK OF VIET NAM



Headquarter, 49 Ly Thai To Str., Ha Noi, Viet Nam

□ The State Bank of Viet Nam is a ministerial-level agency of the Government, the Central Bank of the Socialist Republic of Viet Nam which performs state management over monetary, banking activities and foreign exchange; performs the function of the central bank as the money issuing bank, the bank of the credit institutions and the monetary service provider for the Government.

Summary of Article 2, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

□ The national monetary policy shall be monetary decisions at the national level of state authorities, including decisions on the currency value stabilizing objective identified by the inflation target, decisions on using instruments and measures in order to reach the set-up objectives.

Clause1, Article 3, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

□ The National Assembly shall determine the annual inflation target by deciding the consumer price index and supervise the implementation of the national monetary policy.

Clause 2, Article 3, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

□ The Government shall submit the annual inflation target to the National Assembly for decision. The Prime Minister, the Governor of the State Bank shall decide the use instruments and measures to perform the target of monetary policy in accordance with the regulations of the Government.

Clause 4, Article 3, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

MANAGEMENT BOARD OF THE STATE BANK OF VIET NAM



Mr. Nguyen Van Binh
Governor



Mr. Nguyen Dong Tien
Deputy Governor



Mr. Dang Thanh Binh
Deputy Governor



Mr. Nguyen Toan Thang
Deputy Governor



Mr. Le Minh Hung
Deputy Governor



Mr. Dao Minh Tu
Deputy Governor



Mr. Nguyen Phuoc Thanh
Deputy Governor



Governor

Nguyen Van Binh

Forewords by the Governor

The Government's Socio-Economic Development Plan for 2011-2015 entered its second half in 2013. During the past two and a half years, the Government had already achieved significant results on macroeconomic management, in which the banking sector also made positive contributions despite the complicated developments of the world economy. The global financial crisis in 2008, the economic recession in 2009, and the European debt crises were the key factors leading to the cloudy period of the global economy since 2011. However, positive signals from developed economies in 2013 rekindled hopes for economic recovery, but new risks exposed from emerging markets slowdown. Global financial market continued to experience volatility under impacts of the European debt crises, and unpredictable exchange rates. The wave

of monetary easing to support economic growth spreaded across the world. Major central banks aggressively implemented unconventional monetary policies to restore economic activities. Meanwhile, domestic economy was struggled with macroeconomic instability during 2008-2010 with high and unstable inflation, widened balance of payment deficit, distressed foreign exchange market, and a banking system on the verge of collapse. Since mid-2011, the Party, the National Assembly, and the Government set out comprehensive medium and long term objectives in order to control inflation, stabilize macroeconomic conditions, and ensure the social security while renovating growth model and implement economic restructure to improve the competitiveness of the economy. These objectives are reflected in the Strategy on Socio-economic Development for 2011-2020 of the 11th Party Congress Documents and the 2011-2015 Socio-Economic Development Plan.

Following the Government's guidance, the State Bank of Viet Nam (SBV) persistently pursued the objectives of inflation control, macroeconomic stabilization, and implemented the solutions to restore business activities and support appropriate economic growth, while ensuring the safety of the credit institution (CI) system. The SBV's market leading role was strengthened, especially in managing interest, credit, and exchange rate. As a result, monetary policy management and banking operations in 2013 continued to play an important role in macroeconomic management of the Government.

Firstly, monetary policy measures were managed simultaneously, flexibly, and proactively to lower interest rates in line with the Government's guidance on resolving difficulties for business, while money supply channels were flexibly managed to ensure sufficient liquidity, manage inflation, and ensure macroeconomic stability.

Secondly, credit was managed in line with the leading indicators set out from the beginning of the year. At the same time, credit expansion was coupled with safeguard of credit activities. The SBV directed CIs to actively implement many solutions to resolve credit, interest, and loan rescheduling issues, etc., in order to support borrowers to solve difficulties in business activities.

Thirdly, the effectiveness and efficiency of state management for the foreign exchange market were improved. The SBV combined monetary and foreign exchange measures to consolidate the value of Viet Nam Dong (VND), stabilize the exchange rate and the foreign exchange market. Other solutions were also implemented gradually to establish the gold market disciplines, increase gold supply, and eliminate gold-related risks in order to prevent speculation and price manipulation that leads to socio-economic instability.

Forthly, banking supervision continued to be focused and strengthened with an emphasis on innovative supervision methods to enhance the state management of the banking sector. The SBV implemented synchronously and drastically the Credit Institution System Restructuring Plan for 2011-2015 and resolved fundamentally and sustainably non-performing loans (NPLs), which included the establishment of Viet Nam Assets Management Company (VAMC).

Fifthly, the SBV continued to accelerate non-cash payment in the economy on the basis of payment and banking technology development and modernization, ensure cash issuance as scheduled, improve vault safety through introduction of advanced communication technology, cooperate with related agencies in preventing counterfeit money.

Sixthly, the SBV continued to strengthen its scientific research and statistical capacity in order to facilitate the monetary policy management and banking operations. Statistics was better equipped with advanced technology to meet data exchange requirements. Scientific training and research were practically conducted and better served policy making and implementation of the SBV.

Seventh, accelerating communication was a key element to improve transparency in the implementation of the SBV's policies and strengthen public confidence in the guidelines and measures of the Government and the SBV. The SBV also enhanced the media autonomy and diversification, and increased information publication. Information on policy management and banking operations were published regularly and systematically. These were well received by both domestic and international community.

Eighthly, apart from implementing the tasks of monetary policy and banking operations, the SBV continued to strengthen its international, multilateral, and bilateral cooperation relations with international financial and monetary organizations in order to deepen international integration and improve Viet Nam's position on international forums.

Thanks to modernization of monetary policy management and banking operations, the SBV effectively achieved the objectives set out by the Party and the State. A few of such highlighted of such achievements were stable macroeconomic conditions and low inflation. Inflation in 2013 was only at 6.04%. This was the second consecutive year inflation was below 7%, and also the longest period with stable inflation since 2008. Inflation expectation declined as compared to the previous period, people were increasingly becoming more confident in the SBV's inflation control objectives. The balance of payment surplus was relatively stable, foreign exchange reserves accumulation was at a record level, which facilitated the SBV in its management of the foreign exchange market and international position. The domestic and foreign currency markets remained stable with smooth operations. Interest rate continued to fall while confidence in VND was restored. Enterprises could borrow with interest rates as low as the rate of the 2005-2006 period, which created favorable conditions for business activities. Credit growth was consistent with the set targets as well as demands of the economy. Credit structure was appropriately shifted to manufacturing sector, especially to exports, rural and agricultural sectors which was in line with the trend of growth model renovation and economic restructuring. The foreign exchange market continued to be stable after years of volatility. Foreign currency trading in the free market decreased, the dollarization and goldenization were reduced. The enhanced effectiveness of state management on banking sector ensured the systemic safety and stability. During the restructuring process, weak banks were gradually recovered and operated stably under the supervision and guidance of the SBV. The State assets and the depositors' interests were guaranteed. NPLs were partially managed, contributing enormously to the restructuring.

The year 2014 has a specially important meaning, requiring drastic and firm shifts to create momentum for successful implementation of goals set out in the 2011-2015 Socio-economic Development Plan. In the coming time, the banking sector will still have to face with many difficulties and challenges. However, with the 2013 achievements and the support of takeholders, the banking sector will successfully complete the political tasks assigned by the Party and State and contribute to the achievement of key objectives of the socio-economic development process.

Governor of the State Bank of Viet Nam



NGUYEN VAN BINH

DEPARTMENTS AND ADMINISTRATION UNITS OF THE STATE BANK OF VIET NAM

Advise and assist the Governor of the State Bank of Viet Nam in conducting national monetary policies by using monetary policy tools such as interest rate, refinancing rate, exchange rate, required reserve, open market operation, and other tools and measures as necessary.

*Monetary Policy
Department*

Advise and assist the Governor in carrying out the state management functions over foreign exchange, foreign exchange activities and gold trading activities in accordance with relevant laws and regulations.

*Foreign Exchange
Management Department*

Advise and assist the Governor in carrying out the state management function over payment and settlement activities of the economy in accordance with relevant laws and regulations.

Payment Department

Advise and assist the Governor in carrying out the state management function over bank credit in accordance with relevant laws and regulations.

Credit Department

Advise and assist the Governor in carrying out forecasting and statistics in accordance with relevant laws and regulations.

*Forecasting and Statistics
Department*

Advise and assist the Governor in carrying out the state management function over international cooperation and integration in accordance with relevant laws and regulations.

*International Cooperation
Department*

Advise and assist the Governor in carrying out the internal audit of SBV's units' operations.

*Internal Audit
Department*

Advise and assist the Governor in conducting the state legal management over monetary, banking and foreign exchange area.

Legal Affairs Department

Exercising the owner's right in monitoring and managing the financial operation of companies affiliated with the SBV in accordance with relevant laws and regulations.

*Finance - Accounting
Department*

Advise and assist the Governor and the SBV's Party Committee on human resources management in accordance with relevant laws and regulations.

*Personnel and
Organisation Department*

<i>Emulation and Rewarding Department</i>	Advise and assist the Governor in implementing the state management functions of emulation and rewarding in the banking industry in accordance with relevant laws and regulations.
<i>Monetary and Financial Stability Department</i>	Advise and assist the Governor in analysing, assessing and implementing macro-prudential policy and systemic risk prevention measures of the financial system.
<i>Banking Supervision Agency</i>	BSA is a General Department level agency of State Bank of Viet Nam. It advises and assists the Governor in implementing the state management function over: credit institutions, foreign bank branches; as well as control of supervision, complaint and denunciation settlement, anti-corruption, money laundering prevention, deposit insurance. It conducts the administrative and banking professional regulation and supervision in the areas under the SBV's state management. It also conducts the anti money laundering, anti terrorism activities in accordance with the relevant laws and by the Governor.
<i>SBV Office</i>	Advise and assist the Governor in instructing and managing the banking activities; implementing administrative reform of the SBV; conducting the National Assembly activities; managing the information, promulgation, press, archive and administrative works of the banking system in accordance with relevant laws and regulations; managing the SBV website; and carrying out administrative, protocol and archive activities at the SBV's Headquarters.
<i>Banking Information Technology Department</i>	Advise and assist the Governor in carrying out the state management of information technology in the banking industry in accordance with relevant laws and regulations.
<i>Issue and Vault Department</i>	Advise and assist the Governor in implementing the state management and central bank's functions of currency issuance and vault operation in accordance with the law.
<i>Administration Department</i>	Advise and assist the Governor in management of SBV's asset, finance and technical infrastructure, logistics, security and health care for employees at the SBV Headquarters.
<i>Central Banking Department</i>	Advise and assist the Governor in conducting central banking operations.

Conduct the representative functions as authorized by the Governor.

*Representative Office in
HCMC*

Advise and assist the Governor in implementing monetary and banking operations and other central banking operations within local area as authorized by the Governor.

*Municipal and Provincial
branches*

ADMINISTRATIVE UNITS AND UNITS ESTABLISHED BY THE GOVERNOR

Research and develop banking development strategies and plans; conduct research and banking technology development for the execution of the SBV's state management function on monetary and banking activities in accordance with relevant laws and regulations.

*Banking Strategy
Department*

Conduct credit registration as a public administrative agency; collect, process, record, and analyze credit information; prevent and limit credit risk; provide credit rating for individual and institutions within Viet Nam's territory to fulfill the State management function of the SBV; to provide banking information services in accordance with the SBV's regulations and relevant laws and regulations.

Credit Information Center

The mouthpiece and social forum of the banking sector to disseminate the Party's orientation and guidelines, the State's legislation and policies and banking operations in accordance with the SBV's regulation and relevant laws and regulations.

Banking Times

The mouthpiece and professional forum to disseminate banking profession, science and technology; and to disseminate the Party's orientation and guidelines, the State's legislation and policies, banking activities and scientific & technology achievements of the banking industry in accordance with the SBV's regulation and relevant laws and regulations.

Banking Review

Train, and enrich the knowledge, state management and professional skills of the SBV and banking sector's staff to meet the development requirements; improve the SBV's as well as banking sector's staff quality in accordance with the Governor's approved plans.

Banking Training School

Banking Academy

Train and strengthen human resource capacity in economic, banking-finance fields at the intermediate, college, undergraduate and graduate level, and in other areas when authorized; study and advise in the economic, banking and finance areas.

HCMC Banking University

Train, strengthen human resource capacity in economic, banking-finance fields at the intermediate, college, undergraduate and graduate level, and in other areas when authorized; study and advise in the economic, banking and finance areas.



Part I - The World and Viet Nam's Economies

1. World Economy

1.1. World Economic Growth

The world economic growth in 2013 declined to 3.2% from 3.5% in 2012¹. However, the economic recovery in developed countries became more vivid reflecting the effectiveness of quantitative easing program as the public debt crisis subsided. Domestic and external demand in emerging and developing countries began to slow down. Inflation continued to decline throughout the regions facilitated governments to maintain accommodative macro policies.

The U.S. economy grew by 1.9%, lower than 2.8% in 2012, but showed signs of gradual recovery in the second half of 2013. The real estate market's revival supported private investment and consumption, and enhanced consumer's confidence. Public expenditures came down while debt ceiling was raised continuously, which contributed to the improvement in budget deficit at 7.3%GDP compared to 9.7%GDP in 2012. Trade deficit in 2013 fell to its lowest level since 2009. Unemployment rate decreased continuously from 7.8% by the end of 2012 to 6.7% by the end of 2013. Nevertheless, slow growth in private investment in non-real estate fixed assets showed that economic recovery is still in progress. Inflation declined from 1.7% in 2012 to 1.5% in 2013.

The Eurozone economy since mid 2013, began to pick up from the bottom of the longest crisis in its history despite of remained difficulties; the risk of a Eurozone breakup was pushed back. GDP grew at -0.4%, improved from -0.7% in 2012. This growth unevenly distributed accross the member states, mainly by leading economies such as Germany and France with growth rate of 0.5% and 0.3% respectively. Meanwhile, some of the members including Greece, Spain, Italy, and Portugal showed the risk of deflation. Unemployment rate in the end of 2013 at 11.8% after a period of remaining a peak of 12% in 7 months until September, 2013. The average State Budget



The world economy in 2013 grows at lower rate compared to 2012. However there is a more vivid trend of recovery in the group of leading countries as a result of the stimulous packages. Inflation reduced across regions.

¹ July 2014 World Economic Outlook of the IMF.

deficit of the Eurozone declined to 3% of GDP compared with 3.7% in 2012 as a result of the the austerity fiscal measures implemented by many governments. However, budget deficit remained high in some particular European countries, including Greece, Ireland, and Spain. There were signs of economic recovery in some European countries, including The United Kingdom and Sweden. Eurozone overall inflation declined from 2.2% in 2012 to 0.8 in 2013.

Japan's economy grew by 1.5%, higher than the 1.4% growth rate of 2012 thanks to the Abenomics structural reform which brought about positive expectations of the economy. Private investment recovered as profitability improved, consumption expenditure increased significantly in the first 6 months, export improved higher than expectation due to the “weak Yen policy” and an increase in external demand. Business confidence increased continuously. Nevertheless, the recovery was slower in the last 6 months due to the concern over the government decision to increase consumption tax policy in 2014. Inflation increased to 1.6%, a positive rate for the first time since 2008. Budget deficit remained at 8.4%GDP, a modest decline compared to 8.7%GDP in 2012. Public debt reached 227.2%GDP.

Emerging and developing countries' economies showed slowdown trend due to lower export growth and domestic consumption and limited investment, as well as capital outflows triggered by Fed signalling of QE3 tapering. Overall growth was at 4.7% in 2013, lower than the 5.1% rate in 2012. Within the BRICS countries, China's growth is 7.7%, higher than expectation and equivalent to that of 2012; Brazil's growth was 2.5%, higher than that of 2012; Russia witnessed a significant decline in growth, at 1.3% compared with 3.4% of 2012. In the ASEAN-5 group, Viet Nam grew at 5.4%, higher than the 5.3% in 2012; the rest of the ASEAN-5 group grew slower compared to 2012, including Indonesia, Thailand, Malaysia and Philippines. Regional average inflation rose slightly to 4.4% compared with 3.9% in 2012.



1.2. Monetary Policy Management in some countries

Aggressive monetary policy loosening continue to be applied by most of central banks. Although the economies witnessed positive sign, most of them were cautious to tighten monetary policy. However, some emerging and developing countries were compelled to raise their interest rate in order to cope with capital outflows.

In developed countries, their central banks such as FED, BOJ, BOE, ECB, etc., maintained policy rates close to 0% and increased money injection. For example, ECB interest rate were reduced twice from 0.75% to 0.5% and then to 0.25%. FED continued its quantitative easing by expanding its stimulus package by USD 45 billion T-bills/month since 01/2013, which increased its monthly asset purchase to USD 85 billion. Reserve Bank of Australia cut interest rate twice in 2013.

In emerging and developing countries, most central banks (Bank of Korea, Thailand, Hungary, and Poland) cut interest rate in order to deal with slower economic growth. On the other hand, India, Indonesia, and Brazil raised interest rate to avoid capital flow reversals after the FED's announcement of its QE reduction from 2014.

“

Monetary policies loosen aggressively all over the world with stimulus packages in some countries.

2. Viet Nam's Economy

In the context of the global economic slowdown, Viet Nam still maintained its stability and slightly recovered compared to 2012. Inflation was contained, balance of payments was surplus, monetary and financial markets were stable, interest rate reduced in line with macro-economic and monetary development, and foreign reserves increased significantly. However, recovery trend was slow due to many difficulties in economic production which arised from inherent problems of the economy structure. Economic boosting required the government to stimulate aggregate demand, solve economic and business difficulties, and implemented economic reforms under Resolution No. 31/2012/QH13 dated 08/11/2012 on Socio-economic and Development

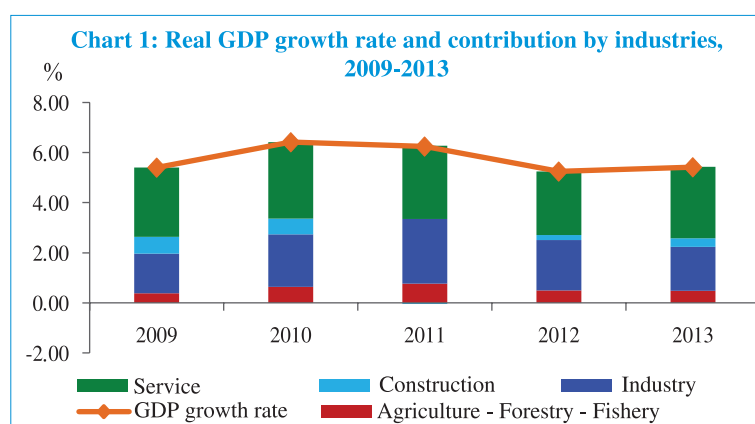
Plan for 2013, Resolution No. 01/NQ-CP dated 07/01/2013 on Solutions to Socio-economic Development plan and national budgeting in 2013, and Resolution No. 02/NQ-CP dated 07/01/2013 on Solutions to unwind difficulties in economic production to support the market and resolve bad debts.

2.1. Economic Growth

“

Economic growth recovered slightly at 5.4% compared with 5.3% in 2012.

Economy recovery was contributed by manufacturing, construction and services industries.



Source: General Statistical Office, estimates of the SBV

Agriculture - forestry - fishery sector grew by at 2.7% (equivalent to that of 2012). In 2013, agriculture - forestry - fishery were adversely impacted due to a sharp reduction of global demand in agricultural product. In addition, agricultural prices fell sharply while production cost was high, which discouraged production expansion.

Industry sector grew by 5.4% in 2013, lower than 6.2% in 2012. Manufacturing industry growth regained considerably at 7.4%, much higher than 5.8% in 2012. A large source of re-directed investment of Samsung Electronics Co. to Viet Nam and strong global demand in major groups of goods such as textiles, footwear, etc. contributed significantly to manufacturing and export. In contrast, mineral industry fell by 0.2% as global demand of energy products was low. The value added in power sector increased by just over 8.5%, much lower than that of 12.4% in 2012, which partly reflected the difficulties in production of domestic companies.



Construction sector continued to recover since the end of 2012. It was 5.8% growth in 2013, which almost doubled that of 3.3% in 2012. This showed positive effects of the government's supportive policies for investment and real estate market such as: accelerating the disbursement of development funding from State Budget, Government Bond issuance, ODA projects, implementing the stimulus package worth VND 30,000 billion to assist home purchasing of low-income households, etc. Furthermore, positive FDI growth speeded up accelerated factory building.

Services sector regained positively with an increase of 6.6%, much higher than that of 5.9% in 2012. Some key sectors recovered relatively strong: accommodation and catering services: 9.9% (2012: 7%); finance - banking - insurance service: 6.9% (2012: 5.4%), real estate services: 2.2% (2012: 1.1%), etc.

On a demand side, economic growth retrieved thanks to a faster growth in consumption and investment. Positive export growth was mainly contributed by foreign invested sector. However, import also climbed significantly.

Consumption increased by 5.4%, little higher compared to 5.1% in 2012, which reflected a positive impact of contained inflation, improved real consumers' purchasing power, especially when the private sector's minimum wage increased by 16.1-18% since 20/01/2013 and public sector's wage rose by 10% since 01/7/2013.

Total asset accumulation regained strongly by 5.5%, more than doubling of 2.4% (2012) mainly due to FDI inflow contribution to factory building, investment in machine and equipments, accelerated disbursements of Government's investment from the State Budget, Government Bond issuance, ODA disbursement, and solutions to support the real estate market.

Net export still made positive contribution to economic growth but at lower level compared to 2012, mainly due to import recovery. Export grew by 17.2%,

higher than that of 15.7% in 2012 due to FDI enterprises' contribution, such as Samsung Electronics Co. In addition, export showed a positive sign (except for agriculture - forestry - fishery - minery products) partly reflecting an improvement in Viet Nam's competitiveness. A dramatic rise in export also caused export-oriented import to grow by 17.3%, higher than that of 9.1% in 2012.

2.2. Employment and Income

“

Unemployment increased, GDP per capita in 2013 was recorded at USD 1,908.

The labor market in 2013 still had many challenges given the business activities have not recovered yet. The labor force by 01/01/2014 was estimated at 47.49 million people, 409,200 higher compared to 2013, of which were 53.9% men, and 46.1% women. National unemployment rate was 2.2%, in which was 3.58% in urban areas and 1.58% in rural areas (1.96%; 3.21%; 1.39% in 2012, respectively). Underemployment estimation in 2013 was 2.77%, which was 1.48% in urban areas, 3.35% in rural areas (2.74%, 1.56%, 3.27% in 2012, respectively). Overall, unemployment rate was in upward trend because of business difficulties implications on employment. Exported labor of Viet Nam reached 88,000 workers compared to target of 85,000 workers.

Per capita income in 2013 was USD 1,908 compared to USD 1,749 in 2012. According to the Salary Adjustment Plan, minimum wage funded from State and SOE's budget increased from VND 1.05 million/month in 2012 to VND 1.15 million/month since 01/7/2013 (an increase of 9.52%, lower than that of 26.51% in 2012).

2.3. Inflation

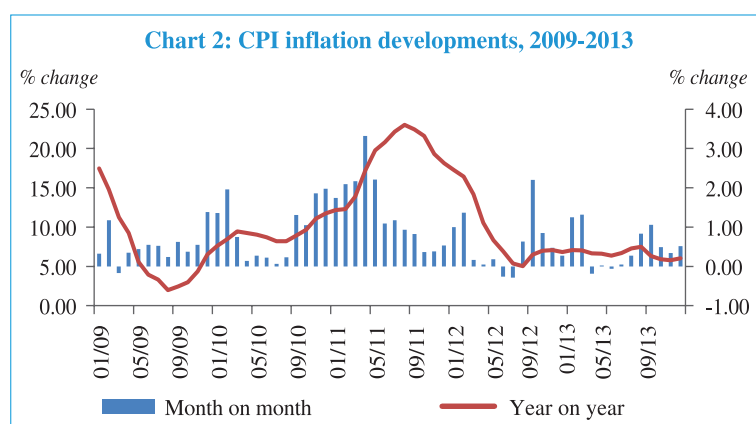
“

The CPI was lower than 2012 because of lower supply and demand pressure.

CPI in 2013 grew by 6% (year on year), which was record low in the last 10 years; average inflation was 6.6%, much lower than that of 9.3% in 2012. By end of 2013, prices of 10/11 groups of goods rose slightly (except for 5.1% increase in food and its services which was higher than that of 1.0% in 2012); average CPIs of all groups were lower than those of 2012.

There were several factors in 2013 which put pressure on inflation, for example: the government continues to implement the roadmap of salary reform; price of essential goods controlled by the State (electricity, coal, fuel and petroleum, water, bus ticket) grew persistently; localities kept a dramatic increase in healthcare service charge as stipulated in Inter-Ministry Circular No. 04/2012/TTLT-BYT-BTC dated 29/02/2012 of Ministry of Health and Ministry of Finance; prices of other goods like gas, egg, milk, communication service also witnessed unexpected climb. However, these factors only affected temporarily, in reality, on inflation in some point of time without adverse impact on inflation expectation, thus, inflation was still under control.

The following factors could be contributed to the above-mentioned results: *(i)* world price downward trend led to export price fall by 2.4% in 2013, in comparison with that of 0.3% in 2012; *(ii)* positive signs of economy recovery had negative impacts on inflation from the demand side though economic growth was still under its potential; *(iii)* inflation expectations showed its downward trend compared to 2012; *(iv)* the VND/USD exchange rate remained stable, which helped stabilize import cost and the control inflation expectation.



Source: General Statistical Office

2.4. State Budget Revenues and Expenditures

Budget deficit in 2013 reached record high of 5.3%GDP in last 2 years (4.8% and 4.4% in 2012 and 2011, respectively), which was higher than estimated,



State budget collection experienced some difficulties, due to the lowest rate of collection for state budget revenue ever seen recently, meanwhile budget expenditure was higher than its revenues, making budget deficit widen, reaching VND 195.5 trillion, equivalent to 5.3%GDP, which is higher than the estimated rate of 4.8%GDP.

mainly because of the lowest revenues growth for years and high expenditures growth.

Total budget revenues in 2013 increased by 6.4% (accounting for approximately 22%GDP), significantly higher than the rate of 3% in 2012. However, revenue collection was slower than previous years, accounted for 96.9% of budget plan (compared to 127.5%, 121.3% and 100.4% of 2010, 2011, and 2012, respectively). The main revenues sources were taxes and fees (current revenues), of which taxes accounted for more than 90% of total budget revenues and grants (90.8%, 92.7% and 94.7% for 2011, 2012 and 2013 respectively). Other revenues sources were from oil and gas revenues for host country, or SOEs' dividend payments as provided in the Resolution of National Assembly.

Total expenditure increased by 9.4% in 2013, equivalent to 26%GDP and 101.5% of the plan, compared to those of -10.8% and 99.7% in 2012², respectively. In 2013, investment and development spendings increased by 3.3% and accounted for 5.6%GDP (2012: -6.4% and 6%, respectively); current expenditures increased by 11.3% and accounted for 20.3%GDP (2012: 31.6% and 20.2%, respectively). The total expenditure in 2013 was higher than that of 2012 due to higher revenue and a lower current expenditure.

2.5. Balance of Payment

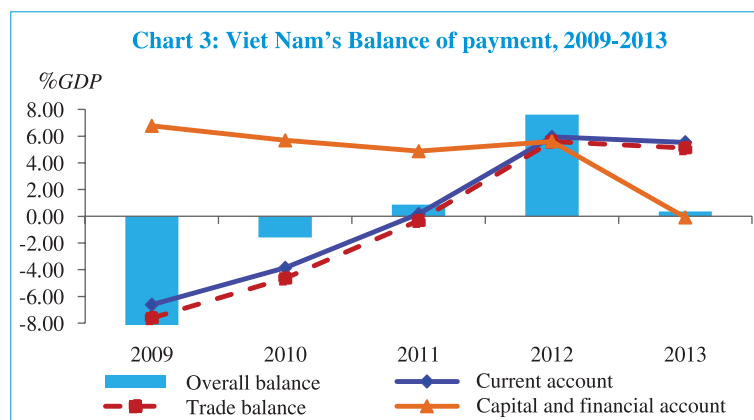


Surplus of USD 557 million in balance of payments, a lower rate compared with previous years.

Overall Balance (OB) in year 2013 observed a surplus of USD 557 million, in which the current account (CA) witnessed a historical surplus, capital balance and financial balance experienced minor deficits, while errors and omissions increased. In 2013, domestic gold and foreign currency demand surged sometimes due to some psychological effects, which triggered the SBV's intervention on the gold and exchange markets, which to some extent, adversely affected the BOP.

² Statistic data is under international standards (excluding principal payment), provided by Ministry of Finance.

Current Account witnessed a surplus of USD 9.5 billion, equivalent to 5.5%GDP, mainly because of a high level of trade surplus and a positive position of transfer. Trade balance posted a surplus of USD 8.7 billion, equal to 2012. However, service balance experienced a deficit of USD 1.4 billion with respect to an increase in payment for transportation services and freights while imports showed a positive recovery. Meanwhile, the net investment income ran a deficit of USD 7.4 billion with the following reasons: slight decrease in the investment revenues due to low international interest rates; rise dividends payments in FDI enterprises when their exports developed well. Transfers showed a positive position with the surplus of USD 9.4 billion, equivalent to an increase of 15.4% compared with 2012. Despite the world economy continued to struggle with difficulties which adversely affected the income of exported labor, while domestic interest rate fell from the beginning of 2013, real estate and stock market were frozen, private transfer (remittance) remained stable and substantially contributed to the CA surplus.



Source: The State Bank of Viet Nam

Capital and financial account observed a deficit of USD 151 million (in comparison with a surplus of USD 8.7 billion in 2012). FDI continued to be surplus of USD 8.9 billion, 6.4% higher than 2012, which reflected that Viet Nam is still an attractive investment destination. The other items tended to be lower in comparison with 2012, specifically: (i) short term borrowings (net) and

medium and long term borrowings (net) remained surplus but lower than those of 2012, which was respectively equivalent to USD 81 million (a reduction of 93.8% compared with 2012) and USD 3.4 billion (a reduction of 21.8% compared to 2012); **(ii)** medium and long term debt payments showed an optimistic trend; portfolio investment gained a surplus of USD 1.5 billion, decreasing by 26.2% compared with 2012 in the context of dull stock market; **(iii)** Money and deposits at central bank observed a deficit of USD 2.3 billion (while it was a surplus of USD 107 million in 2012); **(iv)** Other assets also witnessed a negative position of USD 9.7 billion (in 2012, it was USD 6.2 billion deficit) partially due to sentiment factors in foreign exchange market. Those were also the reason for Omission and Errors ended negatively with USD 8.8 billion deficit in 2013.

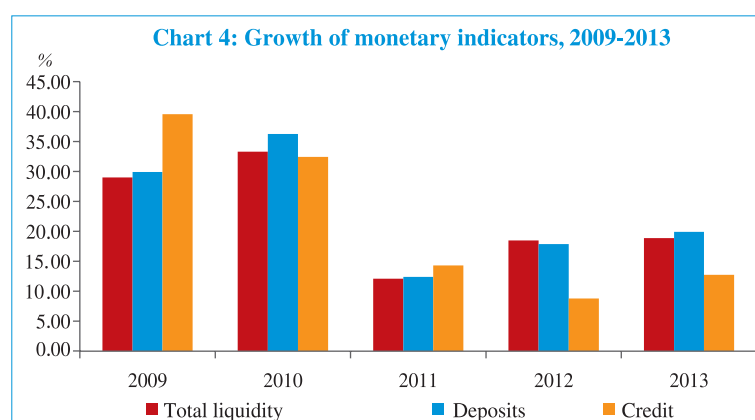
2.6. Financial and Monetary Developments

Monetary Developments

“

Total liquidity observed similarity to that of 2012. Capital mobilization showed good enhancement. Investment recovered with a slower pace than previous years.

Total liquidity (M2) increased by 18.9%, almost equivalent to that of 18.5% in 2012 and lower than those of many previous years. Money supply was significantly contributed by the rebounded banking lending, but not much by the increase in the SBV's net foreign assets and Government lending.

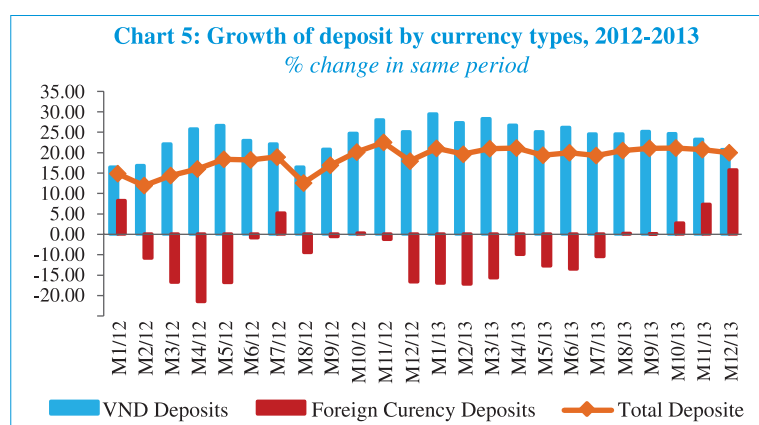


Source: The State Bank of Viet Nam

Capital mobilizing of banking system remained well

Capital mobilizing increased by 19.9% in 2013, higher than that of 17.9% in 2012, which showed that

bank deposits was still an attractive instrument. Foreign currency deposits tended to rise in the second half of 2013, it was 15.7% growth in December 2013 (year-to-date) (2012: -11.8%) due to a large foreign currency supply from international trade, and investment, and market sentimental effect of lower VND deposit rate expectation. However, there was no tendency to shift from VND to foreign currency. Remained high growth of VND deposits demonstrated public confidence in VND to be maintained. VND deposits in 2013 rose by 20.6%, while foreign currency deposits increased by 15.7% (25.1% and -11.8% in 2012, respectively). In that context, the dollarization in term of foreign currency deposits, was under control, foreign currency deposit/total deposits continued falling from 14.6% (2012) to 14.1% in 2013. *The fund mobilization of State-owned commercial banks (SOCBs) slightly fell, while that of other credit institutions increased marginally*³. Specifically, deposits at the state-owned banks (excluding Mekong Housing Bank and Viet Nam Bank for Social Policy) accounted for 43.1% of total deposits (1.5% for Mekong Housing Bank and Social Policy Bank and 55.4% for other credit institutions).



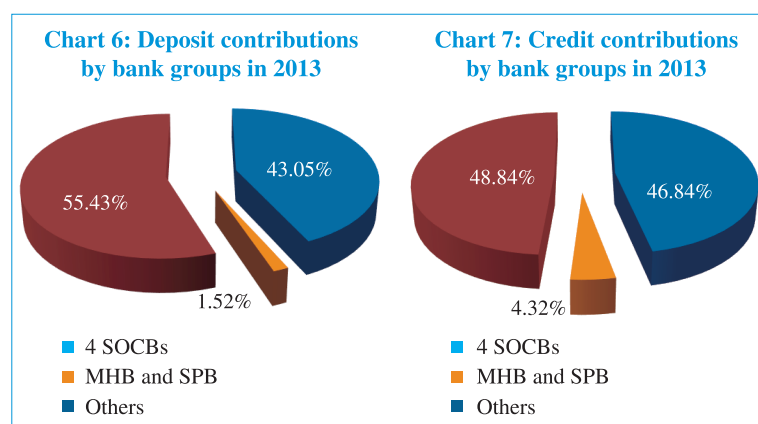
Source: The State Bank of Viet Nam

Credit to the economy improved compared to that in 2012, credit structure continued to shift to key and low risk economic sectors and businesses; growth of net claims to Government in 2013 was lower than that of 2012.

In line with the trend of economic recovery, credit to economy underpinned versus that in 2012; reflecting the

³ Including joint-stock commercial banks, non-bank credit institutions, People's Credit Fund, 100% foreign-owned banks, joint-ventured banks, foreign banks' branches

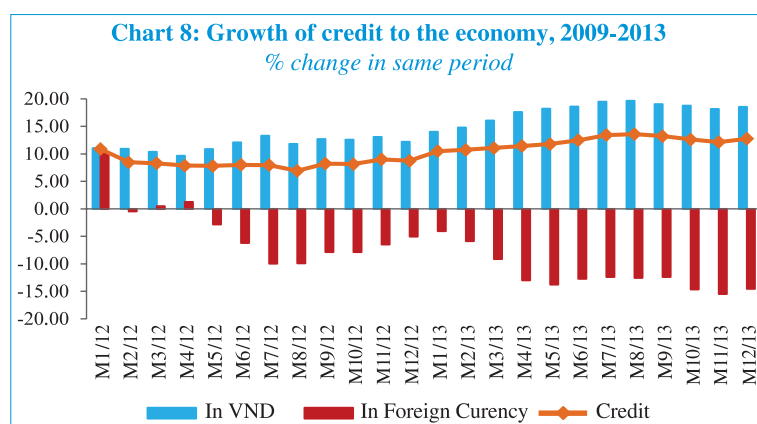
efforts and effectiveness of the SBV's monetary policies and banking activities management, navigating credit institutions to create favorable conditions to support enterprises and individuals in accessing banking credit and support their businesses and social needs. In 2013, credit to economy increased by 12.7%, higher than that of 8.75% in 2012 and is consistent with demand of the economy and created no pressure on inflation. At the same time, credit institutions boosted investment in low-risk sectors such as agriculture, rural; exports; etc. Dollarization in respect of investment also significantly reduced evidently in the foreign currency-investment to total bank investment ratio, which was reduced from 17.5% in 2012 to 14.5% in 2013 as the result the policy avocation of shifting from deposit-credit in foreign currencies to buy-sell foreign currency and credit from foreign currencies to VND (investment for economy's growth in VND increased from 12.2% in 2012 to 18.5% in 2013 while investment for economy's growth in foreign currencies decreased from -4.9% in 2012 to -14.5% in 2013).



Source: The State Bank of Viet Nam

Regarding credit outstanding of the economy's structure, state-owned banks' share slightly increased and other credit institutions decreased marginally. At the end of 2013, credit to the economy of SOCBs (excluding Mekong Housing Bank and Bank of Social Policy) accounted for 46.8% of the total system (2012: 49%); Mekong Housing Bank and Bank of Social Policy 4.3% (2012: 1.9%), other credit institutions 48.8% (2012: 49.1%).

When investment to the economy from banking sector was improved, its net claims to government rose by 24.8%, lower than that of 40.2% in 2012. In the context of relative high deposit growth but low credit growth, credit institutions tended to accelerate investments in risk-free assets. However, growth of net claims to government was lower than that in 2012 mainly due to high Government's deposit with the banking system. Credit to the economy was improved while investment in government bonds was lower than in 2012, which resulted in lower ratio of claims to government/total assets of CI systems to 6.4% from 6.9% at end-2012 (mostly government bonds and valuable papers).



Source: The State Bank of Viet Nam

Interest rates

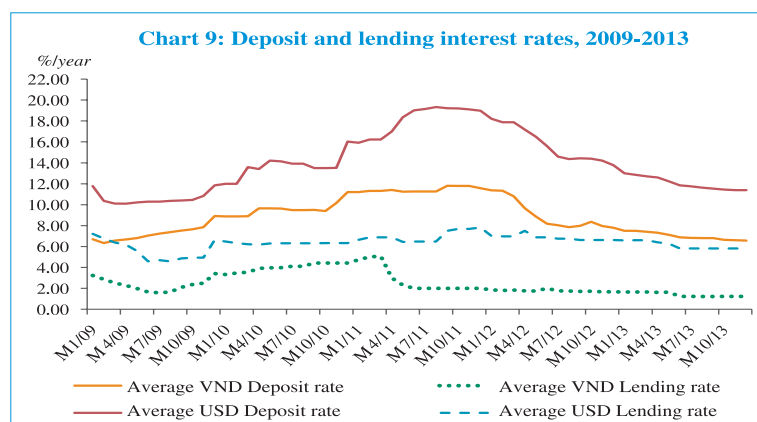
VND interest rates

At the beginning of 2013, the SBV cut VND deposit and lending rates in response to macro-economic developments, and contained inflation and exchange rates, in order to support enterprises to overcome difficulties and maintain their business activities. Under the SBV's direction to lower interest rates and in the context that inflation was brought down to a controllable level according to the Government's target, and ample liquidity of the banking system, banks continuously cut deposit and lending rates, especially short term deposit rates. Many banks set deposit rates lower than the deposits-caps set by the SBV. Monetary market was stabilized even when the SBV removed the 6-month deposit rates ceiling applied

“

*VND interest rates
keeps reducing
trend.*

since 6/2013; there was no signs of interest rate hiking race or unfair competition between banks. In particular, deposit rates fell by 2-4% per annum (p.a.), lending rates fell by 3-5% p.a. to the previous levels in 2005-2006 period when macro-economic stability was witnessed. By the end of 2013, the common rates for demand deposit and 1 month deposits was 1-1.2% p.a., 1-6 months deposit rate: 5-7% p.a., 6-12 months deposit rate: 6.5-7.5% p.a., and over 12 months deposit rate: 7.5-9% p.a. Lending rates remained as low as 50% of that in 2011. The common lending rates were 9-11% p.a. for short term and at 11.5-13.0% p.a. for medium-long term. For feasible business plans, lending rate was only about 6.5-7% p.a.



Source: The State Bank of Viet Nam

USD interest rates

USD interest rates developed consistently with the Government's and the SBV's directions to battle dollarization and foreign currency holding in the economy in an effort to support exchange rate stability by making VND more attractive. Accordingly, the SBV lowered the USD deposit rate for individuals from 2% p.a. to 1.25% p.a., and for economic organizations from 0.5% p.a. to 0.25% p.a. By the end of 2013, USD deposit rates was equal or close to the interest caps imposed by the SBV, was typically at 1-1.25% p.a for individuals and 0.25% p.a. for economic organizations; lending rates fell by 1-1.5% p.a. compared to the end of 2012, typically at 4-6% p.a. for short-term loans and 6-7% p.a. for medium and long term ones.



Interbank money market

Banks' liquidity improvements resulted in the decrease in interbank transactions

In 2013, total volume of VND loans and deposits in the interbank market reached VND 4,596 trillion, down by VND 1,303 trillion, equivalent to an decrease of 22% compared to that of in 2012. Interbank transactions volume in USD also saw downward trend, with total loan and deposit volume of VND 2,965 trillion, decreased by VND 1,666 trillion, equivalent to a decrease of 28% compared to 2012. Forward purchase of valuable papers among commercial banks, foreign banks' branches in VND reached VND 28.041 billion, down by 55% compared to 2012. This sharp decrease in inter-bank transaction volume is due to ample liquidity in the banking system thus, the demand in the interbank market, as well as the improvement in banks' risk management.

Transactions in the interbank market in 2013 were mainly short terms lending of less than 1 month, primarily focus on overnight and 1 week. Overnight trading volume in VND throughout the year reached VND 1,776 trillion, in USD reached an equivalent of VND 1,647 billion, equal to 39% and 56% of total transaction volume respectively.

Interbank rates remained stable at low level

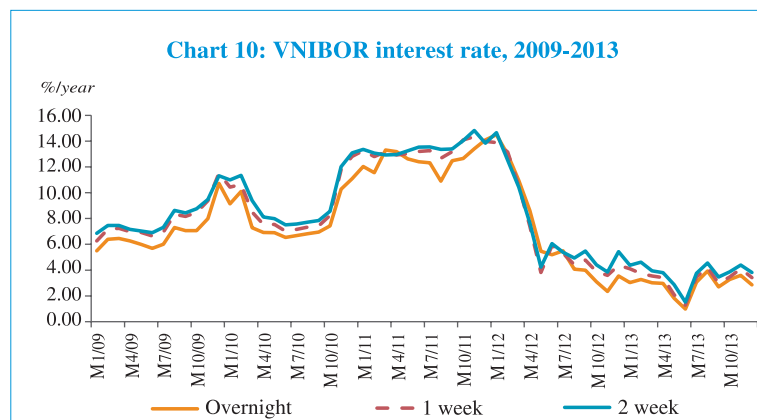
In 2013, the monetary market was stable, demand for interbank transactions declined, therefore the interbank rate was stabilized at low level. Interest rate saw a downward trend during the first 6 months of 2013 and slightly increased in the second half but still remained at low level. In particular, average overnight interbank rate drop from 3% p.a. in 01/2013 to around 1% p.a. in 06/2013 and increased to 2.8% p.a. at the end of 2013, 1 week interbank rate dropped from 4.1% p.a. to 1.3% p.a. in 06/2013 and increased to 3.4% p.a. at the end of the year.

Interbank rates for USD were relatively stable and showed downward trend through the months, consistent with the SBV's adjustment of deposit rate caps for foreign currency. In particular, the average overnight

“

Interbank rates were stable at the low rate, transaction volume reduced because of high liquidity.

rate dropped from 0.22% p.a. in 01/2013 to 0.18% p.a. in 12/2013, 1 week rate also dropped from 0.56% p.a. to 0.29% p.a.



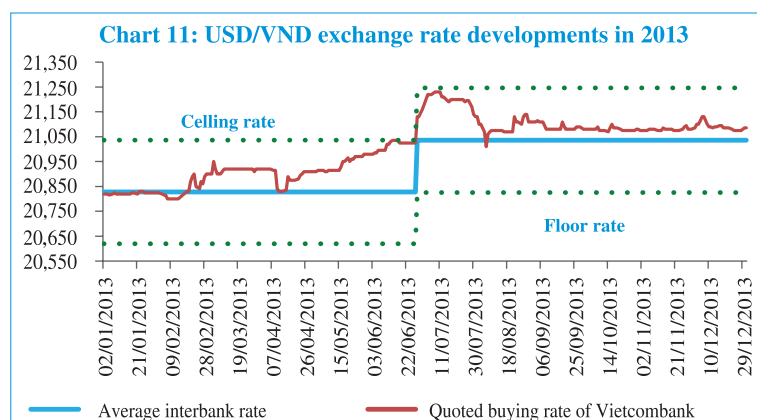
Source: The State Bank of Viet Nam

Foreign Exchange Market Development

“

The basic foreign exchange market stabilize, improving liquidity.

In 2013, VND/USD exchange rate remained stable, average interbank exchange rate increased by 1%, average exchange rate of commercial bank increased by 1,2%-1,3% p.a. The exchange rate developments were in line with the SBV's guidance. There was time when market exchange rates increased, mostly due to sentimental concerns. However, the exchange rate quickly returned to normal after the SBV implemented solutions to stabilize the exchange rate and foreign currency markets.



Source: The State bank of Viet Nam

Exchange rate stability in 2013 was the result of many factors such as: low inflation, increased confidence in the VND, abundant supply of foreign currency thanks



to a surplus in balance of payment, the SBV's initiatives to implement communications policy in order to improve market confidence.

At the same time, the SBV smoothly coordinated its solutions to ensure the value of VND prevailed, especially those solutions for stricter management of foreign currency credit, maintaining low deposit rate cap, regulating VND liquidity surplus on the open market, maintaining high required reserve for foreign deposit, and gold market management. An increase in transaction volume between banks and customers indicated that the market was highly liquidable, and was able to meet the demand for foreign currency.

Gold Price Development

As of the end of 2013, SJC's purchasing/selling price were around VND 34.95/35.02 million per tale, down by approximately VND 11.6 million per tale as compared to the beginning of the year. The gap between domestic and world prices for gold was narrowed down from VND 6-7 million per tale at peak to around VND 3-4 million during the last few months of the year. It can be noted that 2013 was the year with many positive developments for domestic gold market thanks to the SBV's synchronized solutions to manage the gold market in accordance with Government's Decree No. 24/2012/ND-CP. Domestic gold market remained stable, market order was established, gold holding expectation declined, the gap between domestic and world gold prices was narrowed down, gold smuggling was under-controlled. There was no gold fever, which could threaten social stability. The foreign currencies mobilization to import gold was also restricted to mitigate the negative effects on foreign currency market, thus, creating favorable conditions to stabilize the exchange rate and macro-economy.

Securities market

The stocks market in 2013 showed signs of robust recovered thanks to positive development of macro-

“

Domestic gold price significantly declined in line with the downward trend of world gold price, gap between world and domestic gold prices was narrowed down.

“

The rebound of the securities market was mostly due to the stabilized macro-economy.

economy, which leads to higher market expectations. Compared to the end of 2012, VN-Index rose by 22% to 508.9, HNX-Index increased 13% to 66 points. With such a strong recovery, market scale was enhanced, market capitalization reached VND 964 trillion, equivalent to 26.5%GDP and up by 26% compare to the same period. The average transaction for stocks, fund certificates reached VND 1,322 trillion for each trading session, a slight increase of 1.5% compared to 2012. On the primary market, auctions of government bonds were buoyant with high volume and value of successful bids. Investors were mainly commercial banks.

2.7. Credit Institution Activities

“

Credit institutions focused on improving governance and financial capacity to implement the Credit Institution System Restructuring Plan. The profitability of banks improved as compared to 2012, liquidity risks fell but credit risks remained high.

As of the end of 2013, the Credit Institutions System consisted of 47 commercial banks, 01 Policy Bank, 01 Development Bank, 53 foreign bank branches, 29 non-bank credit institutions, 01 cooperative bank, 1,144 people's credit funds and 02 micro-finance institutions. Credit institutions focused on improving governance and financial capacity and prudential ratios. Liquidity risks of the system, as of the end of 2013, remained relatively stable and improved as compared to 2012. However, credit risks tended to increase given economic difficulties. The profitability was improved as compared to 2012, but settled just around 50% of the average rate between 2009-2011.

The focus on strengthening governance of CIs was in line with the Credit Institution System Restructuring Plan

Although Viet Nam's credit institutions paid more attention to improving governance and financial capacity, such activities in some credit institutions remained weak, especially in risk management. This was one of the reasons leading to various difficulties and challenges facing the banking system in 2013. Thus, the SBV urgently requested credit institutions, foreign banks' branches to review their organizational and personnel structures to ensure compliance with the Law on Credit Institutions

in 2010, with an acknowledgement that the continued improvement in personnel structure, management and governance capacity is an important issue to be strictly addressed during the implementation of the Credit Institutions System Restructuring Plan; foreign banks' branches strictly implemented activities assigned in "Viet Nam Schedule to Restructure Credit Institutions for the 2011-2015 Period" approved by the Prime Minister.

**Table 1: Credit Institution System in Viet Nam
(as of 31st December 2013)**

No.	Type	2012	2013
1	State-owned commercial banks	5	5
2	Social Policy Bank	1	1
3	Development Bank	1	1
4	Joint Stock Commercial Banks	34	33
5	Joint Venture Bank	4	4
6	Branches of foreign banks	49	53
7	100% foreign-owned banks	5	5
8	Non-bank Credit Institutions	30	29
	<i>Inc: Financial Companies</i>	18	17
	<i>Financial Leasing Companies</i>	12	12
9	Cooperative Bank of Viet Nam (*)	1	1
10	People's Credit Funds	1,132	1,144
11	Micro-finance Institutions	2	2

Source: The State Bank of Viet Nam

(*) - The Central People's Credit Fund was transformed into the Cooperative Bank of Viet Nam since July 2013.

Credit Institutions focused on improving prudential ratios in banking activities. Profitability in banking activities improved for the whole system as compared to end-2012

As the end of 2013, the chartered capital of the system showed the upward trend across quarters of 2013 even though only with slight changes. The total chartered capital of the system reached VND 423.9 trillion, up by 8.12% from end-2012. The total own capital of credit institutions increased by 9.61% from the end of 2012. The total assets of the banking system continued to expand and reach VND 5,755.8 trillion by the end of 2013, up by

13.17% from 2012. Of the whole system, ROA and ROE, as of year end in 2013, was 0.5% and 5.56%, respectively, higher than that of 2012 (in 2012, there were 0.48% and 3.97%, respectively). However, ROA and ROE of 2013 were just equivalent to 50% of the average level for 2009-2011 periods.

Credit risks tended to rise since 2012, but the SBV implement appropriate measures to control and deal with non-performing loans

Non-performing loans tended to rise since 2012 due to economic difficulties, stagnant production, and high inventory. As a matter of fact, the SBV implemented several measures to control and deal with nonperforming loans, requiring credit institutions to apply prompt measures to resolve bad debts; restructure debts to facilitate enterprises accessing capital for production; take close control and minimize operation costs, actively provision and resolve bad debts through disposition of collaterals; apply measures to improve credit qualities and limit new bad debts; especially, the VAMC was established and started to operate. Non-performing loans, at the end of 2013, declined by 1.62% as compared to the same period last year, after continuously increase in previous periods.

Liquidity risks declined as compared to 2012

Banking system's liquidity, at end of 2013, improved significantly, reserves' liquidity continuously increased. However, liquidity of a number of credit institutions were still at unstable level due to high ratio of nonperforming loans, mostly short-term capital mobilization, medium and long term lending. Some credit institutions mobilized with higher interests to maintain customers. Liquidity of credit institutions could only be handled by resolving nonperforming loans, harmonizing of terms among capital structures, especially in the case of credit institutions whose credit expansion were less than its capital structures.

Part II - The SBV's performance

In order to implement the Government's instruction stated in the Resolution No. 01/NQ-CP and Resolution No. 02/NQ-CP dated 07/01/2013, the SBV issued Instruction No. 01/CT-NHNN dated 31/01/2013. Accordingly, the SBV set targets for 2013 as followed: *“Conduct monetary policy on a prudent and flexible basis, harmonize with fiscal policy in order to curb inflation, strengthen macroeconomic stability; ensure total liquidity at 14-16% level and credit growth at around 12%, and make appropriate adjustments based on market developments; manage interest rate and exchange rate in accordance with monetary and macro-balance developments, especially inflation developments; ensure safe operation of credit institutions in conformance with legal regulations on money and banking activities”*.

1. Monetary Policy Management

Management of monetary policy towards gradual reduction of interest rates

Since the end of 2012, given inflation continued to be under control, though potential risks still existed due to adjustment on the price of State-controlled goods, the SBV planned to cut down interest rate in 2013 to resolve the difficulties of business activities and support the market. In particular: there were 2 policy rate cuts (refinancing rate from 9% p.a to 7% p.a, rediscount rate from 7% p.a to 5% p.a, overnight lending rate in interbank electronic payment from 10% p.a to 8% p.a; lowering VND mobilizing rate ceiling twice in a year (since 26/3/2013 ceiling rate on term deposit under 12 months from 8% p.a to 7.5%/year; since 28/6/2013, the SBV deregulated ceiling rate on term deposit above 6 months, meanwhile reduced 0,5% p.a on ceiling deposit rate from 7.5% p.a to 7% p.a for 1-6 month term, cut down ceiling on demand and 1-month deposit rate from 2% p.a to 1.2% p.a); 3 times of lowering ceiling on lending rate for five strategic areas in economy development from

“

Prudent and flexible monetary policy to facilitate credit growth rate around 12% and total liquidity growth around 14-16%, support the forex market and resist dollarization

12% p.a to 9% p.a. In addition, the SBV instructed CIs to seriously implement regulations on interest, save costs to apply new lending rate appropriately, consider reducing the previous lending rate to be below 13% p.a based on financial capacity to share difficulties with households and enterprises.

Flexible management of OMOs to support liquidity of credit institutions, control inflation and support exchange rate stability

OMOs were managed on a flexible and prudent manners to support liquidity of credit institutions, especially during Lunar New Year and at times when liquidity of credit institutions increases remarkably; meanwhile, regulate VND excess disposable funds of credit institutions by issuing treasury bills, which contributed to monetary market stability, inflation contain and exchange rate stability in line with monetary policy operating targets in each period.

Auctions of valuable papers

The SBV auctioned to buy valuable papers on a daily basis, mainly for the 7-days maturity bills (for the Tet holiday, the SBV's adjusted to 14-days maturity) in order to send a firm signal to bring about market sentiment and support credit institutions with difficulties in accessing capital on the interbank market. Bidding rate was cut down from 7.0-6.5-6.0-5.5% p.a in line with policy rates of the SBV market rate trend. The main bidding method was Volume-based. The bidding quantity of valuable papers was adjusted in line with disposable capital trend and monetary market development. The average successful bids valued VND 698 billion/trading session.

SBV bill selling

In order to regulate liquidity in the system, contribute to curb inflation and sterilize USD purchases to build up foreign reserve, in 2013, the SBV issued SBV bills at some times with term and interest rate changing in line with liquidity trend and monetary policy targets



in each period. The SBV issued SBV's 28, 56, 91, 154 and 182-day bills in 2013 with average transaction volume of VND 1,583 billion/trading session; successful bidding rates of all terms tended to decrease in line with market rate trend and system liquidity.

Flexible deployment of refinancing tool

In 2013, refinancing tool was coordinated with other monetary policy tools to achieve inflation target. Almost all of the credit institutions did not have demand on refinancing due to ample disposable capital in the system. The SBV provided refinancing to 5 state commercial banks under Government's Resolution No. 02/NQ-CP dated 07/01/2013 on measures to solve the difficulties of economic production, support the market, and resolve NPLs.

In order to implement the Government's Decree No. 53/2013/ND-CP dated 18/5/2013 on the establishment, organization and operation of Viet Nam Asset Management Company (VAMC), the SBV issued Circular No. 20/2013/TT-NHNN dated 09/9/2013 which regulates on the refinancing terms and conditions of special bills of VAMC to support and credit institutions to resolve NPLs, provide credit to the economy. By the end of 2013, VAMC began to buy NPLs by issuing special bills, however due to ample liquidity the need for this type of bill was limited.

Maintaining stable level of VND and foreign currency required reserves to promote safe and efficient credit expansion and implement anti-dollarization policy

In 2013, the VND required reserves level is 3% for deposit with maturity under 12-month and 1% for deposits with maturity of more than 12 months. For foreign currency deposit, the required reserves level is maintained at a higher level than that of the VND, which is 8% for deposits under 12-month, 6% for deposits with maturity of more than 12 months and 1% for deposits of CIs overseas.

Flexible implementation of credit measures to resolve the difficulties for business enterprises, support market while maintain credit quality and implementation of anti-dollarization policy

The SBV developed and implemented credit measures to promote credit growth in line with targets, while ensure credit quality and safe operation of the system. From the beginning of the year, based on the 12% credit growth ceilings set for 2013, the SBV announced credit growth targets for CIs; during the implementation process, the SBV considered adjusting this target based on credit expansion capability and performance of CIs to ensure credit quality and healthy credit flow based on proposal by foreign bank branches and CIs. In addition, the SBV determined to implement measures to resolve difficulties in the lending-borrowing between CIs and their customers such as: continue restructure the repayment schedule; consider to restructure loans based on evaluation of problem-solving measures in business activities and debt service ability of the borrowers; consider exempting or reducing loans based on financial capability of CIs, etc. For foreign currency credit, the SBV continued to strictly control this activity as stated in Circular No. 37/2012/TT-NHNN dated 28/12/2012 which regulates on foreign currency lending of foreign bank branches and CIs to residents, in line with the Government direction on fighting against dollarization in the economy.

2. Foreign Exchange Management

Managing the exchange rate and forex market to achieve stability

“

Management of exchange rate and forex market according to market signals, ensuring

To ensure the stability of VND/USD exchange rate, in 2012 the SBV synchronously coordinated various measures. *Firstly*, exchange rate communication policy was deployed proactively and positively to stabilize market expectations. Accordingly, the SBV conduct market orientation through diversified communication channels from the beginning of the year and during

market disturbance due to psychological factors. *Secondly*, together with interventions of the forex market in order to balance demand and supply, on 28/6/2013, the SBV made +1% adjustment to the exchange rate and widen the exchange rate band by +/-1% to better reflect supply/demand developments on the market. These adjustments are in line with the SBV's guidance set out at the beginning of the year. *Thirdly*, the SBV coordinated with relevant offices and agencies to conduct management on gold trading activity and tighten the enforcement of violations, through which the implementation of forex management regulations was ensured and dollarization was reduced. *Forthly*, exchange rate management is closely coordinated with management of other tools and measures of monetary policy such as interest rate, regulations on foreign currency credit, open market operation, required reserve, and other measures to manage gold market towards improving the VND and boost confidence in VND.

VND position; implementing synchronous measures to improve balance of payment, increasing state foreign reserve; improving legal basis for forex activities in line with integration trend.

Gold market management had achieved a lot of positive improvements

The year 2013 witnessed many positive improvements of Viet Nam's gold market. Based on the new legal framework on gold market management with the key on Decree No. 24/2012/ND-CP of the Government, the SBV determined to implement synchronous measures to thoroughly solve the problems of the gold market in the previous period, including: *(i)* the SBV continued to implement synchronous measures to basically reorganize the gold market, establish a gold tael buying/selling network that is managed and organized; *(ii)* producing SJC gold tael to meet the market demand on this; *(iii)* the SBV intervened to stabilize the gold market by increase gold tael supply through bidding to narrow down the imbalance of the supply and demand; *(iv)* the SBV determined to terminate the gold lending and borrowing of the credit institutions in line with the roadmap by the end of June 2013. These measures played an important role in stabilizing the forex market in particular and the macro-economy in general.

Management of State foreign exchange reserve management on a safe, liquid and profitable basis

In the context of relatively stable macro-economy, the State forex reserve management continued to perform on safe, liquid and profitable manners. The SBV managed the forex market and exchange rate in line with foreign currency demand and supply in the market, subdued dollarization, goldenisation and controlled trade deficit to stabilize foreign reserve and improve market confidence in the SBV's measures.

Current Account management and appropriate foreign currency usage

The management of current account transactions was conducted towards liberation in line with international commitments, while continued to implement measures to limit using foreign currency in the domestic market to abolish dollarization on Viet Nam's territory. Remittance attracted policy continued to be implemented towards openness and in line with integration trend, thus although the domestic market and the world economy generally still faced a number of difficulties, remittance into Viet Nam still maintained stable, which had a positive impact on balance of payment and contributed to an increase in foreign reserves. Meanwhile, the inspection and reorganization of forex activities had been regularly implemented to reveal violations on a timely basis.

Particularly, the SBV made important progress in finalizing the legal framework on forex management. The SBV coordinated with relevant ministries and agencies in developing the revised Ordinance, which supplemented and modified the Ordinance on foreign exchange, and was approved by the National Assembly on 18/3/2013; issued Circular No. 32/2013/TT-NHNN dated 26/12/2013 to guide the implementation of regulation on limiting the use of foreign currency on Viet Nam's territory to control dollarization; meanwhile simplified the approval procedure to import and export cash activities of foreign currency of the licensed banks.



Impose capital transaction management to ensure the safety and soundness of balance of payment

The SBV continued to implement policies to prudently regulate capital transactions, based on close supervision of capital inflow and outflows, analyzing capital structure and its implications on the economy and the financial system to develop appropriate management policies to mitigate adverse impacts of capital flows, especially the foreign short-term flows. The SBV issued regulations on guiding the opening and using foreign currency accounts to conduct direct offshore investments (Circular No. 36/2013/TT-NHNN dated 31/12/2013, to provide guidance on offshore lending and calling in guaranteed loans for nonresidents (Circular No. 37/2013/TT-NHNN dated 31/12/2013).

3. Financial Stability

3.1. Banking Supervision and Monitoring

In 2013, SBV continued to actively perform its duties in banking supervision and monitoring while carried out the implementation of restructuring of credit institutions system according to Decision No. 254/QĐ-TTg of the Prime Minister dated 01/3/2012. With many solutions implemented, SBV's supervision recorded positive results in improving the effectiveness and efficiency in the state management, ensure system safety, ensure market disciplines in the banking industry and facilitate effective monetary policy planning and management.

Monitoring and Supervision

The SBV carried out comprehensive supervision to credit institutions, combining compliance-based and risk-based supervision in the banking operation; guiding and monitoring and supervision of the entire system. The content of inspection and supervision focused on the critical and emerging issues such as credit quality, credit to major shareholders and related persons, shares ownership, stocks, interbank operation, trust, financial investments, the compliance to prudential ratios in

“

Supervision pursued the important task of restructuring credit institution system, in addition to continued supervision focus on critical issues such as lending activities, interest rates, safety ratio, governance and management, off-site supervision for risks' detecting and early warning of anti-money laundering.

operation of credit institutions, credit growth compared to its set limit, liquidity. Monitoring and supervision has provided an assessment and early warning of financial status, operational management, credit quality, NPL, NPL resolution and restructuring of credit institutions. The SBV has built and put into operation the indicator system of financial supervision in line with international standards; application model measurement, risk monitoring, coordination and use of information and data from credit information activities for monitoring and supervision. The findings and recommendations of monitoring and supervision play an important role in the improvement of regulations, management policies in banking sector towards promoting safety and direct support for the restructuring of the CIs system.

Licensing management

Licensing management for the establishment of new credit institutions, foreign bank branches, representative offices, launching branches, transaction office has been implemented cautiously and associated with the objectives of restructuring credit institution system, and facilitate the development of banking services in suburban areas. The number of branches and transaction offices of newly established banks has decreased significantly compared to the period before the implementation of the restructuring. The opening of subsidiaries, branches of foreign banks in Viet Nam are also cautiously considered and associated with enhanced monitoring measures to ensure safe operation.

The implementation of Credit Institution Restructuring Plan in 2011-2015 period

In 2013, the SBV continued to implement 2013, the central bank continues to implement drastically, urgently plan “Restructuring the system of credit institutions 2011-2015” and has achieved some important results: (i) For the 9 weak Joint stock commercial banks identified in 2012, the SBV has proposed the Prime Minister 8 restructuring plans, in which 03 banks were merged,



01 banks were merged with 01 other credit institution, 01 banks were merged into other banks, 03 banks have been approved the plans to restructure themselves. The remaining 01 credit institution is proposed to the Prime Minister under the plan structure having the participation of foreign investors. In 2013, the central bank has continued to evaluate and identify some weak financial institutions and requires them to build the restructuring plan approved by the central bank; **(ii)** For normal CIs, the central bank had received 35/38 restructuring plan and has approved 26/32 plan, is directing plans for completing the remaining 06. The CIs have approved restructuring plan and have been implementing the content, the proposed solution. Accordingly, the Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development Prime was commented on the restructuring scheme by Prime Minister in association with implementation of recommendations after inspection. The Joint Stock Commercial bank for Foreign Trade of Viet Nam and the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Viet Nam have also been reported to Prime Minister by SBV for guidance. **(iii)** For foreign credit institutions, the SBV facilitate and encourage credit institutions' capital contribution and purchase share of Vietnamese credit institutions, particularly weak CI to restructure CI. The SBV drafted the Government to issue Decree stipulates regulations for the purchase of shares by foreign investors in Viet Nam joint stock CIs, which could consider allowing foreign investors to own at reasonable level of charter capital of weak commercial banks. Along with that, the central bank actively directed to restructure 3 weak joint venture banks or subject to serious violations of the law, including two banks expected the divestment of Viet Nam partners. Besides, SBV also conducted to withdraw license, closing a number of foreign bank branches operating inefficiently or no longer needs to operate in Viet Nam or organizational transformation, transfer of assets, liabilities to affiliated units of the parent banks operating in Viet Nam; **(iv)** For the central PCF and PCF system, the central bank

conducted a review and assessment of the results achieved and problems, causes and suggested measures to further improve the PCF model, carried out at the PCF structure and development, giving directions, solution in order to complete model of credit institutions as the cooperative banks in 2020.

From the time they started implementing the project 254 to the end of 2013, the number of banks, foreign bank branches have steadily decreased, especially the weak credit institutions. The number of CIs decreased 6 (including 4 commercial banks and non-bank credit institutions 2 through merger or dissolution); 2 foreign bank branches were withdraw license, three foreign bank branches were transformed. The SBV is currently handling the transfer of assets liabilities of 4 foreign bank branches into 100% foreign owned capital bank by the same parent bank in Viet Nam.

The credit system is secure and under control of the central bank; threat of system failure, systematic risk has been eliminated; effective state management and discipline in monetary, banking sector has been enhanced; State assets and deposits of the people are safe, even in the weak credit; People's confidence in the banking system is strengthened and enhanced.

Anti-Money Laundering

As a role of Standing Office of the AML/CFT Steering Committee, the SBV has positively, actively cooperated with other relevant agencies, ministries to implement the content of action plan that the Government committed to Financial Action Task Force (FATF) in order to take Viet Nam steps by steps out of the review process of FATF's International Cooperation Review Group. Besides, the SBV continues to collect, process and transmit information related to money laundering, terrorist financing and other criminal offenses related to money laundering for competent investigation agency, the agency proceedings, domestic and overseas trial. In order to support the collection and analysis of information, the



SBV has signed a memorandum of understanding to exchange information on money laundering and terrorist financing with a number of domestic and international organizations such as the Ministry of Public Security, the money laundering agencies of Korea, Thailand and Japan.

In 2013, the SBV submitted to the Government, Prime Minister to issue regulations including: Decision No. 20/2013/QĐ-TTg dated 18/4/2013 regulating the value level of high value transactions subject to report and Decree No. 116/2013/NĐ-CP dated 04/10/2013 detailing implementation of a number of articles of law on prevention and combat of money laundering; cooperated with Ministry of Public Security to establish and submit for the approval of the Law on Anti-Terrorism and Decree providing guidance on Law on Anti-Terrorism including anti-terrorist financing in order to gradually complete the legal framework on the prevention of money laundering and terrorist financing.

3.2. Deployment of Financial Sector Assessment Program (FSAP)

As a role of Standing Office of the FSAP Plan Steering Committee, the SBV continues to lead and coordinate with the related Ministries to implement FSAP as approved by Prime Minister. Specifically, the SBV has coordinated with WB/IMF and related Ministries to basically complete the official assessment period and reviewed the outcomes and approved FSAP report. The FSAP assessments generally reflect the current situation as well as identify the weaknesses and risk exposures that Viet Nam financial sector has been facing, hence propose the recommendations to gradually correct the weaknesses. FSAP acknowledged the positive contribution of financial system into economic growth in the recent period; infrastructures have achieved remarkable progress; payment system rapidly developed, etc., however also identify the accumulated issues in Viet Nam financial systems. Therefore, FSAP propose the strategy to design and implement Viet Nam financial reform program with

“

SBV continues to lead and coordinate with the related Ministries to implement FSAP, basically completed the official assessment period, reviewed the outcomes and approved FSAP report.

the appropriate objectives, measures and methods in line with the current Government leading reform, including NPL resolution and ensuring the efficiency of new financial flow. Besides, FSAP also provided set of technical recommendations in short, medium and long term for concerned Ministries, focus on the main pillars as follows: *(i)* enhanced legal framework and financial supervision; *(ii)* establish, develop legal framework about financial stability and related agencies responsible for financial stability, enhance the interministerial coordination, increase using market measures; *(iii)* upgrade the financial infrastructure; *(iv)* expand financial approach; *(v)* consolidate banking resolution framework and crisis management. Strictly and synchronously implement the government measures and FSAP recommendations will contribute to the make the significant step about finance and operation of Viet Nam credit institutions healthier.

4. Legislation

Legislation development



Legislation and law enforcement continued to be strengthened for the purpose of improving legal framework for banking and monetary activities in line with international trend of integration, implementation banking system restructuring, anti-dollarization schemes, and improving the effectiveness of monetary policy regulation.

In 2013, the SBV completed the amended Ordinance on Foreign Exchange which was submitted to the National Assembly Standing Committee for approval dated 18/3/2013. The amended Ordinance, coming into effect dated 01/01/2014, filled the gaps in the current regulations, creating a better legal framework to align forex activities of individuals and institutions in the economy, accommodating regulatory requirements of the State authorities in line with the integration and capital account liberalization roadmap. In addition, the SBV got approval from the Government and the Prime Minister to issue 6 Decrees and 6 Decisions respectively, drafted and promulgated 40 Circulars with focus on regulation of interest rates, exchange rate, gold trading, promotion of non-cash payment, implementation of two projects “Resolving NPL of credit institutions” and “Establishment of Viet Nam Asset Management Company”, and guiding papers for the implementation of Deposit Insurance Law, Anti-Money Laundering Law and amended Ordinance on Foreign Exchange.



Strengthening compliance with banking regulations

To strengthen compliance with banking regulations, in 2013, the SBV focused on the following key tasks: **(i)** Actively review legislative documents; **(ii)** Organizing communication and dissemination of banking laws and regulations both within and outside the banking sector which mainly focus on the amended Ordinance on Foreign Exchange, the Decrees and Decisions in the banking and monetary areas and the SBV's Circulars; **(iii)** Reviewing, systemizing and merging legal documents, as of 31st December 2013, the SBV announces full or partial cease of more than 500 legal documents and removal of 267 documents which were outdated, invalid and inapplicable; **(iv)** Enhancing legal compliance monitoring, completing SBV's MEI Report (Ministerial Effectiveness Index) for 2012 including proposals for improving SBV's MEI in the coming years; **(v)** Revising current banking legal framework in comparison with its commitments in related international treaties (such as WTO and ASEAN commitments) in which Viet Nam is a member, contributing to the improved transparency of policies, accelerating compliance with the market rules and international commitments to create a more level playing field with more favorable conditions for the operation of credit institutions in Viet Nam.

5. Issue and Vault

Cash issuance and management

In 2013, based on money printing plan, close monitoring of the money printing plan implementation and improving computerization in issue and vault operations, the SBV regulated cash in circulation in a flexible manner to meet cash demand of the economy, and ensure that SBV cash reserve is managed in line with the socio-economic developments of different regions. Particularly, during 2013 Tet Holiday, in order to meet urgent cash demands, the SBV established a task force to timely and effectively troubleshoot problems which might arise in relation to cash supply and regulation. At



The SBV proactively regulated cash in circulation in a flexible manner to meet the demand of the economy.

the same time, the SBV carried out successful measures to improve reputation and protect image of VND as the national currency by collaborating with relevant authorities in public communication on appropriate use of small denominations in circulation, especially in credential festivals and cultural activities.

Additionally, the SBV concentrated its resources in improving sub-legal and other instructive documents, helping credit institutions, foreign banks' branches and the State Treasury to identify sub-standard notes. In parallel, the SBV applied professional measures to select, sort and destroy sub-standard banknotes in safe and effective manners.

Vault security

Given the SBV's continuous efforts in issuing regulations on issues and vault operations, cash management mechanism; building new regulations and dealing with difficulties in delivering, packaging, preserving and transporting reserved gold; timely warning and instructing on risk-related issues of vault safety. In 2013, security and safeguarding was maintained in preserving, delivering and transporting valuable assets and papers in the whole banking industry. On the other hand, cash preservation pressure in the SBV system gradually reduced thanks to the fact that the SBV continued to build, repair cash vaults and terminal storage.

Anti-counterfeiting measures

The SBV was building a database of counterfeit currency which would institute for a future national database on counterfeit currency, and conducted researches, updated information about the development of an application of banknote, coin substances, mould materials as well as security features on the notes to contribute to the prevention and fight against currency counterfeiting. At the same time, the SBV continued to organize training courses in identifying authentic and counterfeit money for issue and vault staff; communicate

and instruct the public to check and identify real and counterfeit banknotes; closely collaborate with relevant authorities in preventing and fighting against currency counterfeiting.

The SBV timely applied modern technology to study and analyze new counterfeit notes to notify and support the banking sector and the State Treasury to access and process information about counterfeit money.

6. Banking Technology and Payment Activities

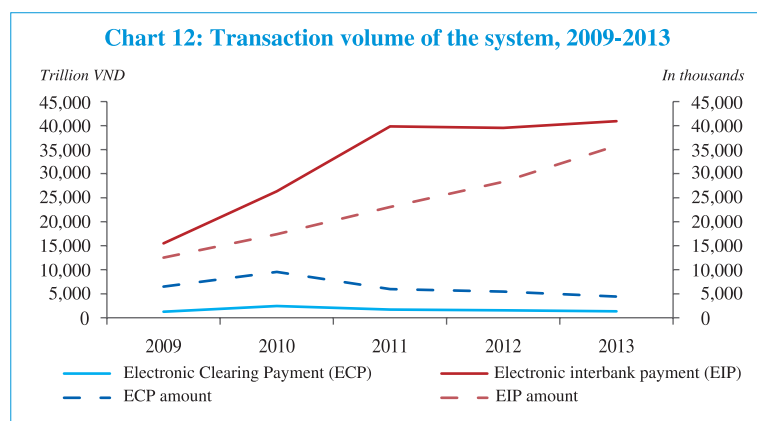
Payment system modernization

As of end-2013, the SBV's electronic interbank payment system (EIPS) had connected to 463 members, including 66 SBV units, 397 units of 94 credit institutions. In 2013, 35.8 million transactions were handled via EIPS with the total value of VND 40,920 trillion (an increase of 26.46% and 3.59% respectively compared to 2012). In 2013, 3 units of the State Treasury became members of EIPS on a pilot basis.

The Electronic Clearing System (ECS) had covered 58/63 provinces and cities with over 900 members. Approximately 4.41 million transactions had been cleared via ECS with the total volume of VND 1,344 trillion, a decrease by 7.1% and 8.4% respectively in comparison to 2012.

“

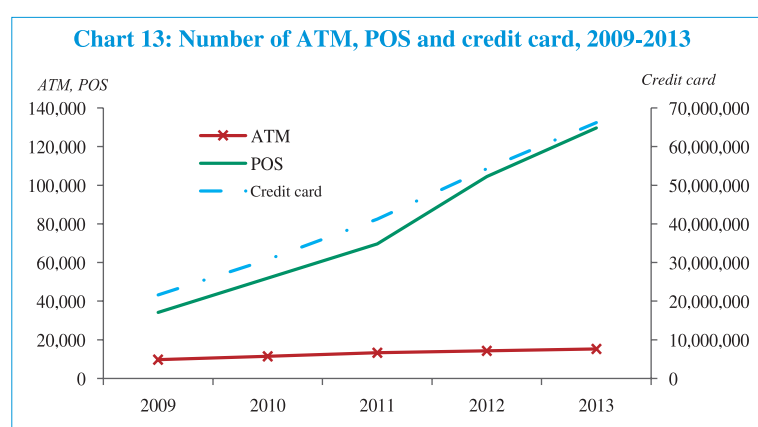
Electronic payment system continued to be modernized to function well and safely, adequately meet payment demands of the whole economy, helped to shorten payment processing time.



Source: The State Bank of Viet Nam

The State Bank of Viet Nam continued to focus on implementing the Project on Establishing a Unified

Card Switching Center approved by the Prime Minister, provided guidance, direction and supervision over the development of POS inter-bank connection and POS card payment system; and built a Project for POS card payment development during 2014-2015 and settled all related constraints as well. Local banks continued their investment to upgrade necessary infrastructure for card payment. By end of 2013, over 15,200 ATMs and 129,600 POS/EDC were installed (an increase of 7% and 24%, respectively, compared to that end of 2012).



Source: The State Bank of Viet Nam

Development of new, modern services and payment methods

New payment services and means continued being developed and diversified with various safe, convenient and useful products including bank cards, Mobile Banking, Internet Banking, SMS Banking, E-wallet, etc., which followed the trends of payment in the regional and international market. The above-mentioned new products brought about more benefits and convenience for consumers, suppliers and commercial banks which helped to initially change people's awareness and habit of using cash in payment. By end of 2013, over 66 million cards were issued (an increase of 22% compared to that of end-2012); the volume and value of card transactions increased by 25% and 43%, respectively, in 2013 compared to those of 2012. E-payment transactions volumes and values, especially internet-based payment transactions in 2013, increased with respective growth of 83% and 42%



compared to 2012. These factors showed the potential and trends of modern banking services development. Over 1.84 million E-wallets had been issued, with 45.3 million transaction valued at VND 23,350 billion. Remuneration payment for state budget payees via bank account transfer continued to expand, hence, over 56,850 state budget payees (accounted for 65%), including 1.9 million staff, were paid via bank account transfer.

Payment system management and supervision

Besides Decree No. 101/2012/ND-CP coming into effect dated 26/3/2013 on non-cash payment, in 2013, the Government issued Decree No. 222/2013/ND-CP dated 31/12/2013 which was valid dated 01/3/2014 on cash payment in order to strengthen cash payment management and discourage the use of cash. In addition, the State Bank of Viet Nam promulgated Circular No. 26/2013/TT-NHNN dated 05/12/2013 on Payment services rates and fees via the SBV which lessened fees for inter-bank payment services aiming at reducing service rates and fees charged by institutional payment services providers.

The SBV continued to collaborate with the Ministry of Public Security in criminal prevention to ensure security and safety in payment transactions; participated in building regulations against high-tech criminals to complete legal framework on preventing high-tech criminals in payment transactions. Strict measures were applied to supervise and prompt the SBV branches and commercial branches to review, identify and resolve gaps of procedures and regulations on ATM installment and operation and timely detect and deal with unexpected incidents.

7. Credit Information

In 2013, CIC data warehouse was upgraded in terms of quality, scope and variety of information indexes after the issuance of Circular No. 03/2013/TT-NHNN and adding more databases from Social Policy Bank and Viet Nam Development Bank. By end of 2013, CIC data

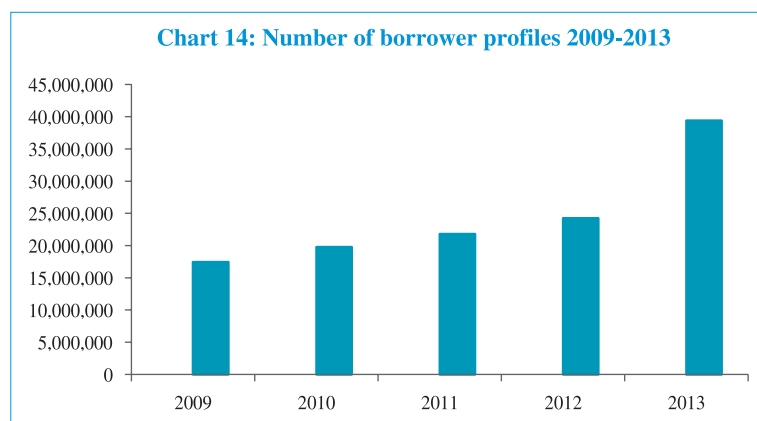


CIC operations had been increasingly effective, contributing

to improved transparency and risk management in banking operations.

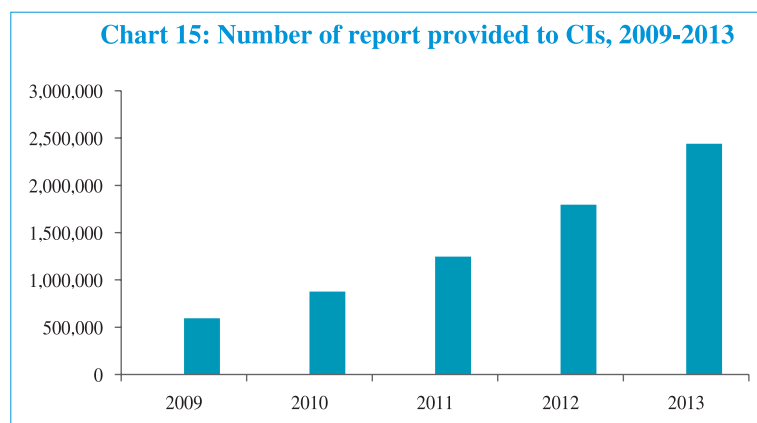
warehouse contained over 39 million borrower profiles, including borrower identifications, credit records, debt classification, maturity, collaterals, credit cards, financial statements, etc. All of those were to be periodically updated and put in archives for 5 years.

CIC provision of credit information



Source: The State Bank of Viet Nam

CIC key responsibility in 2013 was to support the SBV and other state administrative agencies in credit information supervision, risk management and ensuring safety for the whole banking system. CIC developed a separate product system for the SBV at its order for the purposes of banking regulations, supervision including Reports on borrowers with non performing loans, consolidated statements of holding companies and state-owned corporations, consolidated reports according to locations, regions, industries, consolidated reports on outstanding loans of CIs' shareholders, reports on capital resource of real estate companies with large outstanding loans, etc.



Source: The State Bank of Viet Nam

To provide information to the credit institutions and other inquirers, CIC continued to improve quality of existing products, develop and diversify with new ones. Besides the traditional products, CIC provided information packages tailored to each customer's need and applied special corporate rates for each type of inquirers. Specially, along with implementation of FSMIMS project, CIC invested in improving its owned equipment, upgraded its information technology system for better information providing procedures, and automatic rate (immediate reports rate was over 84%). As a result, in 2013, CIC provided more than 3.4 million reports via CIC website (increased by 66.7% in comparison to that of 2012); 42 credit information products for credit institutions classified into 4 groups: reports on credit relationship, credit rating, credit warning, and foreign companies' profiles.

Credit rating operation and risk management supports

CIC was the first institution in Viet Nam which implemented the credit rating system in 2002 and has gained remarkable achievements. In 2013, CIC issued 33,064 corporate credit rating reports at customer requests. In addition, CIC renewed and upgraded its rating process, procedures and methodology adjusted to 35 economic sectors and corporate size (large, medium and small); continued studying and exchanging experiences with other domestic and foreign units.

Over the last year, CIC developed its early credit warning services and other supporting services which assist credit institutions in portfolio management, existing borrower monitoring, and internal credit rating. CIC credit rating results represented independent assessment which was useful source of information for credit institution in their risk management. Moreover, CIC collaborate with NICE GROUP to introduce and provide the overall solution package for internal credit rating system of credit institutions through joint holding of seminars.

Table 2: Credit Information Activity Indicators in Viet Nam, 2012-2013

Item	2012		2013	
	Viet Nam	East Asian and Pacific	Viet Nam	East Asian and Pacific
Depth of credit information index (grades from 0-6)	5	2	4	3
Public credit registry coverage (% of adults)	29.8	10.3	39.1	11.4

Source: CIC, World Bank - Doing Business 2013

8. Information Transparency and Communication

SBV's information provision and communication in 2013 was conducted proactively, transparently, clearly, which assisted its policy regulation. SBV's policies were issued in time and communicated to all stakeholders, through which concurrence from society was achieved. Awareness among the SBV's staff about the importance of policy public communication was hence improved.

By various ways of public communication including reportages, press interviews, press releases, seminars, news, policy dialogues, etc., the SBV frequently and systematically provided information on its policy regulation and banking system performances to the public, media and market players. This helped mass media, investors and the public have full access to accurate information, have a more positive and objective attitude towards which consolidates public confidence in the Government's and the SBV's guidelines and policies.

“

SBV's public communication continued being strengthened by increasing its activeness, diversifying means of communication, improving the quality of publicized information which was appreciated by both domestic and foreign units.

Part III - Corporate Governance

1. Internal Audit Operations

Internal audit activities were implemented with focus on issues with high potential risks, further improving operation and compliance audit. Internal audit strictly followed the plan and was implemented as approved by the Governor in lines with the SBV's objectives and central responsibilities, which ensure operational safety and compliance with the State policies and the SBV's regulations.

In 2013, the internal audit operation continued to focus on 06 areas, including: auditing financial statements at 16 units (05 Departments and Administrative units and 11 SBV's branches); compliance and operation auditing at 15 units (04 Departments and 11 SBV's branches); auditing 07 capital investment projects; information technology audits at 08 units; vault operation audit at the 08 units and SBV's branches with cash vault and audit of FSMIMS Project.

In 2013, the outcomes of internal audit operation have contributed to clarify the strength, weaknesses and potential risks in the SBV's activities. The Internal Audit Department also advised other departments in correcting shortcomings to ensure compliance with the SBV's operational procedures and legal framework.

2. Human Resources and Training

Developments in human resource and personnel structure

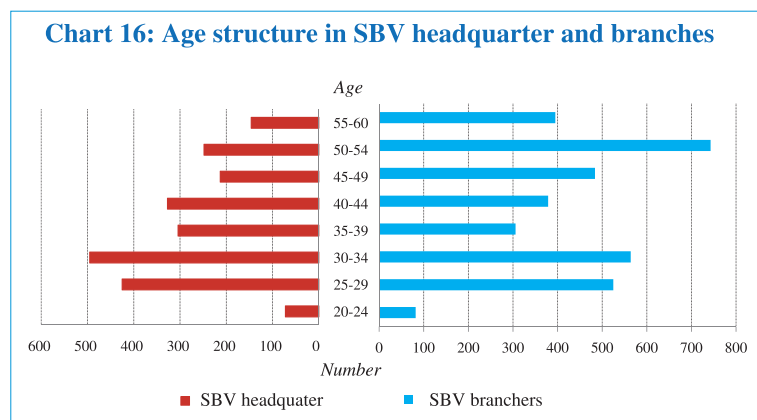
In 2013, the SBV planned to review personnel of SBV's units during the period of 2014-2016 based on the Resolution No. 7-NQ/TW (Term XI), followed the Government's policy in reducing personnel, restructured the staff. The number of personnel during the period of 2014-2016 would not increase, except for the Departments with additional responsibilities. The age and quantity structure of the staff between branches and headquarter' units were as follows:

“

In 2013, internal audit and control focused on high-risk issues, especially on compliance and operations, to ensure safe operation of the SBV.

“

The SBV continued to enhance quantity and quality of SBV units' human resource; upgrade the effectiveness of training activities, with a close linkage between training and application objectives.



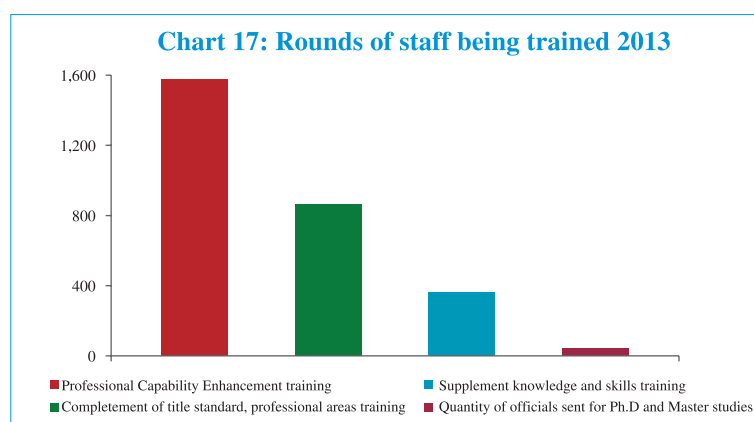
Source: The State Bank of Viet Nam

The above mentioned structure showed that the personnel structure was adjusted toward having recruited young staff who have been well-educated with high professional skills for the policy making, implementing and supervising departments at the SBV's Headquarter. At the same time, the Governor approved to add more staff with professional skills and expertise to credit institutions (specifically to state credit institutions) to effectively enhance policy and banking activity planning and implementing. This also means enhancing staff circulation, especially management staff within the banking system, improving staff capacity and expertise towards professionalism.

Training activities

Training activities pursued the target of developing a capable professional human resource for formulating and implementing central bank policies in line with market principles by applying advanced technology, international standards and practices for central banking, thus contributing to effective implementation of the SBV's state management function over monetary and banking areas. In 2013, around 2,841 SBV's staff were sent to training courses, post-graduate courses; short-term professional training courses on monetary policy formulation and implementation, banking inspection and supervision, accounting, HR management; soft skills training courses; manager training courses at division and department head level and others. The

training quality has increasingly improved, meeting the capacity development target and standard through the whole system. Especially, the SBV effectively cooperated, mobilized and utilized resources for training through the projects supported by the IMF, SEACEN, ADB, WB, JICA, GIZ, SECO, ASDiV, central banks of German, Singapore, Sweden, etc., in order to meet the requirements of enhancing professional knowledge and updated experiences for the SBV's staff.



Source: The State Bank of Viet Nam

Since the beginning of 2014, implementing the professional, enthusiastic and specialized expert development, SBV has built up and explored the training scheme on the target of creating the professional and specialized experts capable of conducting research, making proposals, responses to emerging and complicated issues, for the key departments and units of the SBV. This is also human resource for enhancing in-house trainers for SBV internal training.

3. Scientific Research Activities

In 2013, The SBV executed 34 scientific topics, and projects at the ministerial level, including research on methods to estimate output gap in order to support the monetary policies conduct; develop and implement the early warning model for currency liquidity stress in the banking system in Viet Nam; develop the inflation forecasting model in the SBV; other research topics for improving governance capacity of commercial banks such as: collateral resolution in the credit activities,

“

Scientific research and technology activities in the banking sector are in line with the objectives and tasks set for the banking

industry and have made positive changes, contributed significantly to the theoretical studies, operating of monetary policy and macroeconomic management of the SBV.

issues related to unrecoverable debts...; other topics such as human resource development, banking services and IT infrastructure. Research results of some projects in 2012 and 2013 were applied in implementing assigned functions and duties and also kept for future reference for the advice and recommendation to the SBV's board of management in making policy decisions, issuance of regulations for banking sector. Several typical issues successfully applied in reality, such as "The trend of internationalization of the Chinese Yuan and the policy recommendations for Viet Nam;" "Real estate credit and real estate bubble: Real situations and solutions;" "The basic interest rate in Viet Nam - implementation constraints and remedial measures". In 2013, 06 basic research projects were conducted in which the Banking Strategy Institute executed 05 research projects, the School for banking cards executed 01 research project. After finalized, the issues analyzed under those research projects were timely deployed and applied, meeting the practical requirements on teaching and doing business activities. The SBV also successfully organized 03 scientific seminars at the ministerial level, namely "Monetary policy of inflation targeting: the appropriate choice for Viet Nam"; "Solutions to strengthen, and enhance the effectiveness and efficiency of the banking supervision, monitoring the safety of banking activities;" organized 03 seminars and 04 scientific presentations on several emerging issues in the fields of monetary, credit and banking system. The discussion and shared views in those workshops and seminars contributed to further clarified theoretical grounds, arguments and solutions to solve the complicated and emerging issues of the banking operations, which were highly appreciated by both domestic and international economic specialists and attracted attention from mass media.

4. Statistics Work

In 2013, the SBV actively applied advanced informatics technologies, standardized the reporting system in lines with international practices on monetary

financial statistics and domestic circumstances in order to meet information requirements for monetary policy management. Along with the objective of improving the statistical system, dated 13/12/2013, The SBV issued Circular No. 31/2013/TT-NHNN, regulated the data report applied for all units within the SBV and credit institutions. Foreign bank branches, in replacement of Circular No. 21/2010/TT-NHNN, in order to enhance the collection process, monitor and manage the reports from credit institutions and enhancing a database to meet the requirements of data exploitation. The SBV implemented the database for macroeconomic data, financial markets data both domestic and international. At the same time, enhance the collecting information on business trend and inflation expectation of credit institutions through quarterly and monthly surveys. The result of these works have contributed to the work of analysis, forecasting, planning and managing the monetary policy of the central bank. At the same time, the application of technologies in the process of collecting, consolidating, reviewing information also helped to shorten the time to process data and improve the quality of statistical reports and sharing data information within the SBV.

5. Information Technology

Strengthen state management of information technology

In order to create a legal framework for the application of information technology (IT) in a secure and efficient manner, in 2013, the SBV has issued a number of normative documents, complete step by step framework for IT operations within SBV and for credit institutions such as Decision No. 2752/QĐ-NHNN Plan dated 27/11/2013 on Planning for information technology application in banking sector during 2013-2015 oriented toward 2020, with a focus on enhancing, completing the IT infrastructure, application of IT standards and Core banking solutions, personnel administration, risk management... in accordance with international practices; promoting the development

“

The statistical work of the SBV continues to be improved and further developed to better serve the monetary policy conduct.

“

Expanding the application of information technology coupled with improving the quality of electronic banking services.

of Internet Banking, SMS Banking, Phone Banking, diversified services and promote cashless payments.

At the same time, the SBV also conducts monitoring of IT activities through processing reports from banks and direct inspection in 10 banks, through which it can make recommendations, and timely corrections of errors in the IT activities of banks, ensuring the banking information system operated smoothly, continuously and safely.

Gradually modernized IT infrastructure

2013, the SBV has completed Phase 1 of the international consultant contracts in order to enhance institutional capacity for the main activities of the Bank, as the basis for systems equipped with professional information like bank system core (core Banking), data warehouse operated by the central bank (data warehouse) and the core Administration internal human resources (ERP) from now until the end of 2016, the central bank allowed the central bank to switch to modern models.

SBV has also piloted Website SB system on new technology platforms, adding new categories to meet the accessibility needs, without overload when the number of access spike. This helps to quickly convey timely and accurate monetary operations - banking information, the SBV's monetary policies, to banks, businesses and people.

Banking IT Infrastructure in 2013 has been focused on developing in-depth, upgrading wide-area network (WAN), Internet focused organization and management, effective exploitation of existing infrastructure-oriented focus chemical, virtualisation and uniform implementation of security solutions, security. In 2013, SBV implemented the application of digital signature (PKI), issued nearly 5,000 digital certificates for credit institutions and SBV's staff, forming the basis of exchanging secure electronic data, and creating authentication platform for electronic transactions within the SBV, and between SBV and credit institutions.

Part IV - International Cooperation

In 2013, the SBV was successful in promoting international cooperation activities as planned to deepen the cooperation with international partners and mobilize technical and financial supports for Viet Nam, contributing to efforts of macroeconomic stabilization, economic development, accelerating the international integration process and promoting Viet Nam's position in the international arena.

1. International Economic Integration Activities

In 2013, the SBV has continued to actively participate economic integration and co-operation activities. *Under the ASEAN framework*, the SBV has organized various high-ranking delegations to attend the ASEAN's Central Bank and Ministry of Finance high-level and technical conferences to promote regional financial and banking integration, and enhanced SBV's role as well as Viet Nam's position in the global and regional financial and monetary forums. Especially, 2013 marked the first time Viet Nam co-chaired in ASEAN Committee on Capital Account Liberalization (CAL). *Under ASEAN+3 framework*, by the end of 2013, the SBV's Governor and the Minister of the Ministry of Finance have co-signed the Agreement on the revision of Chiang Mai Initiative's Multi-lateralization (CMIM)-mechanism on supporting the Balance of Payment in short term with the size up to USD 240 billion. *Under SEACEN framework*, Viet Nam has attended the Central Bank Governor's Annual Meetings, Central Bank Deputy Governor's Annual Meetings to discuss on the training and research cooperations on the financial and banking sector as well as regional economic issues. *In the implementation of Viet Nam's WTO commitments* on banking sector, the SBV had amended, supplemented and issued various legal documents in banking sectors; actively collaborated with related ministries in preparing documents and providing necessary information for WTO Secretary to review Viet Nam trading policies in order

“

*Active cooperation
in the areas of
money and finance
within the region
and integrate
in international
economy.*

to assess the current status of Viet Nam macroeconomic conditions 6 years after joining the WTO. In addition, to implement the international integration guidelines set out by the Central party and State, the SBV continued to actively negotiate free trade agreements with other regional and non-regional partners, such as: **(i)** Trans-Pacific Partnership (TPP); **(ii)** European Union and Viet Nam Free Trade Agreement (EVFTA); **(iii)** Free Trade Agreement between Viet Nam and the European Free Trade Association (EFTA); **(iv)** Regional Comprehensive Economic Partnership (RCEP); **(v)** ASEAN- Japan Comprehensive Economic Partnership (AJCEP); **(vi)** ASEAN-India Free Trade Agreement (AIFTA); **(vii)** Viet Nam- Korea Free Trade Agreement; **(viii)** Viet Nam and Custom Union Free Trade Agreement (VCUFTA).

The SBV also performed its principal role in solving trade disputes between Viet Nam and other countries; assessing the impact of other country economic policies on Viet Nam credit institutions. In 2013, the SBV had succeeded in clarifying the banking policy mechanism in the US countervailing investigation framework for warmwater shrimp frozen products from Viet Nam, contributing to the final decision of the US International Trade Commission to withdraw countervailing duties on Viet Nam shrimp products. The SBV also lead an assessment to evaluate the US implementation of tax Act compliance for U.S. citizen's accounts abroad.

2. Cooperation with International Financial and Monetary Institutions

“

Strengthened relations with international monetary institutions.

The SBV had successfully represented the Government of Viet Nam in multilateral financial and monetary institutions including Asian Development Bank (ADB), World Bank (WB) and International Monetary Fund (IMF), strengthen the relationships between Viet Nam and these organizations and effective leveled on their support for Viet Nam in general and for the SBV in particular. In addition to being actively involved in diplomatic activities such as hosting, working, and attending international conferences and workshops



as a Government representative , the SBV also actively negotiated various programs/projects and technical assistances financed by international donors to serve the Government's socio-economic reforms programs as well as continued to promote the progress and efficiency of development projects' implementation. In 2013, the international organizations had made many positive assessments of the macroeconomic conditions , as well as recommended policy measures to further promote economic reform.

With respect to the ADB, the SBV had actively completed the negotiation for 10 programs/projects with a total value equivalent to USD 995 million, of which USD 425 million was financed by ADF fund (the 2nd largest ADF allocation for 2013, only after Bangladesh) and USD 530 million funded by the OCR. Apart from the ADB fund, negotiated projects have added another USD 560 million fund co-finance by the Clean Technology Fund (CTF) and the Australian Government. Thus, from 1993 to 12/2013, the ADB has approved 145 program/project loans with total value of USD 11.96 billion for Viet Nam. The SBV had continued to implement and prepare for ADB's technical assistance projects in the banking sector, including microfinance, monetary market development and capacity building in monetary policy and foreign exchange management. In terms of policy advice, the ADB announced its Country Partnership Strategy (CPS) for Viet Nam during 2012-2015 which reiterates the ADB's continuing support to Viet Nam in implementing its vision to 2020, which include banking and financial sector supports.

With respect to the WB, the SBV has successfully managed development projects and technical assistances financed by the WB, while still engaged in the negotiation of 09 Credit Development Agreements/Financing Agreements for programs/ projects with a total loans of more than USD 1,164 million, which brought the total number of programs/ projects financed by the World Bank as of December 2013 to 144 programs/

projects with over USD 17 billion. The highlight of these projects was the *Management Support and Enhance Economic Competitiveness (EMCC1)*, the first program to support policy reform that Viet Nam has received USD 247 million (allocated from IDA and JPY 15 billion from the capital co-funded by JICA). These reforms are the priorities of the Government in approving and promulgating legal documents and strategy, in which many documents have created the overall framework for the medium-term reform of important reform policies in the banking; SOEs; debt management; tax management; anti-corruption, etc., thus helping Viet Nam to strengthen competitiveness, capture opportunities and sustainable development. The SBV has also played an important role among the Ministries for concurrence in maintain the IDA preferential borrowing status for Viet Nam during period 2014-2017.

With regards to the IMF, the SBV has increased cooperation in a wide range of activities, for example fulfilling Viet Nam's membership obligation, and conducting policy dialogues, training and technical assistances. In 2013, Viet Nam has also voluntarily contributed its second time distributed profit from the IMF's gold sale to the IMF's Poverty Reduction and Growth Trust (PRGT) (total of nearly USD 7 million). More as a norm, the IMF sent the Annual Consultation and staff visit mission to update Viet Nam economic outlook to updated and make appropriate policy recommendations Viet Nam. In order to leverage advantages of policy advice as well as supporting from the IMF for the Government, the SBV and the IMF had regular dialogue to work closely which contributing to reinforce market confidence towards the Government direction solution. Besides, in 2013, the SBV continued to coordinate with the IMF and the World Bank in implementing Financial Sector Assessment Program in Viet Nam (FSAP), along with receiving many technical assistances from the IMF such as: strengthening external statistics, financial soundness indicator compilation; providing training for SBV staff; supporting for building



up Viet Nam financial programming; supporting for forming SBV interest rate operation mechanism; and calculating core inflation.

In addition, the SBV has successfully played the role of representative for the Socialist Republic of Viet Nam at the International Investment Bank (IIB) and the International Bank for Economic Cooperation (IBEC), in the context that these two banks have implemented reforms and strengthened their activities vigorously. The SBV also increased the cooperation with the Bank for International Settlements (BIS), toward joining BIS through further research, participating in some training workshops, cooperative programs, participating in committees and organizations located in BIS. In addition, in order to implementing the Prime Minister's guidance, the SBV has played the coordinator role with the European Asian Development Bank (EDB) to discuss cooperation opportunities in the future.

3. Bilateral Cooperation

The SBV has continued to create strong bilateral relationships with central banks and their monetary management authorities through signing of the memorandum/agreement, high-level visit exchanges and deploy collaborative activities, technical assistance (TA). In 2013, the SBV has negotiated and signed a Memorandum of Understanding on Exchange of Information on Banking Supervision between the SBV and the French Prudential Supervision and Resolution Authority, Memorandum of Understanding between the SBV, the Ministry of Finance and the Financial Supervision Service of the Republic of Korea (FSS) on opening an FSS representative office in Viet Nam, a Memorandum on Exchange of Information relating to Anti-money Laundering with the Thailand Anti-money Laundering office and Financial Intelligence Unit of the Republic of Korea, and also been discussing to countersign a Memorandum on the Bilateral cooperation organization program with the Bank of the People's Democratic Republic of Laos. The SBV has continued successfully

“

Establish close relationships with other countries' central banks and financial institutions.

to coordinate the projects and technical assistance mobilization and implementation from bilateral partners such as JICA (Japan), SECO (Switzerland), German Central Bank, Finance Ministry of the USA, the Bank of Sweden, the technology transfer agency of Luxembourg (ATTF) in the field of professional training for Central Banks. The SBV itself also provided various contents of training support in the financial and banking sector with the Bank of the People's Democratic Republic of Laos and the National Bank of Cambodia.

Regarding the program/cooperation project implementation in banking and financial sector, the SBV has implemented the Banking Regulation and Supervision Support (BRASS) Project funded by the Canadian Government for the period 2012-2017. Besides, in order to facilitate Master plan for the banking sector restructuring, the SBV has cooperated with Japan on building technical assistance projects on the banking restructuring funded by JICA, planned to implement from 01/2014; and actively participated in the Viet Nam-Japan Initiative framework to tackle the monetary and banking issues.

APPENDIX

APPENDIX 1: INTEREST RATES ANNOUNCED BY THE SBV

Unit: % per annum

Time	Refinancing rate	Rediscount rate	Overnight interbank offered rate in electronic payments
December 2012	9	7	10
January 2013	9	7	10
February 2013	9	7	10
March 2013	8	6	9
April 2013	8	6	9
May 2013	7	5	8
June 2013	7	5	8
July 2013	7	5	8
August 2013	7	5	8
September 2013	7	5	8
October 2013	7	5	8
November 2013	7	5	8
December 2013	7	5	8

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 2: OPEN MARKET OPERATIONS

Bid	2012	2013
Number of sessions	299	257
Maturity (days)	7; 14; 21	7; 14
Number of Bidders	1,431	520
Bid Volume (VND Billion)	2,199	743
Success Volume (VND Billion)	1,504	698
Interest rate (% per annum)	7-14	5,5-7
Bidding method	Volume; Interest	Volume
Ask	2012	2013
Number of sessions	79	161
Maturity (days)	28, 56, 91, 182	28, 56, 91, 154, 182
Number of Bidders	1,003	731
Bid Volume (VND Billion)	9,162	2,753
Success Volume (VND Billion)	2,202	1,583
Interest rate (% per annum)	3.48-12.5	1.17-7.2
Bidding method	Volume; Interest	Interest

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 3: REQUIRED RESERVE RATIO DURING 2011-2013

Unit: %

Effective time	VND DEPOSITS (*)		FOREIGN CURRENCY DEPOSIT				
	Deposits of customer, State Treasury, issuance of valuable papers		Deposits of customer, State Treasury, issuance of valuable papers				
			Demand and less than 12-month deposits		12-month and up deposits		
	Demand and less than 12-month deposits	12-month and up deposits	State-owned commercial banks (except VBARD), urban joint stock commercial banks, foreign bank branches, joint venture banks, financial companies	Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development (VBARD), rural joint stock commercial banks, Central banks, People's Credit Fund, cooperative banks	State-owned commercial banks (except VBARD), urban joint stock commercial banks, foreign bank branches, joint venture banks, financial companies, financial leasing companies	Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development (VBARD), rural joint stock commercial banks, Central banks, People's Credit Fund, cooperative banks	Deposits of credit institutions abroad
May 2011	3	1	6	5	4	3	
June 2011	3	1	7	6	5	4	
September 2011 (**)	3	1	8	7	6	5	1

(*) The required reserves ratio for CIs with more than 40% of outstanding loans to agricultural and rural development is lower as regulated in Circular 20/2010/TT-NHNN dated 29 September 2010 of the SBV guiding on implementation of measures on operating policy tools to support CIs in lending to agricultural and rural areas.

(**) Deposits of overseas credit institutions must comply with regular required reserves requirements according to Circular No. 27/2011/TT-NHNN dated 31 August 2011 which amends and supplements some Articles on applying credit institutions' required reserve ratio to foreign exchange deposits of overseas credit institutions, and is enclosed with Decision No. 581/2003/QĐ-NHNN dated 09 June 2003 of the SBV's Governor.

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 4: BALANCE OF PAYMENT

Unit: USD Million

	2012	2013
A. CURRENT ACCOUNT BALANCE	9,267	9,471
1. Balance of Trade	8,714	8,730
Export (FOB)	114,529	132,135
Import (FOB)	105,815	123,405
Import (CIF)	113,780	132,125
2. Service	-1,430	-1,400
Receipts	9,620	10,500
Payments	11,050	11,900
3. Transfers	8,212	9,477
Private Sector	7,912	8,879
Public Sector	300	598
4. Investment Income	-6,229	-7,336
Receipts	295	281
Payments	6,524	7,617
B. BALANCE OF CAPITAL AND FINANCE	8,729	-151
5. Foreign Direct Investment (FDI)	7,168	6,944
Foreign Investment in Viet Nam	8,368	8,900
Viet Nam's Investment Abroad	1,200	1,956
6. Loans, Medium and Long Term Debt	4,307	3,369
Loans	7,770	8,085
Government Loans	4,446	4,544
Business Loans (excluding FDI)	3,324	3,541
Amortization	3,463	4,716
Repayment of Government	881	1,219
Repayment of Enterprises (FDI + Viet Nam enterprises)	2,582	3,497
7. Short term borrowing and servicing	1,306	81
Disbursements	16,011	14,793
Amortization	14,705	14,712
8. Foreign Indirect Investment (FII)	1,990	1,469
Foreign Investment in Viet Nam	1,887	1,389
Viet Nam's Investment abroad	-103	-80
9. Cash and Deposit	-6,042	-12,014
Banking sector	107	-2,334
Other sectors	-6,149	-9,680
C. ERRORS AND OMISSIONS	-6,129	-8,763
D. OVERALL BALANCE	11,867	557
E. FINANCING	-11,867	-557
10. Change of International Reserves	-11,867	-557
Change of SBV's total foreign assets except IMF fundings	-11,847	-557
IMF fundings	-20	0
Loans	0	0
Payment	20	0
11. Change of overdue and rescheduled debts	0	0
Change of overdue debt	0	0
Rescheduling	0	0

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 5: USD/VND EXCHANGE RATE

Unit: VND/USD

2013	Exchange Rate end-month			Average Exchange Rate in the Month		
	Average Rate on the Inter-bank Foreign Currency Market	Average Rate of Commercial Banks		Average Rate on the Inter-bank Foreign Currency Market	Average Rate of Commercial Banks	
		Buying	Selling		Buying	Selling
January	20,828	20,825	20,865	20,828	20,823	20,864
February	20,828	20,890	20,970	20,828	20,844	20,909
March	20,828	20,920	20,960	20,828	20,917	20,965
April	20,828	20,910	20,960	20,828	20,889	20,935
May	20,828	20,980	21,030	20,828	20,940	20,996
June	21,036	21,130	21,200	20,845	21,020	21,044
July	21,036	21,130	21,190	21,036	21,197	21,239
August	21,036	21,110	21,180	21,036	21,089	21,158
September	21,036	21,080	21,140	21,036	21,090	21,155
October	21,036	21,080	21,120	21,036	21,080	21,130
November	21,036	21,080	21,120	21,036	21,079	21,120
December	21,036	21,085	21,125	21,036	21,090	21,130

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 6: 2013 DOMESTIC GOLD PRICES

Unit: Million Dong/Tael

	Gold Price end-month	Average Gold Price in the month
January	45.45	45.57
February	43.20	44.84
March	43.75	43.80
April	42.65	42.51
May	41.05	41.14
June	35.65	39.55
July	37.88	37.61
August	38.25	37.79
September	37.44	37.74
October	37.10	37.26
November	35.37	36.20
December	34.65	35.22

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 7: CONSUMER PRICE INDEX

Unit: %

Year	Time	January	February	March	April	May	June	July	August	September	October	November	December
2008	Year to date	2.38	6.02	9.19	11.60	15.96	18.44	19.78	21.65	21.87	21.64	20.71	19.89
	Month on month	2.38	3.56	2.99	2.20	3.91	2.14	1.13	1.56	0.18	-0.19	-0.76	-0.68
	Year on year	14.11	15.67	19.39	21.42	25.20	26.80	27.04	28.32	27.90	26.72	24.22	19.89
2009	Year to date	0.32	1.49	1.32	1.68	2.12	2.68	3.22	3.47	4.11	4.49	5.07	6.52
	Month on month	0.32	1.17	-0.17	0.35	0.44	0.55	0.52	0.24	0.62	0.37	0.55	1.38
	Year on year	17.48	14.78	11.25	9.23	5.58	3.94	3.31	1.97	2.42	2.99	4.35	6.52
2010	Year to date	1.36	3.35	4.12	4.27	4.55	4.78	4.84	5.08	6.46	7.58	9.58	11.75
	Month on month	1.36	1.96	0.75	0.14	0.27	0.22	0.06	0.23	1.31	1.05	1.86	1.98
	Year on year	7.62	8.46	9.46	9.23	9.05	8.69	8.19	8.18	8.92	9.66	11.09	11.75
2011	Year to date	1.74	3.87	6.12	9.64	12.07	13.29	14.61	15.68	16.63	17.05	17.50	18.13
	Month on month	1.74	2.09	2.17	3.32	2.21	1.09	1.17	0.93	0.82	0.36	0.39	0.53
	Year on year	12.17	12.31	13.89	17.51	19.78	20.82	22.16	23.02	22.42	21.59	19.83	18.13
2012	Year to date	1.00	2.38	2.55	2.60	2.78	2.52	2.22	2.86	5.13	6.02	6.52	6.81
	Month on month	1.00	1.37	0.16	0.05	0.18	-0.26	-0.29	0.63	2.20	0.85	0.47	0.27
	Year on year	17.27	16.44	14.15	10.54	8.34	6.90	5.35	5.04	6.48	7.00	7.08	6.81
2013	Year to date	1.25	2.59	2.39	2.41	2.35	2.40	2.68	3.53	4.63	5.14	5.50	6.04
	Month on month	1.25	1.32	-0.19	0.02	-0.06	0.05	0.27	0.83	1.06	0.49	0.34	0.51
	Year on year	7.07	7.02	6.64	6.61	6.36	6.69	7.29	7.50	6.30	5.92	5.78	6.04

Source: General Statistics Office

APPENDIX 8: MONETARY AND CREDIT INDICATORS

Indicators	2012	QI/2013	QII/2013	QIII/2013	QIV/2013
Absolute Value (VND billion)					
1. Total liquidity	3,702,867	3,842,421	3,973,449	4,085,496	4,400,692
2. Deposit of resident economic entities and individuals	3,247,363	3,380,793	3,522,944	3,636,635	3,893,953
3. Claims to the economy	3,090,902	3,127,144	3,236,789	3,081,745	3,477,982
Annual Growth Rate (%)					
1. Total liquidity	18.46	3.77	7.31	10.33	18.85
2. Deposit of resident economic entities and individuals	17.87	4.11	8.49	11.99	19.91
3. Claims to the economy	8.85	1.17	4.72	-0.30	12.52

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 9: GROSS DOMESTIC PRODUCT

Year	GDP at current price (VND billion)	GDP Growth* (%)	GDP per capita (VND thousand)
2005	914,000	7.55	11,093
2006	1,061,600	6.98	12,742
2007	1,246,800	7.13	14,804
2008	1,616,000	5.66	18,986
2009	1,809,100	5.40	21,031
2010	2,157,800	6.42	24,822
2011	2,779,900	6.24	31,647
2012	3,245,400	5.25	36,559
2013	3,584,300	5.42	39,825

Source: General Statistics Office

Note: * Base year 2010

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập

NGUYỄN THỊ THU HÀ

Publishing Responsibility

Director - Editor in Chief

NGUYEN THI THU HA

Biên tập: NGÔ THỊ MỸ HẠNH

NGUYỄN THỌ VIỆT

Editors: NGO THI MY HANH

NGUYEN THO VIET

Thiết kế: NGUYỄN CHÍ SINH

TRẦN HỒNG MINH

Designer: NGUYEN CHI SINH

TRAN HONG MINH

In 400 cuốn, khổ 20,5 x 29 cm, tại Công ty TNHH In và Dịch vụ Thương mại Phú Thịnh
Địa chỉ: 16/3 ngõ 191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
Đăng ký xuất bản số: 1400-2014/CXBIPH/3-411/TTTT
Giấy phép xuất bản số: 368/QĐ-NXB TTTT ngày 27/11/2014
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2014.
Mã số: KK 89 HM 14

Printed 400 copies, size 20.5 x 29 cm, in Phu Thinh Printing and Service Trading Co., Ltd
Add: 16/3 Alley 191 Lac Long Quan Str., Nghia Do Ward, Cau Giay District, Ha Noi City
Publishing Plan: No 1400-2014/CXBIPH/3-411/TTTT
Publishing Decision: No 368/QD-NXB TTTT date 27/11/2014
Completed and Registered in December 2014.
Code No.: KK 89 HM 14

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập

NGUYỄN THỊ THU HÀ

Publishing Responsibility

Director - Editor in Chief

NGUYEN THI THU HA

Biên tập: NGÔ THỊ MỸ HẠNH

NGUYỄN THỌ VIỆT

Editors: NGO THI MY HANH

NGUYEN THO VIET

Thiết kế: NGUYỄN CHÍ SINH

TRẦN HỒNG MINH

Designer: NGUYEN CHI SINH

TRAN HONG MINH

In 700 cuốn, khổ 20,5 x 29 cm, tại Công ty TNHH In và Dịch vụ Thương mại Phú Thịnh
Địa chỉ: 16/3 ngõ 191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
Đăng ký xuất bản số: 1400-2014/CXBIPH/3-411/TTTT
Giấy phép xuất bản số: 300/QĐ-NXB TTTT ngày 14/10/2014
In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2014.
Mã số: KK 89 HM 14

Printed 700 copies, size 20.5 x 29 cm, in Phu Thinh Printing and Service Trading Co., Ltd
Add: 16/3 Alley 191 Lac Long Quan Str., Nghia Do Ward, Cau Giay District, Ha Noi City
Publishing Plan: No 1400-2014/CXBIPH/3-411/TTTT
Publishing Decision: No 300/QĐ-NXB TTTT date 14/10/2014
Completed and Registered in October 2014.
Code No.: KK 89 HM 14